



MAI SỸ TUẤN (Tổng Chủ biên) – BÙI PHƯƠNG NGÀ (Chủ biên)
NGUYỄN TUYẾT NGÀ – LƯƠNG VIỆT THÁI – NGUYỄN THỊ THU TRANG

Tự nhiên và Xã hội

1
SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

MAI SỸ TUẤN (Tổng Chủ biên) – BÙI PHƯƠNG NGÀ (Chủ biên)
NGUYỄN TUYẾT NGÀ – LƯƠNG VIỆT THÁI – NGUYỄN THỊ THU TRANG

Tự nhiên và Xã hội

(Tái bản lần thứ nhất)

1

SÁCH GIÁO VIÊN

Cánh Diều

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



LỜI NÓI ĐẦU

Cuốn sách ***Tự nhiên và Xã hội 1 – Sách giáo viên*** là tài liệu hướng dẫn giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục cấp Tiểu học tổ chức dạy học theo sách giáo khoa Tự nhiên và Xã hội 1 do Nhà xuất bản Đại học Sư phạm ấn hành; nhằm thực hiện Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2018.

Cuốn sách gồm hai phần:

Phần một. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Phần này giới thiệu khái quát về Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội; về bộ sách giáo khoa Tự nhiên và Xã hội 1 (gồm sách giáo khoa, sách giáo viên và vở bài tập).

Phần hai. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

Phần này đưa ra các hướng dẫn dạy học cho từng bài học theo sáu chủ đề có trong chương trình, đó là: (1) Gia đình; (2) Trường học; (3) Cộng đồng địa phương; (4) Thực vật và động vật; (5) Con người và sức khỏe; (6) Trái Đất và bầu trời. Các kế hoạch bài học được thiết kế theo yêu cầu phát triển năng lực học sinh, trong đó mục tiêu của bài học được mô tả bằng các động từ thể hiện hoạt động của học sinh. Phương pháp dạy học, phương tiện dạy học được lựa chọn phù hợp với mục tiêu của bài học và hoạt động chiếm lĩnh kiến thức của học sinh trên lớp.

Chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến những ý kiến góp ý của các nhà khoa học về đề cương, ý kiến của giáo viên phổ thông về thiết kế kế hoạch bài học theo chủ đề,...

Mặc dù các tác giả đã rất cố gắng, nhưng trong quá trình biên soạn sách khó tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi rất mong được các đồng nghiệp tiếp tục góp ý để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn trong những lần tái bản.

CÁC TÁC GIẢ

Phần một

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

1. Đặc điểm của môn học

Môn Tự nhiên và Xã hội ở cấp Tiểu học (từ lớp 1 đến lớp 3) là môn học bắt buộc, được xây dựng và phát triển trên nền tảng tích hợp những kiến thức về thế giới tự nhiên và xã hội; đặt nền móng để học sinh (HS) tiếp tục học môn Khoa học và môn Lịch sử và Địa lí ở các lớp 4, 5 của cấp Tiểu học.

2. Quan điểm xây dựng chương trình môn học

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội quán triệt các quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, kế hoạch giáo dục và các định hướng về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục được nêu trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể. Xuất phát từ đặc thù của môn học, các quan điểm sau đây được nhấn mạnh trong xây dựng chương trình:

QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH



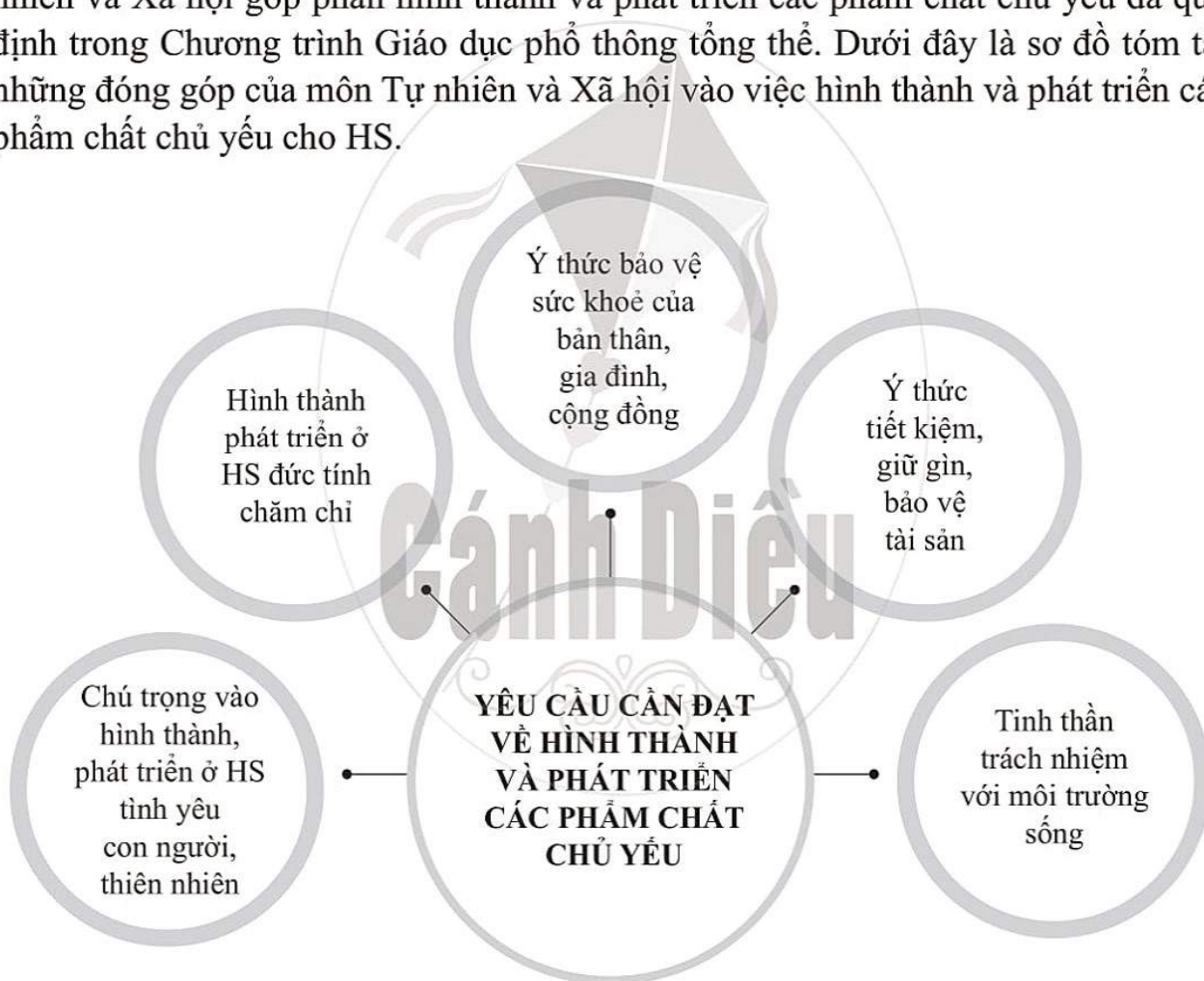
3. Mục tiêu của chương trình môn học

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội góp phần hình thành, phát triển ở HS tình yêu con người, thiên nhiên; đức tính chăm chỉ; ý thức bảo vệ sức khỏe của bản thân, gia đình, cộng đồng; ý thức tiết kiệm, giữ gìn, bảo vệ tài sản; tinh thần trách nhiệm với môi trường sống; các năng lực chung và năng lực khoa học.

4. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực

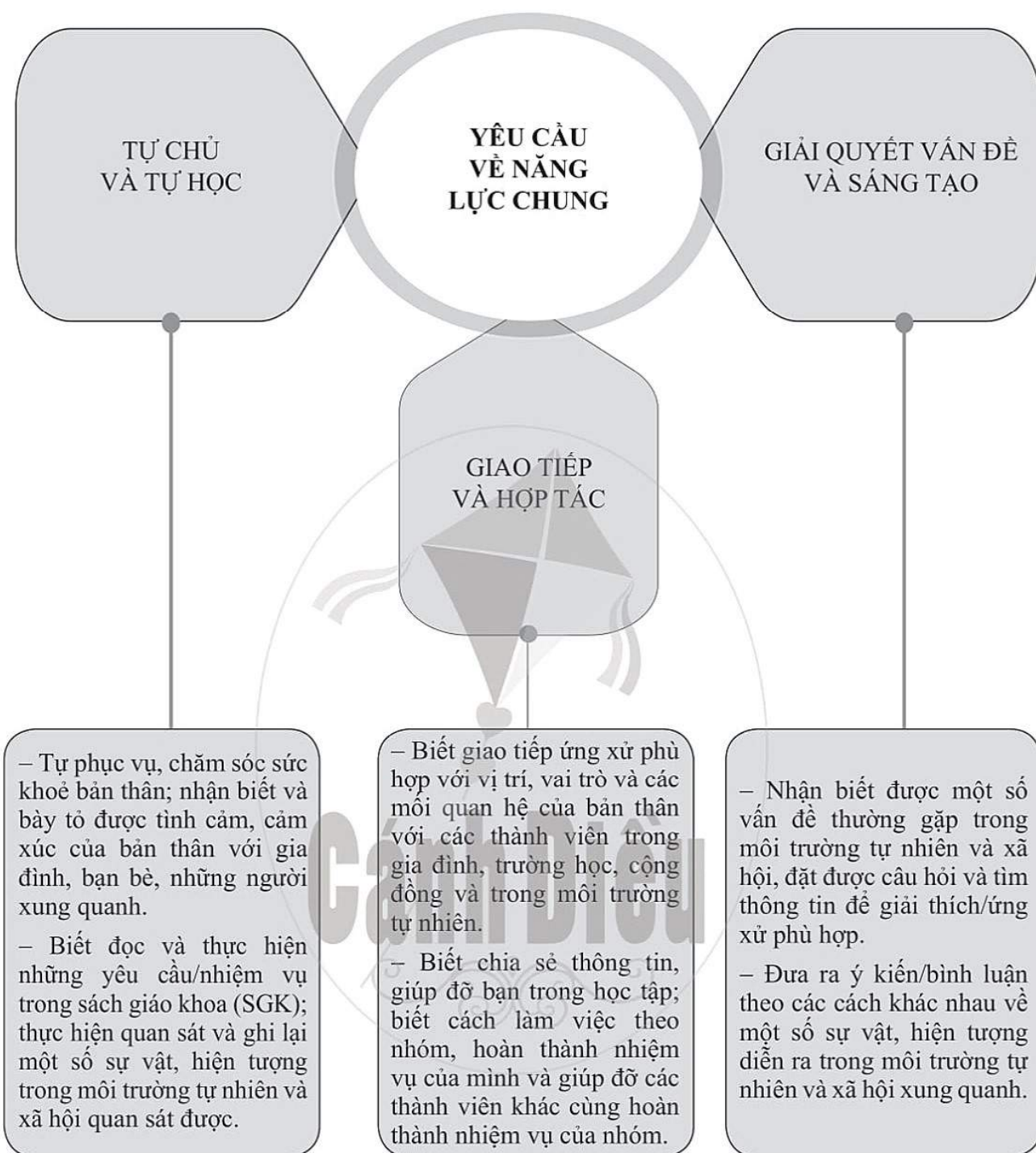
a) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất

Cùng với các môn học khác và hoạt động giáo dục ở cấp Tiểu học, môn Tự nhiên và Xã hội góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu đã quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể. Dưới đây là sơ đồ tóm tắt những đóng góp của môn Tự nhiên và Xã hội vào việc hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu cho HS.



b) Yêu cầu cần đạt về năng lực chung

Môn Tự nhiên và Xã hội có nhiệm vụ hình thành và phát triển các năng lực chung cho HS gồm: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Dưới đây là sơ đồ tóm tắt những đóng góp của môn Tự nhiên và Xã hội vào việc hình thành và phát triển các năng lực chung cho HS.



c) Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù và đóng góp của môn học trong việc hình thành, phát triển các năng lực đặc thù cho HS

Môn Tự nhiên và Xã hội hình thành và phát triển ở HS năng lực khoa học, bao gồm các thành phần: nhận thức khoa học; tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Những biểu hiện của năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội được trình bày tóm tắt trong sơ đồ sau:

YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC KHOA HỌC TRONG MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

NHẬN THỨC VỀ KHOA HỌC

Nhận biết ở mức độ cơ bản, ban đầu về một số sự vật, hiện tượng và mối quan hệ trong môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh.

Phân biệt được sự vật và hiện tượng này với sự vật và hiện tượng khác dựa trên một số tiêu chí đơn giản.

TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI XUNG QUANH

Quan sát và đặt được các câu hỏi đơn giản về các sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội xung quanh và sự thay đổi của chúng.

Sử dụng được những dụng cụ đơn giản để quan sát.

Biết đọc để tìm thông tin, điều tra, thực hành đơn giản để tìm hiểu về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh.

Thu thập và ghi lại được các dữ liệu đơn giản từ quan sát, thực hành.

Từ kết quả quan sát, thực hành rút ra được nhận xét về những đặc điểm bên ngoài, so sánh sự giống, khác nhau giữa các sự vật, hiện tượng xung quanh và sự thay đổi của chúng theo thời gian một cách đơn giản.

VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG ĐÃ HỌC

Vận dụng kiến thức để mô tả, giải thích được một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh.

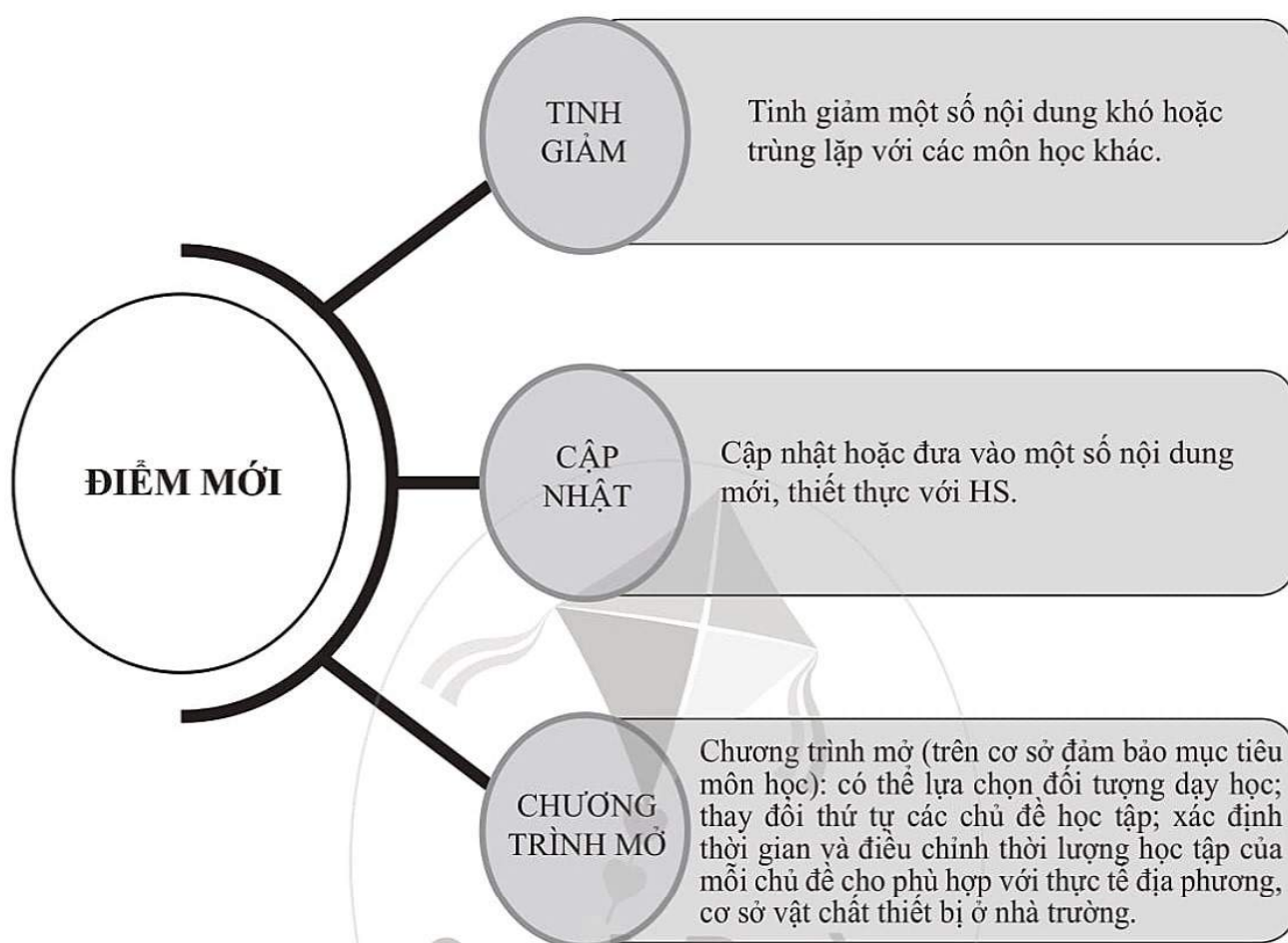
Ứng xử phù hợp trong các tình huống có liên quan đến vấn đề sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng.

5. Nội dung môn học

a) Nội dung khái quát của môn học

Chủ đề	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3
1 Gia đình	- Thành viên và mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình. - Nhà ở, đồ dùng trong nhà; sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà. - Sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp.	- Các thế hệ trong gia đình. - Nghề nghiệp của người lớn trong gia đình. - Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà. - Giữ vệ sinh nhà ở.	- Họ hàng nội, ngoại. - Ngày kỉ niệm, sự kiện đáng nhớ của gia đình. - Phòng tránh hoả hoạn khi ở nhà. - Giữ vệ sinh xung quanh nhà.
2 Trường học	- Cơ sở vật chất của lớp học và trường học. - Các thành viên và nhiệm vụ của một số thành viên trong lớp học, trường học. - Hoạt động chính của HS ở lớp học và trường học. - An toàn khi vui chơi ở trường và giữ lớp học sạch đẹp.	- Một số sự kiện thường được tổ chức ở trường học. - Giữ an toàn và vệ sinh khi tham gia một số hoạt động ở trường.	- Hoạt động kết nối với xã hội của trường học. - Truyền thống nhà trường. - Giữ an toàn và vệ sinh ở trường hoặc khu vực xung quanh trường.
3 Cộng đồng địa phương	- Quang cảnh làng xóm, đường phố. - Một số hoạt động của người dân trong cộng đồng. - An toàn trên đường.	- Hoạt động mua bán hàng hoá. - Hoạt động giao thông.	- Một số hoạt động sản xuất. - Một số di tích văn hoá, lịch sử và cảnh quan thiên nhiên.
4 Thực vật và động vật	- Thực vật và động vật xung quanh. - Chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi.	- Môi trường sống của thực vật và động vật. - Bảo vệ môi trường sống của thực vật, động vật.	- Các bộ phận của thực vật, động vật và chức năng của các bộ phận đó. - Sử dụng hợp lí thực vật và động vật.
5 Con người và sức khoẻ	- Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể. - Giữ cho cơ thể khoẻ mạnh và an toàn.	- Một số cơ quan bên trong cơ thể: vận động, hô hấp, bài tiết nước tiểu. - Chăm sóc và bảo vệ các cơ quan trong cơ thể.	- Một số cơ quan bên trong cơ thể: tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh. - Chăm sóc và bảo vệ các cơ quan trong cơ thể.
6 Trái Đất và bầu trời	- Bầu trời ban ngày, ban đêm. - Thời tiết.	- Các mùa trong năm. - Một số thiên tai thường gặp.	- Phương hướng. - Một số đặc điểm của Trái Đất. - Trái Đất trong hệ Mặt Trời.

b) Điểm mới của nội dung môn học so với chương trình năm 2000



6. Phương pháp giáo dục

a) Định hướng về phương pháp giáo dục

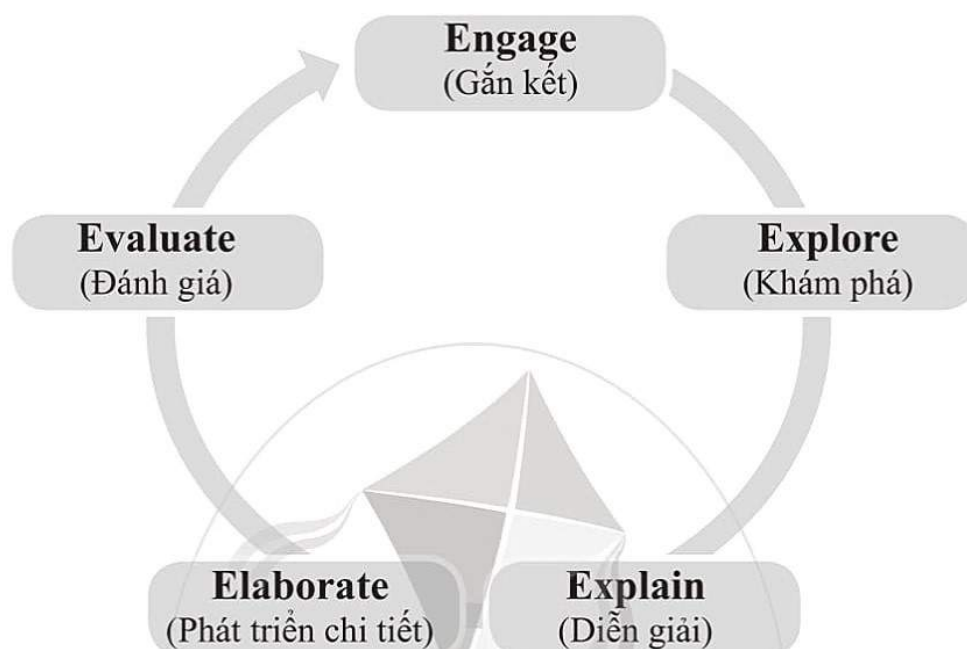
Trong chương trình môn Tự nhiên và Xã hội không đề xuất những phương pháp dạy học cụ thể mà chỉ đưa ra những định hướng chung về phương pháp giáo dục khoa học; định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung; định hướng về phương pháp hình thành, phát triển năng lực khoa học. Dựa vào những định hướng trên, giáo viên (GV) sẽ lựa chọn các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với từng chủ đề, từng bài học.

b) Giới thiệu một mô hình bài học nhằm hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh

Để thực hiện mục tiêu hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực cho HS, mỗi bài học có thể áp dụng linh hoạt mô hình dạy học 5E. Mô hình dạy học 5E dựa trên thuyết kiến tạo nhận thức của quá trình học, theo đó HS xây dựng các kiến thức mới dựa trên các kiến thức hoặc trải nghiệm đã biết trước đó. 5E viết tắt của năm từ bắt đầu bằng chữ cái E trong tiếng Anh: Engage (Gắn kết),

Explore (Khám phá), Explain (Diễn giải), Elaborate (Phát triển chi tiết) và Evaluate (Đánh giá).

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC THEO MÔ HÌNH DẠY HỌC 5E



Gắn kết

Đây là bước đầu tiên của quá trình dạy khám phá khoa học. Thông qua các hoạt động đa dạng, GV thu hút sự chú ý và quan tâm của HS, tạo không khí trong lớp học, HS cảm thấy có sự liên hệ và kết nối với những kiến thức hoặc trải nghiệm trước đó.

Các hoạt động gợi ý trong bước *Gắn kết*:

- Cho HS xem video clip về chủ đề có liên quan đến bài học để HS có thể liên hệ với hiểu biết trước đây của mình, hoặc hình dung ra nội dung sắp học.
- Tổ chức trò chơi có liên quan đến vấn đề bài học (HS chưa cần hiểu) để HS có thể liên hệ với kinh nghiệm đã biết.
- Kể một câu chuyện có thông tin liên quan đến chủ đề sắp học.
- Đưa ra một thử thách hoặc một câu đố cho HS liên hệ tìm giải pháp bằng kinh nghiệm đã có của mình để giải quyết vấn đề có liên quan đến bài học.

Khám phá

Đây là bước thứ hai, GV tổ chức cho HS tìm tòi những kiến thức hoặc những trải nghiệm mang tính cơ bản, nền tảng, dựa vào đó các kiến thức mới của HS có thể được hình thành. Ở giai đoạn này, HS sẽ trực tiếp khám phá và thao tác trên các vật liệu hoặc học cụ đã được chuẩn bị sẵn.

Các hoạt động gợi ý trong bước *Khám phá*:

- Tổ chức một hoạt động/trò chơi/thí nghiệm... cho HS quan sát hoặc trải nghiệm bằng chân/tay để khám phá ra kiến thức chuẩn bị được kết luận trong bài. Hoạt động này khác với các hoạt động ở bước Gắn kết ở chỗ là liên quan trực tiếp đến kiến thức sẽ được chốt, chứ không đơn thuần là chỉ có liên quan đến chủ đề.
- Với những chủ đề không dễ để tổ chức thành hoạt động học qua làm, GV có thể cho HS khám phá thông tin qua đoạn phim ngắn hoặc poster, tranh ảnh có chứa thông tin/kiến thức sẽ được kết luận trong bài.

Lưu ý: Có những nội dung học cần được GV cung cấp kiến thức cơ bản trước khi cho HS quan sát hoặc trải nghiệm ở bước *Khám phá*.

Diễn giải

Đây là bước thứ ba, GV tạo điều kiện cho HS được trình bày, miêu tả, phân tích các trải nghiệm hoặc quan sát vừa thực hiện ở bước *Khám phá*. Ở bước này, GV có thể giới thiệu các thuật ngữ mới, khái niệm mới, công thức mới, giúp HS kết nối và thấy được sự liên hệ với trải nghiệm trước đó.

Các hoạt động gợi ý trong bước *Diễn giải*:

- Tổ chức cho HS trình bày/miêu tả/phân tích các trải nghiệm hoặc những gì quan sát được ở bước *Khám phá*. HS có thể đưa ra một vài kết luận theo gợi ý của GV (tùy mức độ dễ hay khó của nội dung học tập mà yêu cầu HS làm việc này).
- Giới thiệu các thuật ngữ mới, công thức mới để HS hiểu rõ hơn về các trải nghiệm hoặc những gì quan sát được ở bước *Khám phá*.
- Đưa ra các kết luận chính trong bài.

Phát triển chi tiết

Đây là bước thứ tư, GV giúp HS thực hành và vận dụng các kiến thức đã học được ở bước *Diễn giải*, giúp HS làm sâu sắc hơn các hiểu biết, khéo léo hơn các kỹ năng và có thể áp dụng được trong những tình huống, hoàn cảnh đa dạng khác nhau.

Các hoạt động gợi ý trong bước *Phát triển chi tiết*:

- Tổ chức một hoạt động thực hành vận dụng kiến thức vừa chốt.
- Cho HS làm việc với phiếu học tập để kiểm tra sâu hơn về kiến thức.
- Đưa ra những tình huống ứng dụng thực tế để kiểm tra khả năng vận dụng kiến thức của HS.

Đánh giá

Đây là bước thứ năm, nhưng cũng được xem là bước đi đồng thời với các bước trên. Ở đây, GV sẽ sử dụng các kỹ thuật đánh giá đa dạng để nhận biết quá trình nhận thức và khả năng của từng HS, từ đó đưa ra các phương hướng điều chỉnh và hỗ trợ HS phù hợp, giúp HS đạt được các mục tiêu học tập đã đề ra.

Các hoạt động gợi ý trong bước *Đánh giá* (có thể không cần thực hiện riêng phần này ở cuối tiết học vì đã thực hiện đồng thời ở các bước trước):

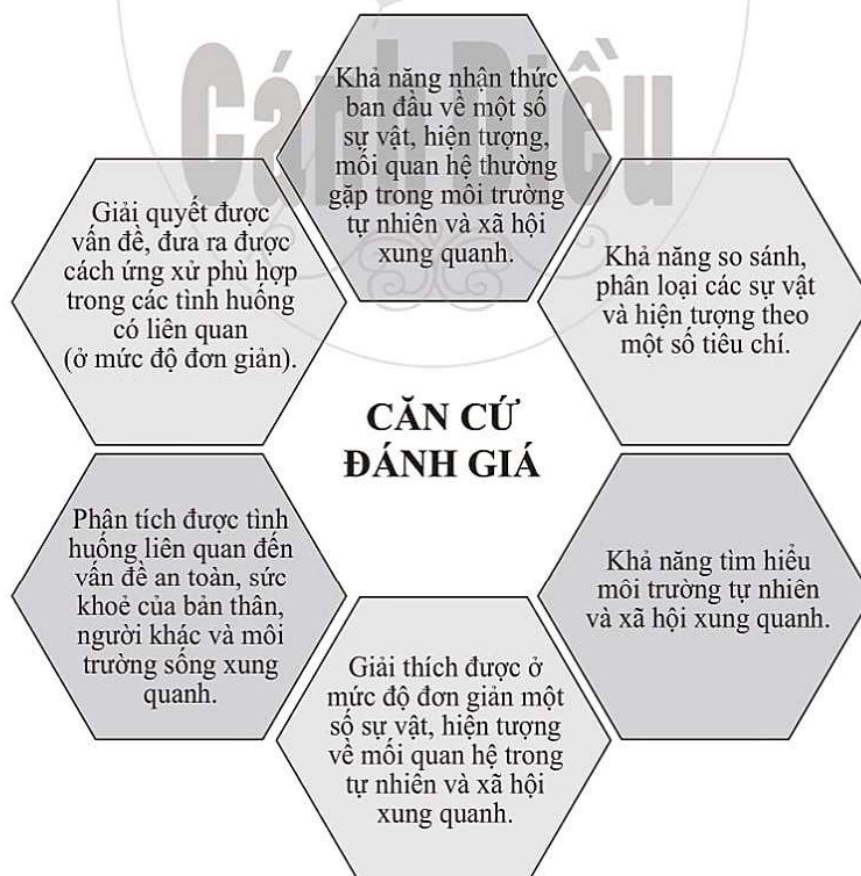
- Câu hỏi ôn tập bài.
- Làm việc với phiếu học tập tại lớp.
- Yêu cầu vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào cuộc sống.

7. Đánh giá kết quả giáo dục

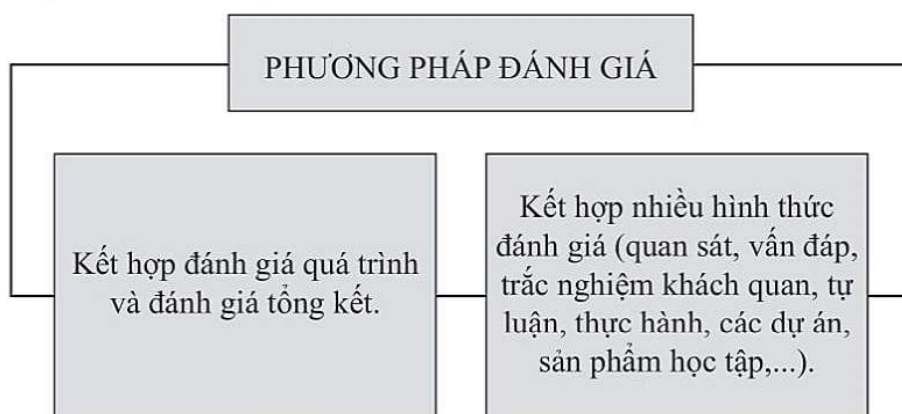
a) Mục tiêu đánh giá

Đánh giá trong môn Tự nhiên và Xã hội nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự phát triển năng lực và sự tiến bộ của HS nhằm giúp GV điều chỉnh phương pháp dạy, HS thay đổi cách học để đạt kết quả tốt hơn và tăng động cơ, hứng thú học.

b) Căn cứ đánh giá



c) Phương pháp đánh giá



d) Các thành phần tham gia đánh giá



II. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA, SÁCH GIÁO VIÊN VÀ VỞ BÀI TẬP MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 1

1. Sách giáo khoa

Sách Tự nhiên và Xã hội 1 được viết theo Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 nhằm góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực khoa học cho HS lớp 1.

Nội dung sách Tự nhiên và Xã hội 1 thể hiện đúng và đầy đủ chương trình môn học bao gồm 6 chủ đề: *Gia đình, Trường học, Cộng đồng địa phương, Thực vật và động vật, Con người và sức khỏe, Trái Đất và bầu trời*. Các bài học phản ánh chính xác, đầy đủ các yêu cầu cần đạt trong từng chủ đề.

Cấu trúc sách Tự nhiên và Xã hội 1 bao gồm các phần cơ bản: Phần đầu là mục *Hướng dẫn sử dụng sách*; tiếp theo là nội dung chính gồm *các chủ đề, các bài học, bài ôn tập và đánh giá* của mỗi chủ đề; phần cuối cuốn sách là *Bảng tra cứu từ ngữ* và *Mục lục*.

* **Phần đầu** là mục *Hướng dẫn sử dụng sách* được trình bày kết hợp kênh hình và kênh chữ giúp HS, GV, cha mẹ HS và người đọc khác dễ dàng nhận ra cách trình bày của mỗi chủ đề và các thành phần chính của mỗi bài học cùng những kí hiệu chỉ dẫn các hoạt động học tập cho HS.

* **Phần chính** được trình bày như sau:

– **Cách trình bày chung:**

So với SGK theo chương trình năm 2000, cách trình bày kênh chữ và kênh hình ở SGK Tự nhiên và Xã hội 1 mới được trình bày hài hoà. Cụ thể:

+ **Kênh chữ:** làm nhiệm vụ xác định, chỉ dẫn các hoạt động học tập, đưa ra những câu hỏi, bài tập hoặc cung cấp thông tin cốt lõi cũng như những thông tin mở rộng cho HS. Kênh chữ được tăng cường hơn hẳn so với SGK theo chương trình năm 2000 nhằm đáp ứng mục tiêu góp phần hình thành và phát triển năng lực tự học cho HS.

+ **Kênh hình:** cùng với kênh chữ, kênh hình có chức năng quan trọng trong việc cung cấp thông tin và là đối tượng học tập để HS quan sát, khai thác tìm tòi, phát hiện ra kiến thức mới hoặc đưa ra những tình huống để HS suy nghĩ, giải quyết vấn đề. Đồng thời, kênh hình cũng có chức năng chỉ dẫn các hoạt động học tập cho HS và cách tổ chức dạy học cho GV. Cụ thể:

• Có hai nhân vật cùng học tập với HS là bạn Hà và bạn An:

Tôi là Hà. Nhà tôi ở thành phố.



Tôi là An. Nhà tôi ở nông thôn.



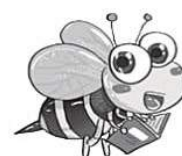
Chúng tôi sẽ cùng các bạn học tập nhé!

- Các kí hiệu chỉ dẫn các hoạt động học tập:

				
<i>Quan sát</i>	<i>Trả lời câu hỏi hoặc thảo luận</i>	<i>Trò chơi</i>	<i>Thực hành, xử lý tình huống hoặc vận dụng</i>	<i>Những kiến thức chủ yếu của mỗi phần hoặc cả bài học</i>

Đặc biệt, có một “nhân vật” xuyên suốt trong các bài học là con ong cách điệu.

Ong là người bạn đồng hành của HS trong quá trình học tập, khi thì nó làm nhiệm vụ *dẫn dắt, kết nối* vào bài học; khi thì nó làm nhiệm vụ *Hướng dẫn* hoặc đưa ra *Lời nhắc nhở* HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào cuộc sống hoặc nêu lên những giá trị cần ghi nhớ được rút ra từ bài học nhằm góp phần hình thành và phát triển phẩm chất chủ yếu cho HS.



– Cách trình bày một chủ đề:

+ *Trang chủ đề*: Có hai trang mở để giới thiệu tên chủ đề và tên các bài học của chủ đề. Hai trang này được minh họa bằng những hình ảnh thể hiện được nội dung cốt lõi của chủ đề. Mỗi chủ đề được trình bày bằng màu sắc và kí hiệu riêng để phân biệt với các chủ đề khác.

+ *Các bài học*: Số lượng các bài học trong mỗi chủ đề phụ thuộc vào nội dung đã quy định trong Chương trình môn học Tự nhiên và Xã hội 2018. Nhìn chung, mỗi chủ đề có từ 2 đến 4 bài học, nhưng cũng có chủ đề có 6 bài học như chủ đề *Con người và sức khỏe*.



+ *Bài Ôn tập và đánh giá:* Kết thúc mỗi chủ đề là bài Ôn tập và đánh giá chủ đề đó. Bài này thường được thể hiện bằng các sơ đồ tư duy hoặc sơ đồ khái niệm hay các biểu bảng, các câu hỏi ôn tập mang tính tổng quát, các tình huống đòi hỏi HS phải vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề,...

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ

CHỦ ĐỀ CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Hãy cùng nhau:

- Ôn lại những kiến thức đã học về chủ đề Cộng đồng địa phương.
- Thể hiện việc em có thể làm để đóng góp cho cộng đồng.

1 Em đã học được gì về chủ đề Cộng đồng địa phương?



Dựa vào gợi ý dưới đây, em hãy sưu tầm một số hình ảnh, thông tin về cộng đồng nơi em sống và chia sẻ với các bạn.



Nói về tết Nguyên đán.



– **Cách trình bày một bài học:**

Bài học bắt đầu bằng *Tên bài*. Tiếp đến là mục “*Hãy cùng tìm hiểu về*” để xác định nội dung chính của bài học, bước đầu hình thành và phát triển năng lực tự đánh giá cho HS và là nội dung GV cần tham khảo trong quá trình dạy học và đánh giá.

14

CƠ THỂ EM

Hãy cùng tìm hiểu về:

- Các bộ phận bên ngoài của cơ thể và hoạt động của chúng.
- Những việc cần làm để giữ cơ thể sạch sẽ.

Tiến trình của một bài học được xây dựng theo phương pháp tiếp cận mô hình 5E thường bao gồm:

+ Hoạt động *Khởi động* để gắn kết vào bài học, được thể hiện bằng nhiều hình thức đa dạng như thông qua một bài hát, một trò chơi,... với sự dẫn dắt của con ong một cách nhẹ nhàng, sinh động gây tò mò và cuốn hút HS.



+ Hoạt động *Khám phá kiến thức mới và Hình thành kỹ năng* thông qua *Quan sát, Trả lời câu hỏi, Thảo luận,...*

Một bài học thường có:

Nội dung và hoạt động em cần tìm hiểu

Quan sát

Trả lời câu hỏi hoặc thảo luận

Trò chơi

Thực hành, xử lý tình huống hoặc vận dụng

+ Hoạt động *Thực hành và Vận dụng kiến thức* thông qua *Xử lý tình huống, Chia sẻ với các bạn và người thân,...*

+ Hoạt động *Đánh giá* được thể hiện trong toàn bộ tiến trình của bài học thông qua các câu hỏi và bài tập từ bước gắn kết, khám phá kiến thức mới, luyện tập, thực hành và củng cố mà không tạo thành một mục riêng trong SGK.

Kết thúc mỗi phần hoặc cả bài học là phần *Kiến thức cốt lõi* hoặc *lời nhắc nhở của con ong về giá trị* hoặc *kiến thức, kỹ năng cần vận dụng trong cuộc sống*.

Mục *Em có biết?* có ở một số bài, giúp HS tìm tòi, mở rộng hiểu biết về các kiến thức, sự kiện liên quan; tạo hứng thú học tập cho HS.



* **Phần cuối** của cuốn sách bao gồm:

– *Bảng tra cứu từ ngữ*

Trong bảng này, các từ ngữ, khái niệm quan trọng được liệt kê và chỉ dẫn số trang trong SGK. Qua đó, bước đầu giúp HS làm quen với việc tra cứu, hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu.

– *Mục lục*

Kết thúc cuốn sách là Mục lục giúp HS xác định được nội dung toàn cuốn sách và thuận tiện tra cứu, tìm được các chủ đề và bài học một cách dễ dàng, nhanh chóng.

2. Sách giáo viên

Sách giáo viên (SGV) môn Tự nhiên và Xã hội 1 gồm hai phần: phần một là: *Những vấn đề chung*, phần hai là: *Hướng dẫn dạy học*.

– Phần một có hai nội dung chính:

+ Giới thiệu khái quát về Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 2018.

+ Giới thiệu SGK, SGV và vở bài tập (VBT) môn Tự nhiên và Xã hội 1.

– Phần hai đi sâu vào hướng dẫn dạy học từng chủ đề và từng bài học.

Cách trình bày một chủ đề trong SGV như sau:

+ *Tên chủ đề và số tiết dành cho chủ đề* nhằm giúp GV xác định được thời lượng phân chia cho chủ đề đó.

+ Hình ảnh *Trang chủ đề* giúp GV biết nội dung cốt lõi của chủ đề được thể hiện qua tên các bài học và các hình minh họa.

+ Mục *Yêu cầu cần đạt*: phản ánh được tất cả các yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù của chủ đề được đề cập đến trong chương trình môn học.

+ Phần hướng dẫn dạy học từng bài: Phần này được biên soạn theo phương pháp tiếp cận mô hình 5E nhằm đảm bảo mỗi bài học đóng góp vào việc hình thành năng lực khoa học (năng lực đặc thù của môn học) và các phẩm chất, năng lực chung theo quy định trong chương trình. Mô hình cấu trúc kế hoạch bài học của môn Tự nhiên và Xã hội bao gồm các thành phần dưới đây:

TÊN BÀI HỌC

(Thời lượng)

I. MỤC TIÊU

Xác định mục tiêu của bài học (dựa trên cơ sở yêu cầu cần đạt trong chương trình), trong đó có các năng lực thành phần của năng lực đặc thù môn học; đồng thời cũng có thể xác định một số phẩm chất, năng lực chung phù hợp với bài học.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

Trên cơ sở xác định cách tiếp cận/hình thức dạy học chủ yếu (chẳng hạn dạy học trên lớp, dạy học trải nghiệm ngoài môi trường thực tế, dạy học dự án, dạy học theo chủ đề liên môn,...) cũng như các nội dung và phương pháp dạy học cụ thể, cần chuẩn bị đồ dùng dạy – học và các nguồn tư liệu cho dạy học như tranh ảnh, đồ dùng thí nghiệm, mô hình, vật thật, video clip, các phiếu học tập, các tư liệu (in hoặc trên website),... Có thể do GV hoặc HS chuẩn bị (theo nhóm/cá nhân).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

GV có thể vận dụng mô hình bài học theo cấu trúc 5E đã được giới thiệu ở trên một cách linh hoạt dựa vào gợi ý các hoạt động dạy học dưới đây.

Các hoạt động dạy học bao gồm chuỗi các hoạt động nhằm giúp HS học tập tích cực, phù hợp với đặc điểm, trình độ của từng đối tượng. Thường bao gồm:

- Các hoạt động gây hứng thú học tập cho HS; khơi gợi, kết nối những kiến thức, kĩ năng đã có với những kiến thức, kĩ năng mới (hoạt động này tương đương với bước 1: *Gắn kết*).

- Hoạt động hướng dẫn của GV và (hoặc) hoạt động tự xây dựng kiến thức, kĩ năng của HS là hoạt động trọng tâm, bao gồm một số dạng hoạt động như: quan sát đối tượng học tập (mô hình, vật thật, môi trường xung quanh,...); thu thập, khai thác thông tin từ kênh hình hoặc kênh chữ; giải quyết các tình huống có vấn đề;... Thông qua các dạng hoạt động này kết hợp với trao đổi thông tin trong nhóm và cả lớp để khám phá kiến thức, hình thành kĩ năng mới của bài học (các hoạt động này tương đương với các bước 2: *Khám phá* và bước 3: *Diễn giải*).

- Hoạt động thực hành chủ yếu để thực hành những kiến thức, kĩ năng trong nhiều tình huống. Mục tiêu cơ bản của các hoạt động này là để củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng đã học thông qua việc thực hành và luyện tập. HS được thực hành áp dụng các kiến thức, kĩ năng, thái độ và giá trị đã lĩnh hội được. Ví dụ: làm bài tập; tham gia chơi trò chơi hoặc đóng vai để xử lý một tình huống của cuộc sống liên quan đến bài học; thực hành (điều tra, sưu tầm,...) sau đó trao đổi với bạn về kết quả;... (hoạt động này tương đương với bước 4: *Phát triển chi tiết*).

- Hoạt động ứng dụng nhằm vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn cuộc sống. Đây là các hoạt động tạo điều kiện cho HS áp dụng

kiến thức, kĩ năng được học vào các tình huống cụ thể trong đời sống hằng ngày ở gia đình và cộng đồng. Hoạt động này làm cho việc học tập của HS trở nên thiết thực đối với cuộc sống ở gia đình và địa phương, ngoài ra nó còn giúp các em được củng cố và mở rộng kiến thức thông qua việc tiếp xúc với các nguồn tư liệu khác nhau, với gia đình, cộng đồng (hoạt động này tương đương với bước 4: *Phát triển chi tiết*).

IV. ĐÁNH GIÁ

Việc đánh giá quá trình và kết quả học tập bài học cần được tiến hành thông qua các hoạt động học tập của HS ở các giai đoạn tiếp cận, gắn kết với bài học, đặt câu hỏi bài học; giai đoạn điều tra, khám phá thông tin; xử lí thông tin; hình thành kiến thức mới; thực hành vận dụng kiến thức,... Đặc biệt, GV cần hướng dẫn HS biết tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. Không nhất thiết bài nào cũng cần có mục đánh giá riêng (hoạt động này tương đương với bước 5: *Đánh giá*).

Lưu ý: Các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học được đưa ra trong phần này chỉ nhằm giúp GV tham khảo, không có tính bắt buộc.

3. Vở bài tập

Các bài tập trong *Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 1* nhằm hỗ trợ các hoạt động trong SGK giúp HS lớp 1 thực hiện các hoạt động học tập độc lập, phong phú và đa dạng trong các tiết học môn Tự nhiên và Xã hội; giúp HS có điều kiện thực hành, rèn luyện các kĩ năng học tập môn học, tự đánh giá, củng cố, khắc sâu kiến thức, bước đầu hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực khoa học cho HS.

GV có thể sử dụng các bài tập trong VBT để đánh giá kết quả học tập sau mỗi nội dung, mỗi bài hoặc mỗi chương.

Các dạng bài tập chủ yếu là:

- Câu hỏi trắc nghiệm (khoanh vào chữ cái trước ý đúng).
- Nối hình vẽ (hoặc ô chữ) với hình vẽ sao cho phù hợp.
- Viết chữ (hoặc dấu ✕) vào ô ☐ dưới hình vẽ thể hiện việc làm đúng (hoặc phù hợp).
- Viết vào ô ☐ hoặc chỗ những từ hoặc câu phù hợp.
- Đánh dấu vào cột phù hợp.
- Vẽ, tô màu.

Phần hai
HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

Chủ đề 1. GIA ĐÌNH
(10 tiết)



YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Dạy học chủ đề *Gia đình* trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 nhằm bước đầu hình thành và phát triển ở HS năng lực khoa học với những biểu hiện cụ thể của các thành phần năng lực như sau:

1. Nhận thức khoa học

– Giới thiệu được bản thân và các thành viên trong gia đình.

- Nêu được ví dụ về bản thân và các thành viên trong gia đình làm công việc nhà và chia sẻ thời gian nghỉ ngơi, vui chơi cùng nhau.
- Nêu được địa chỉ nơi gia đình đang ở.
- Nêu được một số đặc điểm của ngôi nhà hoặc căn hộ nơi gia đình đang ở, các phòng trong ngôi nhà hoặc căn hộ và một số đặc điểm xung quanh nơi ở.
- Nêu được sự cần thiết phải sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp.
- Chỉ ra hoặc nêu được tên đồ dùng, thiết bị trong nhà nếu sử dụng không cẩn thận có thể làm bản thân hoặc người khác gặp nguy hiểm.
- Nêu được cách sử dụng an toàn một số đồ dùng trong gia đình và lựa chọn được cách xử lý tình huống khi bản thân hoặc người nhà có nguy cơ bị thương hoặc đã bị thương do sử dụng một số đồ dùng không cẩn thận.

2. Tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về các thành viên trong gia đình và công việc của họ; về một số đồ dùng trong gia đình; về nguyên nhân dẫn đến bị thương khi ở nhà.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về các thành viên trong gia đình và công việc nhà của họ; về nhà ở và đồ dùng trong gia đình; về nguyên nhân, cách xử lý trong một số tình huống có thể gây bị thương và nguy hiểm khi ở nhà.

3. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

- Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với các thành viên trong gia đình.
- Làm được một số việc phù hợp để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp.
- Lựa chọn được cách xử lý tình huống khi bản thân hoặc người nhà có nguy cơ bị thương hoặc đã bị thương do sử dụng một số đồ dùng không cẩn thận.

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CHỦ YẾU

Chủ đề *Gia đình* là chủ đề đầu tiên HS được học trong môn Tự nhiên và Xã hội nên hình thức học theo cặp đôi được sử dụng nhiều trong tiết học, ngoài ra có kết hợp với học cá nhân, theo nhóm (4 – 6 HS) và cả lớp. Một số phương pháp dạy học chủ yếu được sử dụng để dạy chủ đề này là: phương pháp quan sát, hỏi đáp, trò chơi, đóng vai,... Trong đó, chú trọng tới hình thành và phát triển cho HS kĩ năng đặt câu hỏi và kĩ năng quan sát thông qua việc hướng dẫn các em cách quan sát

tranh ảnh trong SGK và bối cảnh thực của gia đình HS (các thành viên trong gia đình mình và công việc của họ; nhà ở và đồ dùng trong gia đình mình và các tình huống có thể gây đứt tay, chân; bỏng và điện giật trong chính gia đình mình). Với chủ đề này, HS được trải nghiệm trong bối cảnh thực là gia đình mình sẽ hình thành cho các em tình yêu, sự quan tâm, chia sẻ với các thành viên trong gia đình.

Bài 1. GIA ĐÌNH EM

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Giới thiệu được bản thân và các thành viên trong gia đình.
- Nêu được ví dụ về các thành viên trong gia đình dành thời gian nghỉ ngơi và vui chơi cùng nhau.
- Kể được công việc nhà của các thành viên trong gia đình.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

- Đặt được các câu hỏi đơn giản về các thành viên trong gia đình và công việc nhà của họ.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về các thành viên trong gia đình và công việc nhà của họ.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Tham gia việc nhà phù hợp với lứa tuổi.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 1.
- Video/nhạc bài hát về gia đình (ví dụ bài: *Cả nhà thương nhau*).
- Tranh vẽ, ảnh về gia đình HS.
- Bảng phụ/giấy A2.
- Phiếu tự đánh giá.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

Hoạt động chung cả lớp:

– HS nghe nhạc và hát theo lời một bài hát về gia đình (ví dụ bài: *Cả nhà thương nhau*).

– HS trả lời câu hỏi của GV để khai thác nội dung bài hát như:

+ Bài hát nhắc đến những ai trong gia đình?

+ Từ nào nói về tình cảm của những người trong gia đình?

+ ...

GV dẫn dắt vào bài học: Bài hát nói đến ba thành viên trong gia đình: bố, mẹ, con và tình cảm của các thành viên trong gia đình. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu gia đình bạn Hà, bạn An và cùng chia sẻ về gia đình mình.

1. Thành viên và tình cảm giữa các thành viên trong gia đình

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu gia đình bạn Hà và gia đình bạn An

* Mục tiêu

– Nêu được các thành viên có trong gia đình bạn Hà và gia đình bạn An.

– Nhận xét được tình cảm giữa các thành viên trong gia đình bạn Hà và gia đình bạn An.

– Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về các thành viên trong gia đình.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

– HS quan sát các hình ở trang 9 (SGK) để trả lời các câu hỏi:

+ Gia đình bạn Hà, bạn An có những ai?

+ Họ đang làm gì và ở đâu?

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.

– HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời. GV có thể gợi ý để HS nói được:

+ Gia đình bạn Hà có bố, mẹ, anh trai và bạn Hà. Gia đình bạn Hà đang đi chơi ở công viên.

+ Gia đình bạn An có ông, bà, bố, mẹ, bạn An và em gái. Gia đình bạn An đang ở nhà cùng nhau.

– HS trả lời một số câu hỏi của GV để khai thác sự thể hiện tình cảm giữa các thành viên trong gia đình. Ví dụ:

+ Theo em, các thành viên trong gia đình bạn Hà, gia đình bạn An có vui vẻ, yêu thương nhau không?

+ Hành động nào thể hiện các thành viên yêu thương và quan tâm nhau?

+ ...

Lưu ý: GV yêu cầu HS quan sát và trao đổi theo từng hình. Tùy trình độ HS, GV sẽ đặt các câu hỏi phù hợp để HS nói được tình cảm và sự quan tâm của các thành viên trong gia đình bạn Hà và An.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Giới thiệu về gia đình mình

* Mục tiêu

– Giới thiệu được bản thân và các thành viên trong gia đình.

– Nêu được ví dụ về các thành viên trong gia đình dành thời gian nghỉ ngơi và vui chơi cùng nhau.

– Đặt được các câu hỏi đơn giản về các thành viên trong gia đình.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

– Từng cặp HS giới thiệu cho nhau nghe về bản thân: tên, tuổi, sở thích, năng khiếu (nếu có),...

– Một HS đặt câu hỏi, HS kia trả lời (tùy trình độ HS, GV hướng dẫn HS đặt được câu hỏi), gợi ý như sau:

+ Gia đình bạn có mấy người? Đó là những ai?

+ Trong những lúc nghỉ ngơi, gia đình bạn thường làm gì? Những lúc đó, bạn cảm thấy thế nào?...

– HS làm câu 2 của Bài 1 (VBT).

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Một số HS giới thiệu về bản thân.

– Một số HS khác giới thiệu về gia đình mình.

– Các HS còn lại sẽ đặt câu hỏi và nhận xét phần giới thiệu của các bạn.

Bước 3: Làm việc theo nhóm

– HS làm câu 1 của Bài 1 (VBT).

– Mỗi HS chia sẻ với các bạn trong nhóm tranh vẽ hoặc ảnh về gia đình mình trong lúc nghỉ ngơi và vui chơi cùng nhau để thấy sự gắn kết yêu thương giữa các thành viên trong gia đình.

– HS sẽ dán tranh ảnh của mình vào bảng phụ/giấy A2 của nhóm.

– Các nhóm HS treo sản phẩm trên bảng và chia sẻ trước lớp (nếu có thời gian).

2. Công việc nhà và chia sẻ công việc nhà

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 3: Tìm hiểu công việc nhà của từng thành viên trong gia đình bạn Hà

* Mục tiêu

– Kể được công việc nhà của các thành viên trong gia đình bạn Hà.

– Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về công việc nhà của các thành viên trong gia đình.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS quan sát hình ở trang 10 (SGK) để trả lời các câu hỏi:

+ Hình vẽ những thành viên nào trong gia đình bạn Hà?

+ Từng thành viên đó đang làm gì?

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.

– HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời. GV có thể gợi ý để HS nói được:

+ Hình vẽ bố, mẹ, Hà và anh trai.

+ Bố đang cắm cơm, mẹ đi chợ về, Hà lau bàn, anh trai đang sử dụng máy hút bụi.

– HS trả lời một số câu hỏi của GV để khai thác cảm nhận của các thành viên khi tham gia làm việc nhà. Ví dụ: Em thấy bạn Hà có vui vẻ khi tham gia làm việc nhà không? Vì sao em lại cho là như vậy?

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 4: Giới thiệu công việc nhà của từng thành viên trong gia đình em

* Mục tiêu

– Kể được công việc nhà của các thành viên trong gia đình mình.

– Đặt được các câu hỏi đơn giản về công việc nhà của các thành viên trong gia đình.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

Phương án 1:

– HS làm câu 3, 4 của Bài 1 (VBT).

– HS trao đổi với bạn bên cạnh về kết quả của mình.

Phương án 2:

– Một HS đặt câu hỏi, HS kia trả lời (tùy trình độ HS, GV hướng dẫn HS đặt được câu hỏi), gợi ý như sau:

+ Trong gia đình bạn, ai thường tham gia làm việc nhà?

+ Hãy kể về công việc nhà của từng thành viên (bố/mẹ/anh/chị...).

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Một số cặp HS hỏi và trả lời câu hỏi trước lớp.

– Các HS còn lại sẽ nhận xét phần trình bày của các bạn.

– HS trả lời câu hỏi của GV: Vì sao các thành viên trong gia đình cần cùng nhau chia sẻ việc nhà? GV hướng HS đến thông điệp: “Cùng chia sẻ việc nhà là thể hiện sự quan tâm giữa các thành viên trong gia đình”.

3. Em tham gia làm công việc nhà

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 5: Tìm hiểu công việc nhà của bạn An

*** Mục tiêu**

– Nêu được một số công việc bạn An tham gia làm ở nhà.

– Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về công việc nhà của bạn An.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

– HS quan sát các hình ở trang 11 trong SGK để trả lời các câu hỏi:

+ Khi ở nhà, bạn An làm những công việc gì?

+ Bạn An có vui vẻ khi tham gia làm việc nhà không?

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời. GV có thể gợi ý để HS nói được:
 - + Khi ở nhà, bạn An làm những việc như: lau bàn, tưới cây, gấp quần áo, chơi với em, đưa nước cho bà.
 - + Nhìn nét mặt cho thấy bạn An rất vui vẻ khi tham gia việc nhà.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Giới thiệu công việc nhà của em

* Mục tiêu

- Nêu được một số công việc em có thể tham gia làm ở nhà.
- Đặt được các câu hỏi đơn giản về công việc nhà phù hợp với lứa tuổi các em.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

- HS làm câu 5 của Bài 1 (VBT).
- Một HS đặt câu hỏi, HS kia trả lời (tùy trình độ HS, GV hướng dẫn HS đặt được câu hỏi), gợi ý như sau:
 - + Ở nhà, bạn có thể làm những công việc gì?
 - + Bạn cảm thấy thế nào khi làm việc nhà?...

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Một số cặp HS hỏi và trả lời câu hỏi trước lớp.
- Các HS còn lại sẽ nhận xét phần trình bày của các bạn.
- HS trả lời câu hỏi của GV: Vì sao các em cần tham gia làm việc nhà? GV hướng HS đến thông điệp: “Chúng ta hãy làm việc nhà mỗi ngày nhé!”.

Bước 3: Làm việc cá nhân

- HS làm câu 6 của Bài 1 (VBT).
- Trao đổi kết quả với bạn bên cạnh.

IV. ĐÁNH GIÁ

* GV có thể sử dụng kết quả làm các câu 1, 3, 5, 6 của Bài 1 (VBT) để đánh giá kết quả học tập bài này của HS.

* Tự đánh giá sự tham gia làm công việc nhà của em:

– Mỗi HS được phát một phiếu theo dõi tham gia làm công việc nhà.

– Hằng ngày, mỗi HS sẽ tự đánh giá sự tham gia làm công việc nhà của mình bằng cách:

+ Tô màu vào ☺ nếu em làm được từ 3 việc nhà trở lên.

+ Tô màu vào ☹ nếu em làm được từ 1 – 2 việc nhà.

+ Tô màu vào ☹ nếu em chưa tham gia làm việc nhà.

– HS sẽ báo cáo kết quả của mình trong nhóm vào buổi học tuần sau.

PHỤ LỤC

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ EM THAM GIA LÀM VIỆC NHÀ

Thời gian	Em tự đánh giá
Thứ Hai, ngày	☺ ☹ ☹
Thứ Ba, ngày	☺ ☹ ☹
Thứ Tư, ngày	☺ ☹ ☹
Thứ Năm, ngày	☺ ☹ ☹
Thứ Sáu, ngày	☺ ☹ ☹
Thứ Bảy, ngày	☺ ☹ ☹
Chủ nhật, ngày	☺ ☹ ☹

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết Hoạt động 4.

Tiết 3: Từ Hoạt động 5 đến hết bài.

Bài 2. NGÔI NHÀ CỦA EM

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Nói được địa chỉ nhà ở của mình.
- Nêu được một số đặc điểm về nhà ở và quang cảnh xung quanh nhà ở.
- Liệt kê được một số đồ dùng trong gia đình.
- Nêu được sự cần thiết phải sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về một số đồ dùng trong gia đình.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về nhà ở và đồ dùng trong gia đình.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Làm được một số việc phù hợp để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội lớp 1.
- Video/nhạc bài hát về ngôi nhà (ví dụ bài: *Nhà của tôi*).
- Giấy và bút màu.
- Phiếu tự đánh giá.
- Tranh ảnh đồ dùng trong nhà.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

** Mục tiêu*

Nói được địa chỉ nhà ở của mình.

Hoạt động chung cả lớp:

- HS nghe nhạc và hát theo lời bài hát về ngôi nhà (ví dụ bài: *Nhà của tôi*).
- HS nói cho nhau nghe về địa chỉ nhà của mình.

GV dẫn dắt vào bài học: Cũng như lời bài hát, trong lớp chúng ta ai cũng có một ngôi nhà rất gần gũi, yêu thương. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu về nhà ở và xung quanh nhà ở; cùng chia sẻ về ngôi nhà của mình và cần phải làm gì để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp.

1. Giới thiệu nhà ở của em

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu về một số dạng nhà ở

*** Mục tiêu**

- Nêu được một số đặc điểm về nhà ở và quang cảnh xung quanh nhà ở.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về một số dạng nhà ở.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

- HS quan sát các hình ở trang 12, 13 (SGK) để trả lời các câu hỏi:
 - + Nói một số đặc điểm về nhà ở và quang cảnh xung quanh nhà ở trong từng hình.
 - + Nhà bạn gần giống nhà nào trong các hình này?

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời. GV bình luận, hoàn thiện các câu trả lời.

Gợi ý: Lần lượt các hình trang 12, 13 là nhà một tầng; nhà hai, ba tầng liền kề; nhà nổi; nhà sàn; nhà chung cư. Với hình trang 12, HS có thể nêu: Nhà một tầng, mái ngói đỏ, bếp xây riêng, có sân và vườn,... Trong sân có cây cối,...

Lưu ý:

- Tùy trình độ HS, GV khuyến khích các em nói càng nhiều đặc điểm của các loại nhà càng tốt.
- Hướng dẫn HS cách đọc căn hộ số 506: đọc là năm không sáu.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Giới thiệu về nhà ở và quang cảnh xung quanh nhà ở của mình

*** Mục tiêu**

- Nêu được nhà ở và quang cảnh xung quanh nhà ở của mình.
- Đặt được các câu hỏi đơn giản về nhà ở và quang cảnh xung quanh nhà ở.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

– Một HS đặt câu hỏi, HS kia trả lời (tùy trình độ HS, GV hướng dẫn HS đặt được câu hỏi), gợi ý như sau:

+ Nhà bạn là nhà một tầng hay nhiều tầng; là căn hộ trong khu tập thể hay chung cư,...?

+ Xung quanh nhà bạn có những gì?

+ ...

Bước 2: Làm việc cá nhân

Mỗi HS vẽ ra giấy và tô màu ngôi nhà của mình hoặc HS làm câu 1 của Bài 2 (VBT).

Bước 3: Làm việc cả lớp

– HS dán tranh vẽ ngôi nhà của mình lên bảng hoặc chỗ GV đã chuẩn bị trước.

– Một số HS giới thiệu trước lớp về nhà ở và cảnh vật xung quanh nhà ở của mình kết hợp chỉ tranh vẽ.

– Những HS còn lại sẽ đặt câu hỏi và nhận xét phần giới thiệu của các bạn.

(Nếu có thời gian, GV có thể cho HS đi quan sát tranh vẽ của các bạn và chọn tranh vẽ mình thích nhất.)

2. Đồ dùng trong nhà

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 3: Tìm hiểu đồ dùng trong nhà

*** Mục tiêu**

– Liệt kê được một số đồ dùng trong gia đình.

– Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về đồ dùng trong gia đình.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo nhóm 4

– HS quan sát các hình ở trang 14 – 17 (SGK) để trả lời các câu hỏi:

+ Các hình thể hiện những phòng nào trong nhà ở?

+ Kể tên một số đồ dùng có trong mỗi hình. Chúng được dùng để làm gì?

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp (mỗi nhóm trình bày một hình).

– HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời. GV bình luận và hoàn thiện các câu trả lời.

Gợi ý: Lần lượt các hình thể hiện phòng khách, phòng ngủ và bếp. Với hình trang 14: Phòng khách có bộ bàn ghế gỗ, tủ, bàn thờ. Trên bàn có bộ ấm chén, bình nước,...; trong tủ đặt rất nhiều lọ hoa;... Hình trang 17 là không gian sinh hoạt chung và bếp của người dân tộc Thái.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 4: Tìm hiểu đồ dùng trong nhà của em

*** Mục tiêu**

- Liệt kê được một số đồ dùng trong gia đình em.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về đồ dùng trong gia đình em.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc cá nhân

HS làm câu 2 của Bài 2 (VBT).

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Một số HS lên giới thiệu các phòng (nếu có) và đồ dùng trong gia đình mình.
- HS khác đặt câu hỏi và nhận xét phần giới thiệu của các bạn.

Hoạt động 5: Chơi trò chơi: “Đoán tên đồ vật”

*** Mục tiêu**

Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về một số đồ dùng trong gia đình.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Hướng dẫn cách chơi

– Một HS lên bảng, GV dán một tranh vẽ đồ dùng gia đình sau lưng HS và HS đứng quay lưng xuống lớp để các bạn nhìn thấy tranh.

– HS đó đặt tối đa ba câu hỏi về đồ dùng trong tranh cho các bạn ở dưới lớp để đoán được đồ dùng đó.

– HS đó dựa vào các câu trả lời của các bạn để đoán đồ dùng vẽ trong tranh là đồ dùng gì.

Bước 2: Tổ chức chơi trò chơi

- GV gọi một số HS lên chơi (mỗi em sẽ phải đoán một đồ dùng khác nhau).
- Yêu cầu HS dưới lớp lắng nghe và trả lời chính xác câu hỏi.

Bước 3: Nhận xét và đánh giá

- HS nào đoán đúng – được khen thưởng.
- GV có thể nhận xét về cách đặt câu hỏi của HS.

3. Giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 6: Tìm hiểu tình huống về phòng của bạn Hà

* Mục tiêu

- Nêu được sự cần thiết phải sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về tình huống cụ thể là phòng của bạn Hà.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

- HS quan sát các hình ở trang 18, 19 (SGK) để trả lời các câu hỏi:
 - + Em có nhận xét gì về phòng của bạn Hà ở hình 1 và hình 2?
 - + Nêu những việc bạn Hà và anh bạn Hà đã làm để căn phòng gọn gàng, ngăn nắp.
- Vì sao em cần phải sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp?

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời. GV có thể gợi ý để HS nói được:
 - + Phòng của bạn Hà (hình 1) rất lộn xộn, bừa bộn.
 - + Bạn Hà và anh đã gấp và xếp chăn, gối; sắp xếp sách vở, giấy bút; đặt đồ chơi trên tủ; lau bàn, tủ,...
 - + Sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp làm căn phòng thoáng mát, sạch sẽ hơn và thuận lợi cho việc tìm sách vở, đồ dùng học tập,...
- + HS làm câu 3 của Bài 2 (VBT).

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 7: Tìm hiểu việc làm để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp

* Mục tiêu

- Nêu và thực hiện được một số việc làm phù hợp để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp.
- Có ý thức giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp mỗi ngày.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo nhóm 4

Thảo luận nhóm để liệt kê ra những việc làm để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp.

– Các nhóm còn lại sẽ bổ sung và nhận xét phần trình bày của các bạn.

Gợi ý: Gấp chăn, màn; cất, đặt đồ dùng đúng chỗ; sắp xếp sách vở gọn gàng,...

– HS liên hệ xem mình đã thực hiện những việc nào để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp.

– GV hướng HS đến thông điệp: “Chúng ta nhớ giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp mỗi ngày nhé!”.

IV. ĐÁNH GIÁ

*** Đánh giá kết quả học tập bài học:**

GV có thể sử dụng kết quả làm các câu 2, 3 của Bài 2 (VBT) để đánh giá kết quả học tập bài này của HS.

*** Tự đánh giá việc giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp:**

Phương án 1: HS làm câu 4 của Bài 2 (VBT).

Phương án 2:

– Mỗi HS được phát một phiếu tự đánh giá (Phụ lục).

– HS sẽ tự đánh giá việc giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp của mình bằng cách:

+ Tô màu vào ☺ nếu em thường xuyên thực hiện việc đó.

+ Tô màu vào ☹ nếu thỉnh thoảng thực hiện việc đó.

+ Tô màu vào ☹ nếu em hiếm khi hoặc chưa thực hiện việc đó.

– HS sẽ báo cáo kết quả của mình trong nhóm vào buổi học sau.

PHỤ LỤC

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ VIỆC GIỮ NHÀ Ở GỌN GÀNG, NGĂN NẮP

Việc làm	Em tự đánh giá
Gấp chăn, màn sau khi ngủ dậy.	☺ ☹ ☹
Sắp xếp sách vở, đồ dùng học tập ngăn nắp.	☺ ☹ ☹

Việc làm	Em tự đánh giá
Cắt/đặt/để đồ dùng đúng chỗ sau khi sử dụng.	😊 😐 😞
Gấp quần áo và để đúng chỗ quy định.	😊 😐 😞
Nhặt rác, giấy vụn và bỏ vào thùng rác.	😊 😐 😞
.....	😊 😐 😞

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết Hoạt động 5.

Tiết 3: Từ Hoạt động 6 đến hết bài.

Bài 3. AN TOÀN KHI Ở NHÀ

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Xác định được một số nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà.
- Chỉ ra được tên đồ dùng trong nhà nếu sử dụng không cẩn thận, không đúng cách có thể làm bản thân hoặc người khác gặp nguy hiểm.
- Nêu được những lưu ý khi sử dụng một số đồ dùng trong nhà để đảm bảo an toàn.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về nguyên nhân, cách xử lý trong một số tình huống có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

- Lựa chọn được cách xử lý tình huống khi bản thân hoặc người nhà có nguy cơ bị thương hoặc đã bị thương do sử dụng một số đồ dùng không cẩn thận.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 1.
- Bộ tranh ảnh đồ dùng trong nhà (3 hoặc 6 bộ).
- Phiếu tìm hiểu đồ dùng trong nhà.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

Hoạt động chung cả lớp: (Sử dụng kỹ thuật động não)

- Lần lượt mỗi HS sẽ nói tên một đồ dùng trong nhà nếu sử dụng không cẩn thận, không đúng cách có thể gây nguy hiểm cho bản thân hoặc người khác.
- GV ghi nhanh tất cả ý kiến của HS lên bảng và gạch chân đồ dùng có thể dẫn đến bị thương, nguy hiểm.

GV dẫn dắt vào bài học: Một số đồ dùng trong gia đình như các em đã liệt kê khi sử dụng không cẩn thận, không đúng cách có thể gây đứt tay, chân; bỏng và điện giật. Bài học hôm nay chúng mình sẽ cùng tìm hiểu thêm về điều đó để đảm bảo an toàn khi ở nhà.

1. Một số nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà

* Mục tiêu

- Xác định được một số nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về nguyên nhân, cách xử lý trong một số tình huống có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo nhóm 4

- HS quan sát các hình ở trang 20 – 22 (SGK) để trả lời các câu hỏi:
- + Mọi người trong mỗi hình đang làm gì?
- + Việc làm nào có thể gây đứt tay, chân; bỏng; điện giật?
- + Nếu là bạn Hà, bạn An, em sẽ nói gì và làm gì?

Lưu ý: Tùy trình độ HS, GV có thể cho mỗi nhóm thảo luận cả 5 tình huống hoặc 3 hoặc 2 tình huống nhưng cả lớp vẫn thảo luận đủ cả 5 tình huống.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.

Ví dụ: Với hình 1 trang 20 (SGK): Mẹ và anh trai Hà đang xem ti vi và rất phân khích với chương trình; bố vừa gọt táo vừa xem chương trình; Hà nhìn bố rất lo lắng, sợ bố sẽ bị đứt tay vì không tập trung gọt táo. Hà có thể nói: “Bố ơi, dao sắc đấy, cẩn thận kéo đứt tay bố ạ!...”. Với hình 3 trang 21 (SGK): Anh của Hà chơi máy bay gần ổ điện và tay đang cầm dây điện có thể bị điện giật; Mẹ của Hà đang là quần, vì nhìn anh của Hà nên có thể làm cháy quần hoặc bị bỏng tay. Hà có thể nói: “Anh không được chơi gần ổ điện và cầm dây điện như thế rất nguy hiểm; Mẹ nên cầm dây bàn là vào ổ điện bên trong góc tường và cần tập trung khi là quần áo”...

- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời. GV bình luận, hoàn thiện các câu trả lời.

Gợi ý: Một số nguyên nhân dẫn đến bị thương, nguy hiểm: Bị đứt tay do sử dụng dao không cẩn thận; đứt tay, chân do mảnh cốc vỡ không được thu dọn đúng cách; bị bỏng do bàn là nóng; bị điện giật do chơi gần ổ điện và cầm dây điện hoặc do không đi dép khi sử dụng đồ điện trong nhà; bị bỏng do nước sôi hoặc do chơi diêm,...

- HS làm câu 1 của Bài 3 (VBT).

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Xử lý tình huống khi bản thân và người khác bị thương

*** Mục tiêu**

- Lựa chọn được cách xử lý tình huống khi bản thân hoặc người nhà bị thương.
- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về nguyên nhân có thể gây đứt tay, chân; bỏng; điện giật.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

- HS làm câu 2 của Bài 3 (VBT).
- Một HS đặt câu hỏi, HS kia trả lời (tùy trình độ HS, GV hướng dẫn HS đặt được câu hỏi), gợi ý như sau:
 - + Bạn hoặc người thân trong gia đình đã từng bị thương (đứt tay, chân; bỏng; điện giật) chưa? (mỗi câu hỏi chỉ hỏi một ý).
 - + Theo bạn, vì sao lại xảy ra như vậy?
 - + ...

Bước 2: Làm việc theo nhóm 6

– Thảo luận cả nhóm để đưa ra cách xử lý khi em hoặc người nhà bị thương (đứt tay, chân; bỏng; điện giật).

(Khuyến khích mỗi HS trong nhóm đưa ra một cách xử lý và nhóm sẽ lựa chọn cách xử lý của nhóm.)

Bước 3: Làm việc cả lớp

– Đại diện các nhóm trình bày cách xử lý của nhóm mình.

– HS khác, GV nhận xét, hoàn thiện cách xử lý của từng nhóm. GV hướng HS đến lời con ong: “Nếu bạn hoặc người khác bị thương, hãy báo ngay cho người lớn hoặc gọi điện thoại tới số 115 khi thật cần thiết”.

(Nếu có thời gian, GV có thể cho HS đóng vai xử lý tình huống.)

2. Những lưu ý khi sử dụng một số đồ dùng trong nhà để đảm bảo an toàn

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 3: Xác định cách sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà

* Mục tiêu

Biết quan sát và nêu được cách sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

Phương án 1:

HS quan sát các hình ở trang 23 (SGK) để trả lời:

- + Chỉ vào hình thể hiện cách sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà.
- + Giải thích vì sao em lại chọn như vậy.

Phương án 2:

- + HS làm câu 3 của Bài 3 (VBT).
- + Giải thích vì sao em lại chọn như vậy.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.

– HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.

– GV có thể gợi ý để HS nói được: Hình thể hiện cách sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà là hình 1 (vì cầm ở cán dao); hình 4 (cầm vào đĩa sẽ không bị nóng tay); hình 5 (tay khô khi tiếp xúc với dụng cụ điện).

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 4: Thảo luận nhóm về những lưu ý khi sử dụng một số đồ dùng trong nhà để đảm bảo an toàn

*** Mục tiêu**

– Nêu được những lưu ý khi sử dụng một số đồ dùng trong nhà để đảm bảo an toàn.

– Cách sử dụng an toàn một số đồ dùng trong gia đình.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo nhóm (chia lớp thành 3 hoặc 6 nhóm)

– Nhóm 1, 2: Quan sát bộ tranh đồ dùng trong nhà.

+ Chọn 2 – 3 đồ dùng trong nhà có thể gây đứt tay và giải thích trong trường hợp nào khi sử dụng chúng có thể bị đứt tay.

+ Nêu một số lưu ý khi sử dụng những đồ dùng đó để đảm bảo an toàn.

– Nhóm 3, 4: Quan sát bộ tranh đồ dùng trong nhà.

+ Chọn 2 – 3 đồ dùng trong nhà có thể gây bỏng và giải thích trong trường hợp nào khi sử dụng chúng có thể bị bỏng.

+ Nêu một số lưu ý khi sử dụng những đồ dùng đó để đảm bảo an toàn.

– Nhóm 5, 6: Quan sát bộ tranh đồ dùng trong nhà.

+ Tìm 2 – 3 đồ dùng trong nhà có thể gây điện giật và giải thích trong trường hợp nào khi sử dụng chúng có thể bị điện giật.

+ Nêu một số lưu ý khi sử dụng những đồ dùng đó để đảm bảo an toàn.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.

– HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời. GV bình luận và hoàn thiện các câu trả lời.

Gợi ý: Cần thận khi sử dụng đồ dùng sắc nhọn như dao, kéo, com-pa,...; khi tay ướt không được cầm điện,...

Hoạt động 5: Tìm các đồ dùng trong gia đình có thể dẫn đến bị thương, nguy hiểm (đứt tay, chân; bỏng; điện giật)

*** Mục tiêu**

Chỉ ra được những đồ dùng trong nhà mình có thể gây đứt tay, chân; bỏng; điện giật.

* Cách tiến hành

– Mỗi HS được phát một phiếu tìm hiểu các đồ dùng trong gia đình mình (Phụ lục).

– HS sẽ quan sát trong nhà mình và hoàn thành phiếu (có thể với sự giúp đỡ của người thân).

– HS sẽ báo cáo kết quả tìm tòi của mình trong nhóm vào buổi học sau.

IV. ĐÁNH GIÁ

GV có thể sử dụng kết quả của các câu 1, 2, 3 của Bài 3 (VBT) để đánh giá kết quả học tập bài này của HS.

PHỤ LỤC PHIẾU TÌM HIỂU ĐỒ DÙNG TRONG NHÀ

Một số đồ dùng có trong nhà em	Tên đồ dùng
Đồ dùng sắc nhọn có thể gây đứt tay, chân	
Đồ dùng có thể gây bỏng	
Đồ điện có thể gây điện giật	

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết bài.

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

* *Về nhận thức khoa học:*

Hệ thống được nội dung đã học về chủ đề gia đình: các thành viên trong gia đình và công việc nhà; nhà ở và an toàn khi ở nhà.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Củng cố kĩ năng quan sát, đặt câu hỏi, trình bày và bảo vệ ý kiến của mình.

** Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

Thể hiện được sự quan tâm, chia sẻ công việc nhà giữa các thành viên trong gia đình.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- Phiếu tự đánh giá cá nhân và bút chì màu.
- VBT Tự nhiên và Xã hội lớp 1.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Em đã học được gì về chủ đề Gia đình?

Hoạt động 1: Giới thiệu về gia đình và nhà ở của em

** Mục tiêu*

- Hệ thống được nội dung đã học về các thành viên trong gia đình và nhà ở.
- Trình bày được ý kiến của mình trong nhóm và trước lớp.

** Cách tiến hành*

Bước 1: Làm việc cá nhân

HS làm câu 1 của Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Gia đình (VBT).

Bước 2: Làm việc nhóm 6

– Từng HS giới thiệu với các bạn trong nhóm về gia đình mình theo sơ đồ trang 24 (SGK).

- Các HS khác lắng nghe và có thể hỏi thêm (nếu cần).

Bước 3: Làm việc cả lớp

- Mỗi nhóm cử một HS giới thiệu về gia đình mình trước lớp.
- HS khác nhận xét và bình chọn những bạn giới thiệu ấn tượng về gia đình mình.
(Gợi ý tiêu chí nhận xét: chia sẻ nhiều thông tin về gia đình, nói rõ ràng, lưu loát và truyền cảm,...)

Hoạt động 2: Xác định đồ dùng trong mỗi phòng và đồ dùng có thể gây nguy hiểm khi ở nhà

*** Mục tiêu**

- Liệt kê được những đồ dùng thường có ở mỗi phòng trong nhà.
- Chỉ ra được những đồ dùng có thể gây đứt tay, chân; bỏng; điện giật.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

Quan sát hình trang 25 (SGK), trả lời các câu hỏi:

- + Những đồ dùng trong hình nên để ở phòng nào cho phù hợp? Vì sao?
- + Trong những đồ dùng đó, đồ dùng nào có thể gây đứt tay, chân; bỏng; điện giật?
- + HS làm câu 2 của Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Gia đình (VBT).

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số cặp lên trình bày kết quả làm việc.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV hỏi thêm:
 - + Kể thêm tên đồ dùng trong mỗi phòng (phòng khách, phòng ngủ và bếp).
 - + Kể thêm tên đồ dùng trong nhà có thể gây đứt tay, chân; bỏng; điện giật.
- GV hoàn thiện kết quả trình bày của HS.

2. Em thể hiện sự quan tâm, chia sẻ công việc nhà như thế nào?

Hoạt động 3: Xử lý tình huống

*** Mục tiêu**

Thể hiện sự quan tâm, chia sẻ công việc nhà giữa các thành viên trong gia đình.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo nhóm 4

- Nhóm lẻ: Từng cá nhân quan sát tình huống 1 ở trang 25 (SGK), nhóm thảo luận tìm cách xử lý tình huống và đóng vai thể hiện cách xử lý của nhóm.
- Nhóm chẵn: Từng cá nhân quan sát tình huống 2 ở trang 25 (SGK), nhóm thảo luận tìm cách xử lý tình huống và đóng vai thể hiện cách xử lý của nhóm.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện nhóm lẻ và nhóm chẵn đóng vai thể hiện cách xử lý tình huống.

– HS khác, GV nhận xét, hoàn thiện cách xử lí tình huống của từng nhóm.

(Tạo cơ hội để nhiều nhóm được đóng vai thể hiện cách xử lí tình huống trước lớp.)

IV. ĐÁNH GIÁ

Tự đánh giá việc học tập và vận dụng chủ đề Gia đình:

Phương án 1: HS làm câu 3 của Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Gia đình (VBT).

Phương án 2:

– Mỗi HS được phát một phiếu tự đánh giá (Phụ lục).

– HS sẽ tự đánh giá bằng cách:

+ Tô màu vào ☺ nếu em thực hiện thành thạo việc đó.

+ Tô màu vào ☹ nếu em thực hiện được việc đó.

+ Tô màu vào ☹ nếu em chưa thực hiện việc đó.

– HS sẽ báo cáo kết quả của mình trong nhóm và các bạn trong nhóm đánh giá lẫn nhau.

– GV tuyên dương những em học tập và vận dụng tốt những nội dung đã học từ chủ đề Gia đình.

PHỤ LỤC PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ

STT	Nội dung	Em tự đánh giá
1	Giới thiệu về gia đình mình.	☺ ☹ ☹
2	Sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp.	☺ ☹ ☹
3	Tham gia công việc nhà phù hợp với lứa tuổi.	☺ ☹ ☹
4	Xử lí tình huống khi bản thân hoặc người nhà có thể bị thương do sử dụng một số đồ dùng không cẩn thận.	☺ ☹ ☹
5	Xử lí tình huống khi bản thân hoặc người nhà bị thương do sử dụng một số đồ dùng không cẩn thận.	☺ ☹ ☹

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Hoạt động 1 đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết bài.

Chủ đề 2. TRƯỜNG HỌC

(8 tiết)



YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Dạy học chủ đề *Trường học* trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 nhằm bước đầu hình thành và phát triển ở HS năng lực khoa học với những biểu hiện cụ thể của các thành phần năng lực như sau:

1. Nhận thức khoa học

- Nói được tên lớp học; tên, địa chỉ của trường mình.
- Xác định được vị trí các khu vực, các phòng của trường học và kể được tên một số đồ dùng có ở lớp học, trường học.

- Nêu được các thành viên trong nhà trường và nhiệm vụ của họ.
- Kể được tên các hoạt động chính trong lớp học và trường học; nêu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó.
- Nói được về hoạt động vui chơi trong giờ nghỉ; biết lựa chọn và chơi những trò chơi an toàn.

2. Tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về lớp học, trường học; các thành viên và hoạt động trong lớp học, trường học.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về lớp học, trường học; các thành viên và hoạt động trong lớp học, trường học.

3. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

- Làm được những việc phù hợp để giữ lớp học sạch, đẹp.
- Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận, đúng cách các đồ dùng của lớp học, trường học.
- Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với bạn bè, GV và các thành viên khác trong nhà trường.

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CHỦ YẾU

Chủ đề *Trường học* là chủ đề thứ hai HS được học trong môn Tự nhiên và Xã hội. Thời điểm này, HS đã có một số nền nếp học tập nên có thể kết hợp khá hài hoà học cá nhân, theo nhóm (4 – 6 HS) và cả lớp. Một số phương pháp dạy học được sử dụng để dạy chủ đề này là: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi, đóng vai và thực hành. Trong đó, chú trọng tới hình thành và phát triển cho HS kĩ năng đặt câu hỏi và kĩ năng quan sát thông qua việc hướng dẫn các em cách quan sát tranh ảnh trong SGK và bối cảnh thực của lớp học, trường học. Việc trải nghiệm trong bối cảnh thực sẽ giúp HS hình thành tình yêu đối với trường, lớp học của mình; biết kính trọng, biết ơn các thầy/cô giáo, các cô, bác nhân viên trong nhà trường; đoàn kết, giúp đỡ với các bạn. Ngoài ra, các em cũng được tạo cơ hội để giao tiếp, hợp tác thông qua làm việc nhóm.

Bài 4. LỚP HỌC CỦA EM

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Nói được tên lớp học và một số đồ dùng có trong lớp học.
- Xác định được các thành viên trong lớp học và nhiệm vụ của họ.
- Kể được tên các hoạt động chính trong lớp học; nêu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về lớp học, các thành viên và hoạt động trong lớp học.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về lớp học, hoạt động ở lớp học.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

- Làm được những việc phù hợp để giữ lớp học sạch, đẹp.
- Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận, đúng cách đồ dùng học tập trong lớp.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 1.
- Phiếu tự đánh giá cá nhân.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

Hoạt động chung cả lớp:

- HS nghe nhạc và hát theo lời một bài hát về lớp học (ví dụ bài: *Lớp chúng mình*).
- HS trả lời câu hỏi: Bài hát nói với các em điều gì về lớp học?

GV dẫn dắt vào bài học: Bài hát nói đến tình cảm và sự đoàn kết giữa các thành viên trong lớp. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu và chia sẻ về lớp học của mình.

1. Giới thiệu lớp học của em

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu lớp học của bạn An

* Mục tiêu

- Kể được tên các thành viên và đồ dùng trong lớp học bạn An.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về các thành viên và đồ dùng trong lớp học.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

- HS quan sát các hình ở trang 28, 29 trong SGK để trả lời các câu hỏi:
 - + Lớp bạn An có những ai? Họ đang làm gì?
 - + Trong lớp có những đồ dùng gì? Chúng được sắp đặt như thế nào?

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời. HS nói được:
 - + Lớp bạn An có thầy/cô giáo và các bạn HS. Thầy/cô giáo hướng dẫn HS học tập, HS hát, vẽ,...
 - + Trong lớp bạn An có nhiều đồ dùng như: bảng, bàn ghế GV và HS, quạt trần, tủ đồ dùng,...

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Giới thiệu về lớp học của mình

* Mục tiêu

- Nêu được tên lớp học và một số đồ dùng trong lớp học của mình.
- Xác định được các thành viên trong lớp học và nhiệm vụ của họ.
- Đặt được các câu hỏi đơn giản về lớp học và các thành viên trong lớp học.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

- Một HS đặt câu hỏi, HS kia trả lời (tùy trình độ HS, GV hướng dẫn HS đặt được câu hỏi), gợi ý như sau:
 - + Nêu tên lớp học của chúng mình.

- + Lớp học có những đồ dùng gì? Chúng được sắp đặt như thế nào?
- + Nói về các thành viên trong lớp học (tên và nhiệm vụ chính của họ).
- + ...

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số cặp hỏi và trả lời câu hỏi trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung. GV bình luận, hoàn thiện các câu hỏi và câu trả lời của HS.

- GV hỏi cả lớp: Các em đã làm gì để giữ gìn đồ dùng trong lớp học?
- Một số HS trả lời, HS khác bổ sung, GV gợi ý và hoàn thiện câu trả lời.

Gợi ý:

- Hai thành viên chính trong lớp học là GV và HS. Nhiệm vụ chính của GV là dạy học, nhiệm vụ chính của HS là học tập.
- Để giữ đồ dùng trong lớp học, HS sắp xếp đồ dùng đúng chỗ; lau chùi và bảo quản đồ dùng; không viết, vẽ bậy lên đồ dùng,...; sử dụng đồ dùng đúng cách;...
- HS làm câu 1, 2 của Bài 4 (VBT).

2. Một số hoạt động chính ở lớp học

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 3: Tìm hiểu hoạt động học tập trong giờ học

*** Mục tiêu**

- Kể được tên một số hoạt động học tập trong giờ học.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình, đặt câu hỏi về hoạt động học tập trong giờ học.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo nhóm 6

- Thảo luận nhóm theo gợi ý sau:
 - + Quan sát các hình ở trang 30 trong SGK, kể tên một số hoạt động ở lớp bạn An. Các bạn trong hình đã sử dụng những đồ dùng học tập nào?
 - + Trong giờ học, em đã tham gia những hoạt động nào? Với mỗi hoạt động đó, thường sử dụng đồ dùng học tập nào? (có thể cho HS làm câu 3 của Bài 4 (VBT))

+ Cùng thực hành sử dụng một số đồ dùng học tập (tùy điều kiện, HS được thực hành sử dụng đồ dùng mà các em vẫn thường sử dụng. Ví dụ: Bộ chữ học vần, bộ đồ dùng môn Toán, hộp bút màu,...).

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, hỏi thêm câu hỏi, bổ sung câu trả lời của các nhóm.
- Một số HS thực hành sử dụng một số đồ dùng học tập trước lớp.
- GV bình luận và hoàn thiện các câu trả lời và phần thực hành của các nhóm.
- GV hỏi: Các em cảm thấy thế nào khi tham gia vào những hoạt động học tập trên lớp (HS trả lời theo cảm nhận của các em).

Gợi ý: Một số hoạt động ở lớp bạn An như: vẽ tranh, xếp chữ, quan sát cây rau, làm tính, tập viết, tập thể dục,... Với giờ Tiếng Việt, thường sử dụng bộ chữ học vần; giờ Toán – bộ đồ dùng môn Toán; giờ Tự nhiên và Xã hội – tranh ảnh và vật thật; giờ Mỹ thuật – bút chì, tẩy, hộp bút màu,...

Hoạt động 4: Thi kể về đồ dùng trong lớp học

* Mục tiêu: Kể được tên một số đồ dùng có trong lớp học.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo nhóm

- GV chia lớp thành một số nhóm (có thể nhóm 4 hoặc nhóm 6).
- Mỗi nhóm liệt kê tên các đồ dùng có trong lớp học.

Bước 2: Làm việc cả lớp (sử dụng kỹ thuật động não)

- Lần lượt mỗi nhóm sẽ nói tên một đồ dùng có trong lớp học (lưu ý nhóm sau không được nói trùng tên đồ dùng với nhóm trước).
- GV ghi nhanh tên các đồ dùng lên bảng.
- Nhóm nào dừng cuộc chơi cuối cùng là nhóm thắng cuộc.

3. Giữ gìn lớp học sạch, đẹp

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 5: Thảo luận về lớp học sạch, đẹp

* Mục tiêu

- Nhận biết được thế nào là lớp học sạch, đẹp.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về lớp học sạch, đẹp.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

- HS quan sát các hình ở trang 32 trong SGK, trả lời các câu hỏi:
- + Nêu những điểm khác nhau của lớp học trong hai hình.
- + Em thích lớp học của em như thế nào?

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời. GV có thể gợi ý để HS nói được:
- + Lớp học ở hình 1 lộn xộn, bừa bộn, chưa sạch sẽ.
- + Lớp học ở hình 2 gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ.
- + Em thích lớp học của em như lớp học ở hình 2 hoặc nói theo suy nghĩ của HS.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Xác định những việc có thể làm để lớp học sạch, đẹp

*** Mục tiêu**

- Nêu được một số việc làm phù hợp để giữ lớp học sạch, đẹp.
- Có ý thức giữ lớp học sạch, đẹp mỗi ngày.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo nhóm 4

- Liệt kê những việc có thể làm để giữ lớp học sạch, đẹp.
- Liên hệ xem trong nhóm các bạn đã thực hiện những việc đó như thế nào?

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp.
- Các nhóm còn lại sẽ bổ sung và nhận xét phần trình bày của các bạn.

Gợi ý: Sắp xếp đồ dùng gọn gàng, ngăn nắp; lau chùi bàn, ghế, bảng; quét lớp; trang trí lớp;...

Bước 3: Làm việc cá nhân

- HS làm câu 4 của Bài 4 (VBT).
- GV hướng HS đến thông điệp cả bài: “Lớp học như là nhà. Cô giáo như mẹ hiền. Bạn bè như là anh em”.

IV. ĐÁNH GIÁ

Tự đánh giá việc giữ gìn lớp học và sử dụng đồ dùng học tập:

- Mỗi HS được phát một phiếu tự đánh giá (Phụ lục).
- HS sẽ tự đánh giá việc giữ gìn lớp học và sử dụng đồ dùng học tập bằng cách:
 - + Tô màu vào ☺ nếu em thường xuyên thực hiện việc đó.
 - + Tô màu vào ☹ nếu thỉnh thoảng thực hiện việc đó.
 - + Tô màu vào ☹ nếu em chưa thực hiện việc đó.
- HS sẽ báo cáo kết quả của mình trong nhóm vào buổi học sau.

PHỤ LỤC PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ

Việc làm	Em tự đánh giá
Sắp xếp đồ dùng cá nhân (cặp, sách, vở, hộp bút,...) gọn gàng.	☺ ☹ ☹
Cất/đặt/để đồ dùng học tập đúng chỗ sau khi sử dụng.	☺ ☹ ☹
Sử dụng đồ dùng học tập cẩn thận và đúng cách.	☺ ☹ ☹
Lau chùi bàn, ghế, bảng,...	☺ ☹ ☹
Quét dọn lớp học (quét lớp, nhặt rác, phủi bụi tranh ảnh và sản phẩm treo tường,...).	☺ ☹ ☹
Trang trí góc học tập, lớp học.	☺ ☹ ☹
.....	☺ ☹ ☹

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết Hoạt động 4.

Tiết 3: Từ Hoạt động 5 đến hết bài.

Bài 5. TRƯỜNG HỌC CỦA EM

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Nói được tên, địa chỉ của trường mình.
- Xác định được vị trí các khu vực, các phòng của trường học và kể được tên một số đồ dùng có ở trường học.
- Nêu được các thành viên trong nhà trường và nhiệm vụ của họ.
- Kể được tên các hoạt động chính ở trường học; nêu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó.
- Nói được về hoạt động vui chơi trong giờ nghỉ.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về trường học, các thành viên và hoạt động ở trường học.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về trường học, hoạt động ở trường học.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

- Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận các đồ dùng của trường học.
- Lựa chọn và chơi những trò chơi an toàn khi ở trường.
- Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với bạn bè, GV và các thành viên khác trong nhà trường.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 1.
- Tranh ảnh hoặc video về các hoạt động của trường học.
- Một số tình huống để HS thể hiện được tình cảm và cách ứng xử với thành viên trong nhà trường (tốt nhất tình huống được thể hiện bằng kênh chữ và kênh hình).
- Giấy, bút màu, bản cam kết.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

Hoạt động chung cả lớp:

- HS trả lời câu hỏi của GV:
- + Hãy nói tên trường và địa chỉ trường của em.
- + Em thích nhất điều gì ở trường?
- Một số HS trả lời câu hỏi.
- GV có thể nói thêm với HS về ý nghĩa của tên trường và dẫn dắt vào bài dựa vào câu trả lời của HS.

1. Các khu vực và các phòng trong trường học

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu trường học của bạn Hà

* Mục tiêu

- Nói được tên các khu vực, các phòng và vị trí của chúng trong trường bạn Hà.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về trường học.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

- HS quan sát các hình ở trang 34, 35 trong SGK để trả lời câu hỏi: Chỉ ra, nói tên những khu vực và các phòng có trong trường của bạn Hà.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời. GV hoàn thiện câu trả lời.

Gợi ý: Trường học của bạn Hà có sân trường, vườn trường, khu vệ sinh và nhiều phòng: phòng học, phòng ban giám hiệu, phòng hội đồng, phòng truyền thống,...; phòng y tế ở tầng 1,...

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Giới thiệu về trường học của mình

* Mục tiêu

- Nói được tên các khu vực, các phòng và vị trí của chúng trong trường của mình.

- Kể được tên một số đồ dùng có ở trường mình.
- Đặt được các câu hỏi đơn giản để tìm hiểu về trường học của mình.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc cả lớp

– HS xếp hàng đôi đi tham quan trường theo sự hướng dẫn của GV. Có thể cho HS đi tham quan các khu vực trước (sân trường, vườn trường, khu vệ sinh,...), sau đó lần lượt đến các phòng. Đến mỗi nơi, HS tìm hiểu xem có đồ dùng gì.

– Khuyến khích HS đặt câu hỏi để tìm hiểu về các khu vực, các phòng và đồ dùng trong quá trình tham quan.

Bước 2: Làm việc nhóm 6

- HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi:
- + Trường em có những khu vực và phòng nào?
- + Kể tên một số đồ dùng có ở trường em.
- HS có thể làm câu 1, 2 của Bài 5 (VBT).

Bước 3: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số nhóm lên trình bày kết quả thảo luận trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung. GV bình luận, hoàn thiện phần trình bày các nhóm.
- GV hỏi cả lớp: Các em làm gì để giữ gìn đồ dùng có ở trường?
- Một số HS trả lời, HS khác bổ sung, hoàn thiện câu trả lời.

Gợi ý: Với bàn ghế thì lau chùi, không viết, vẽ bẩn, không đứng lên; với đồ điện như quạt thì phải bật, tắt đúng cách; với vòi nước, khi không sử dụng thì khoá vòi;...

2. Một số hoạt động chính ở trường học

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 3: Tìm hiểu các hoạt động ở trường

* Mục tiêu

- Kể được tên một số hoạt động chính ở trường.
- Nói được về hoạt động vui chơi trong giờ nghỉ.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình, đặt câu hỏi về các hoạt động ở trường.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

- HS quan sát các hình ở trang 36, 37 trong SGK để trả lời các câu hỏi:
- + Nói về một số hoạt động ở trường học trong các hình 1 – 4 trang 36 (SGK).
- + Những hoạt động nào trong các hình 1 – 4 trang 37 (SGK) không an toàn cho bản thân và người khác?

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, hỏi thêm câu hỏi, bổ sung câu trả lời của các cặp.

Gợi ý: Một số hoạt động thể hiện là an toàn ở các hình: chào cờ ở sân trường, thảo luận nhóm trong lớp, làm việc trong thư viện, chăm sóc cây ở vườn trường; hoạt động đuổi nhau ở cầu thang, hoạt động đu cành cây là không an toàn cho bản thân và người khác.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 4: Giới thiệu các hoạt động ở trường mình

*** Mục tiêu**

- Giới thiệu được một số hoạt động ở trường; nêu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó.
- Biết cách trình bày ý kiến của mình, đặt câu hỏi về hoạt động ở trường mình.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo nhóm 4

- Thảo luận theo gợi ý sau:
- + Kể về một số hoạt động diễn ra ở trường mình.
- + Em thích tham gia vào những hoạt động nào? Vì sao?
- + Ở trường, em nên chơi những trò chơi nào để đảm bảo an toàn? Vì sao?

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, hỏi thêm câu hỏi, bổ sung câu trả lời của các nhóm.
- GV có thể chiếu tranh ảnh hoặc video về các hoạt động của nhà trường, qua đó HS càng thêm yêu quý trường học của mình.
- HS làm câu 3 của Bài 5 (VBT).

GV hướng HS đến thông điệp: “Đến trường thật vui và học thêm nhiều điều thú vị”.

3. Các thành viên trong nhà trường

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 5: Thảo luận về các thành viên trong nhà trường

*** Mục tiêu**

- Nêu được các thành viên trong nhà trường và nhiệm vụ của họ.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về các thành viên trong nhà trường.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo nhóm 6

– HS quan sát các hình ở trang 38, 39 trong SGK và thực tế trường mình, trả lời các câu hỏi:

- + Kể tên các thành viên trong nhà trường.
- + Nói về công việc của một số thành viên trong nhà trường.
- + Em làm gì để thể hiện sự kính trọng và biết ơn các thầy giáo, cô giáo; các cô, bác nhân viên trong nhà trường?

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời. GV hoàn thiện câu trả lời.

Gợi ý: Các thành viên trong nhà trường: Hiệu trưởng, hiệu phó, thầy/cô giáo, cô thư viện (thủ thư), cô lao công, cô y tá, cô tổng phụ trách Đội, bác bảo vệ,...; Cách thể hiện sự kính trọng, biết ơn các thành viên: chào hỏi khi gặp mặt, xưng hô lễ phép, giúp đỡ khi cần thiết, cố gắng học tập tốt,...

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Chơi trò chơi “Ai có thể giúp tôi?”

*** Mục tiêu**

Đặt được câu hỏi nói về công việc của các thành viên trong nhà trường.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Hướng dẫn cách chơi

Mỗi cặp HS: Một HS đặt câu hỏi, một HS trả lời về công việc của các thành viên trong nhà trường. (Ví dụ: HS 1: Khi tôi muốn mượn sách ở thư viện, ai có thể giúp tôi?; HS 2: Bạn hãy đến gặp cô thư viện).

Bước 2: Tổ chức chơi trò chơi

- GV gọi một số cặp HS tham gia trò chơi (mỗi cặp sẽ hỏi và đáp về hai thành viên).
- Lưu ý: Các cặp HS sau không nói trùng ý với các cặp trước đó.

Bước 3: Nhận xét và đánh giá

- Cặp HS nào đoán đúng và trong thời gian ít nhất thì được khen thưởng.
- GV có thể nhận xét về cách đặt câu hỏi của HS.

GV có thể lựa chọn hoạt động 7 hoặc 8 để thực hiện.

Hoạt động 7: Xử lý tình huống

*** Mục tiêu**

Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với bạn bè, GV và các thành viên khác trong nhà trường.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo nhóm 4 hoặc 6

Mỗi nhóm được giao một tình huống liên quan đến một thành viên của nhà trường, nhóm thảo luận tìm cách xử lý tình huống và đóng vai thể hiện cách xử lý của nhóm.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện nhóm đóng vai thể hiện cách xử lý tình huống.
- HS khác, GV nhận xét, hoàn thiện cách xử lý tình huống của từng nhóm.

Gợi ý một tình huống về bác lao công: Ở sân trường, Minh và Tuấn đang vừa nói chuyện vừa ăn sáng. Minh ăn xong xôi, vứt lá gói xôi xuống sân, còn Tuấn uống xong hộp sữa cũng vứt xuống góc sân. Bạn Hà đang đi về phía hai bạn, nhìn thấy và nói: “Các bạn cần phải vứt vào thùng rác chứ!”. Bạn Tuấn nói: “Trường mình có bác lao công quét sân trường hằng ngày rồi mà”. Em đồng ý với ý kiến của bạn nào? Vì sao?

Hoạt động 8: Xây dựng cam kết giữ gìn và sử dụng cẩn thận, đúng cách các đồ dùng của trường học (có thể làm vào buổi 2 hoặc ở nhà)

*** Mục tiêu**

Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận các đồ dùng của trường học.

*** Cách tiến hành**

- Mỗi nhóm được phát giấy, bút màu để làm bản cam kết theo gợi ý (Phụ lục).
- Các nhóm sẽ trao đổi sản phẩm vào buổi học sau. Sau đó, dán vào chỗ sản phẩm học tập của lớp và cùng thực hiện mỗi ngày.

IV. ĐÁNH GIÁ

GV có thể sử dụng câu 2, 3, 4, 5 của Bài 5 (VBT) để đánh giá kết quả học tập bài học của HS.

PHỤ LỤC

BẢN CAM KẾT GIỮ GÌN VÀ SỬ DỤNG CÂN THẬN CÁC ĐỒ DÙNG CỦA TRƯỜNG Nhóm:	
Cam kết thực hiện	Cam kết không thực hiện
1.	1.
2.	2.
3.	3.

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết Hoạt động 4.

Tiết 3: Từ Hoạt động 5 đến hết bài.

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ TRƯỜNG HỌC (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

Hệ thống được nội dung đã học về chủ đề Trường học: lớp học và hoạt động diễn ra trong lớp học; trường học và hoạt động diễn ra trong trường học.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Củng cố kỹ năng quan sát, đặt câu hỏi, trình bày và bảo vệ ý kiến của mình.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Thực hành sử dụng đồ dùng của lớp học, trường học.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình ở Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Trường học trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội lớp 1.
- Video về việc sử dụng cẩn thận và đúng cách một số đồ dùng ở trường (nếu có).
- Phiếu tự đánh giá.
- Bút chì màu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Em đã học được gì về chủ đề Trường học?

Hoạt động 1: Giới thiệu về trường học của mình

* Mục tiêu

- Hệ thống được nội dung đã học về lớp học, trường học.
- Mạnh dạn, tự tin thuyết trình trong nhóm và trước lớp.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc nhóm 4

Phương án 1:

HS làm câu 1 của Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Trường học (VBT). GV hỗ trợ các nhóm (nếu cần).

Phương án 2:

- Nhóm thảo luận về trường học của em theo gợi ý ở trang 40 (SGK).
- Nhóm trưởng điều hành để từng HS được tập làm hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về trường học của mình (tên, địa chỉ trường; các khu vực và các phòng; các hoạt động diễn ra; các thành viên của nhà trường,...).

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Mỗi nhóm cử một HS làm hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về trường học của mình trước lớp. Cũng có thể một số HS giới thiệu, mỗi em được phân công giới thiệu sâu một khu vực hoặc một phòng nào đó,...

– HS khác nhận xét và bình chọn những bạn giới thiệu ấn tượng về trường học của mình (Gợi ý tiêu chí nhận xét: chia sẻ nhiều thông tin về trường học, nói rõ ràng, lưu loát và truyền cảm,... Ngoài ra, nhóm có nhiều HS tham gia giới thiệu sẽ được cộng thêm điểm).

2. Sử dụng đồ dùng của lớp học, trường học

Hoạt động 2: Thực hành sử dụng một số đồ dùng ở trường

* Mục tiêu

Biết sử dụng cẩn thận và đúng cách một số đồ dùng ở trường.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc cả lớp

GV hướng dẫn HS cách sử dụng cẩn thận và đúng cách một số đồ dùng. Ví dụ: bàn ghế, quạt trần, vòi nước (nếu có điều kiện có thể chiếu video).

Bước 2: Làm việc theo nhóm

– Tùy số lượng HS và đồ dùng cụ thể của trường mà GV chia nhóm HS thực hành sử dụng đồ dùng (Ví dụ: GV chia làm 3 nhóm HS thực hành sử dụng 3 đồ dùng, nêu rõ cách sử dụng 3 đồ dùng như ở trang 41 SGK).

– Các nhóm sẽ lần lượt được thực hành sử dụng các đồ dùng (vòng 1: nhóm 1 sử dụng bàn, ghế; nhóm 2 sử dụng quạt trần; nhóm 3 sử dụng vòi nước và tiếp tục vòng 2, vòng 3). Lưu ý: HS nên được thực hành tại hiện trường.

Bước 3: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số nhóm thực hành sử dụng các đồ dùng.

– HS khác, GV nhận xét, hoàn thiện cách sử dụng cẩn thận và đúng cách một số đồ dùng.

– HS có thể làm câu 2 của Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Trường học.

IV. ĐÁNH GIÁ

Tự đánh giá việc học tập và vận dụng chủ đề Trường học:

Phương án 1: HS làm câu 3 của Bài Ôn tập và đánh giá của chủ đề Trường học (VBT).

Phương án 2:

– Mỗi HS được phát một phiếu tự đánh giá (Phụ lục).

– HS sẽ tự đánh giá bằng cách:

+ Tô màu vào ☺ nếu em thực hiện thành thạo hoặc thường xuyên việc đó.

+ Tô màu vào ☹ nếu em thực hiện được hoặc thỉnh thoảng thực hiện việc đó.

+ Tô màu vào ☹ nếu em chưa thực hiện việc đó.

– HS sẽ báo cáo kết quả của mình trong nhóm và các bạn trong nhóm đánh giá lẫn nhau.

– GV tuyên dương những em học tập và vận dụng tốt những nội dung đã học từ chủ đề Trường học.

PHỤ LỤC
PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ

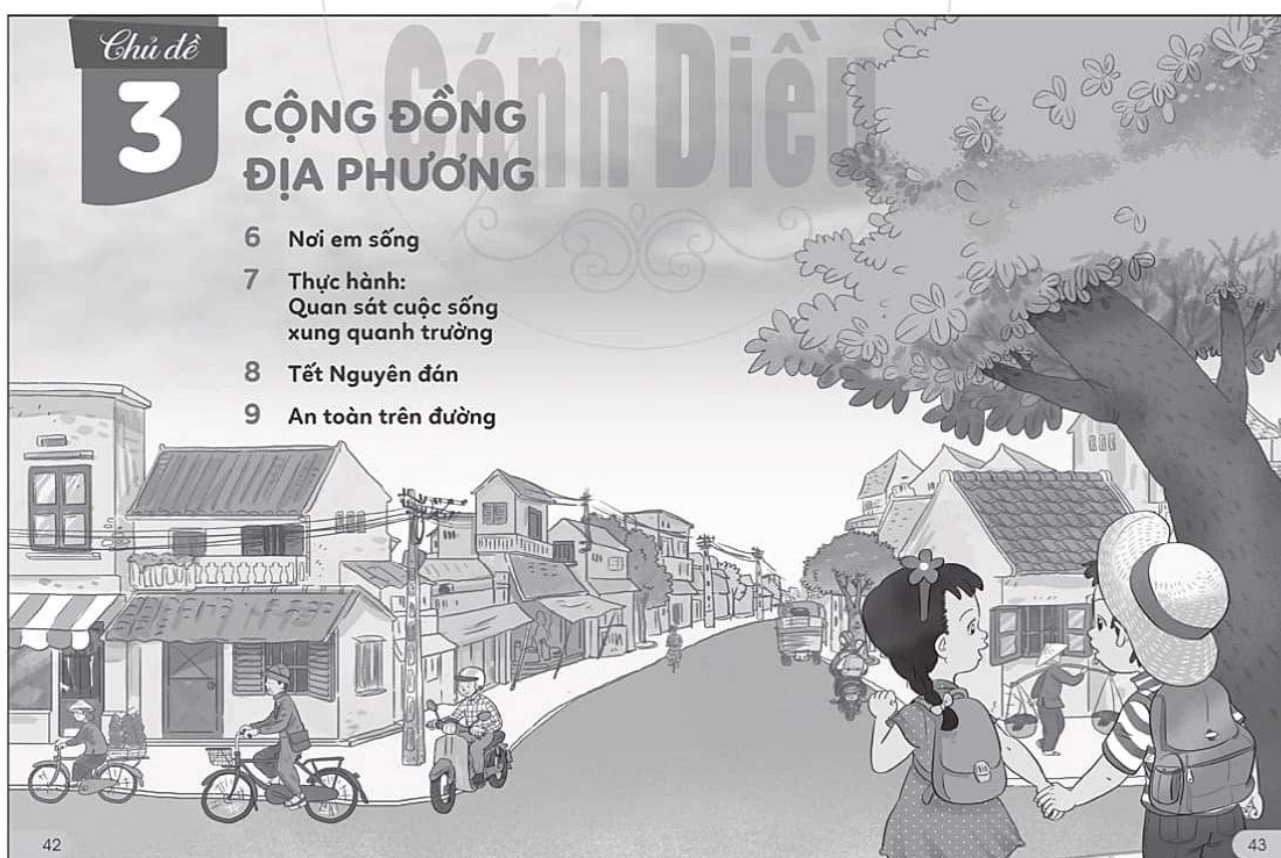
STT	Nội dung	Em tự đánh giá
1	Giới thiệu về trường học của mình.	😊 😐 😞
2	Giữ gìn và sử dụng cẩn thận, đúng cách đồ dùng ở trường.	😊 😐 😞
3	Làm một số việc phù hợp để giữ lớp học sạch, đẹp.	😊 😐 😞
4	Chơi trò chơi an toàn khi ở trường.	😊 😐 😞
5	Ứng xử phù hợp với các thành viên trong nhà trường.	😊 😐 😞

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Hoạt động 1.

Tiết 2: Từ hoạt động 2 đến hết bài.

Chủ đề 3. CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG
(13 tiết)



YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Dạy học chủ đề *Cộng đồng địa phương* trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 nhằm bước đầu hình thành và phát triển ở học sinh năng lực khoa học với những biểu hiện cụ thể của các thành phần năng lực như sau:

1. Nhận thức khoa học

- Giới thiệu được một cách đơn giản về quang cảnh làng xóm, đường phố.
- Nêu được tên một số công việc của người dân trong cộng đồng và đóng góp của công việc đó cho xã hội.
- Nhận biết được bất kì công việc nào đem lại lợi ích cho cộng đồng đều đáng quý.
- Nêu được một số việc HS có thể làm để đóng góp cho cộng đồng địa phương.
- Giới thiệu được tên, thời gian diễn ra một lễ hội truyền thống có sự tham gia của HS, gia đình và người dân ở cộng đồng.
- Kể được một số công việc của các thành viên trong gia đình và người dân cho lễ hội đó.
- Nhận biết được một số tình huống nguy hiểm, các rủi ro có thể xảy ra trên đường và nêu được cách phòng tránh.

2. Tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

- Tìm tòi, khám phá các hoạt động của người dân trong cộng đồng.
- Phân biệt được một số loại biển báo giao thông (biển báo chỉ dẫn, biển báo cấm, biển báo nguy hiểm) qua hình ảnh.
- Giải thích được sự cần thiết phải tuân theo quy định của các biển báo giao thông.

3. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

- Thể hiện được sự gắn bó, tình cảm của bản thân với làng xóm hoặc khu phố của mình.
- Thực hành đi bộ qua đường theo sơ đồ: đoạn đường không có đèn tín hiệu giao thông; đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông.

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CHỦ YẾU

Khai thác những trải nghiệm thực tế của HS qua các hoạt động gắn kết với xã hội. Các phương pháp, hình thức tổ chức để dạy chủ đề *Cộng đồng địa phương* cần được sử dụng phối hợp linh hoạt. Trong đó, chú trọng đến việc xây dựng cho HS

các kĩ năng quan sát thông qua việc hướng dẫn các em cách quan sát các hình ảnh trong SGK và thực hành quan sát quang cảnh tự nhiên, các công trình xây dựng, các hoạt động của con người trong cuộc sống thực diễn ra ở xung quanh; tổ chức cho HS học qua trò chơi, qua đóng vai xử lí tình huống, tham quan.

Khi GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh thể hiện nơi sống của bạn An và Hà cần lưu ý hướng dẫn HS quan sát tổng thể rồi đến quan sát chi tiết bằng các câu hỏi gợi ý phù hợp.

Khi GV tổ chức cho HS đi quan sát cuộc sống ở xung quanh trường cần lưu ý hướng dẫn HS cách thu thập thông tin và ghi lại những thông tin chính qua việc sử dụng Phiếu quan sát. Tiếp theo, cần hướng dẫn HS cách xử lí và trình bày những thông tin mà các em đã thu thập được trong quá trình đi quan sát cuộc sống xung quanh trường học.

Bài 6. NƠI EM SỐNG

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

– Giới thiệu được một cách đơn giản về quang cảnh làng xóm, đường phố và hoạt động của người dân nơi HS đang sống.

– Nêu được một số công việc của người dân trong cộng đồng và đóng góp của công việc đó cho xã hội.

– Nhận biết được bất kì công việc nào đem lại lợi ích cho cộng đồng đều đáng quý.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

– Biết cách quan sát và cách đặt câu hỏi khi quan sát các hình trong bài học để phát hiện ra cảnh quan tự nhiên, vị trí của một số nơi quan trọng ở cộng đồng.

– Sử dụng được những từ phù hợp để mô tả nội dung của các hình trong bài học, qua đó nhận biết được các hoạt động sinh sống của người dân trong cộng đồng.

** Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

– Nêu và thực hiện được một số việc HS có thể làm để đóng góp cho cộng đồng địa phương.

– Bày tỏ được sự gắn bó, tình cảm của bản thân với làng xóm hoặc khu phố của mình.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 1.
- Video clip bài hát *Quê hương tươi đẹp* (dân ca Nùng).
- Yêu cầu HS sưu tầm một số hình ảnh về quang cảnh và hoạt động của người dân ở nơi sống của mình (nếu có điều kiện).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

Hoạt động cả lớp:

- HS nghe nhạc và hát theo lời bài hát: *Quê hương tươi đẹp*.
- HS trả lời câu hỏi của GV để khai thác nội dung bài hát như:
 - + Bài hát nhắc đến những hình ảnh nào của quê hương?
 - + Từ nào trong bài hát nói lên tình cảm của mọi người đối với quê hương?

GV dẫn dắt vào bài học: Bài hát nói đến quê hương tươi đẹp có đồng lúa xanh, núi rừng, ngàn cây và tình cảm thiết tha của mọi người đối với quê hương. Quê hương là nơi chúng ta được sinh ra và lớn lên cùng với gia đình, bạn bè,... Bài học này sẽ giúp chúng ta có hiểu biết về nơi chúng ta đang sống, ở đó có những gì và có những ai.

Lưu ý: GV có thể lựa chọn bài hát về quê hương, địa phương của mình. Cách vào bài và phân tích nội dung bài hát tương tự như gợi ý trên.

1. Quang cảnh nơi em sống

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu về nơi sống của bạn An

* Mục tiêu

– Bước đầu hình thành kỹ năng quan sát tranh vẽ và kỹ năng đặt câu hỏi để khai thác các kiến thức từ bức tranh.

– Nêu được quang cảnh và hoạt động của con người nơi bạn An sống.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc cả lớp

Hướng dẫn HS về cách quan sát một bức tranh: quan sát tổng thể rồi mới quan sát chi tiết.

Đưa ra một số câu hỏi gợi ý:

– Ví dụ về câu hỏi giúp HS quan sát tổng thể:

+ Bức tranh vẽ về đề tài/chủ đề gì?

+ Kể tên các yếu tố tự nhiên và các công trình xây dựng ở nơi bạn An sống được thể hiện trong bức tranh.

– Ví dụ về câu hỏi giúp HS quan sát chi tiết:

+ Trường học của bạn An được đặt ở vị trí nào trong bức tranh?

+ Bưu điện, trạm y tế xã ở đâu?

+ Người dân ở đây có thể mua bán thực phẩm, hàng hoá ở đâu?

+ Bạn An đã nói gì về nơi sống của mình?

Bước 2: Làm việc theo cặp

HS dựa vào các câu hỏi gợi ý trên, một HS hỏi, HS khác trả lời. Sau đó đổi lại.

(HS được sáng tạo khi quan sát chi tiết bức tranh như cách phân chia khu vực, phong cảnh và các hoạt động của người dân ở trong tranh theo cách của mình bằng những câu hỏi khác với câu hỏi gợi ý của GV ở bước 1.)

Bước 3: Làm việc cả lớp

– Một số cặp HS chia sẻ các câu hỏi được đặt ra để khai thác kiến thức về nơi sống của bạn An và những điểm nổi bật về nơi sống của bạn An và tình cảm của An với nơi bạn sống.

– HS khác góp ý, nhận xét.

– GV nhận xét, kết luận.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Tìm hiểu về nơi sống của bạn Hà

* Mục tiêu

– Áp dụng kĩ năng quan sát tranh và kĩ năng đặt câu hỏi đã học ở Hoạt động 1 để quan sát tranh và đặt được câu hỏi về nơi sống của bạn Hà.

– Xác định được quang cảnh và hoạt động của con người nơi bạn Hà sống.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS vận dụng các câu hỏi quan sát tổng thể và quan sát chi tiết bức tranh về nơi sống của bạn Hà, một HS hỏi, HS khác trả lời. Sau đó đổi lại.

Bước 2: Làm việc cả lớp

HS xung phong đặt câu hỏi với cả lớp về nơi sống của bạn Hà và được chỉ định HS khác trả lời; nếu HS này trả lời đúng sẽ có quyền đặt câu hỏi cho HS khác (tiếp tục như vậy cho đến khi xác định được quang cảnh và hoạt động của con người nơi bạn Hà sống qua việc quan sát tranh).

Lưu ý:

– Các câu hỏi được HS nêu ra sau không được trùng với các câu hỏi đã được nêu trước đó.

– Chấp nhận tất cả các câu hỏi cũng như thứ tự đề xuất các câu hỏi do các HS đưa ra để tìm hiểu về nội dung bức tranh.

ĐÁNH GIÁ

* Đánh giá kiến thức: GV có thể sử dụng câu 1 của Bài 6 (VBT) để đánh giá nhanh kết quả “Tìm hiểu nơi sống của bạn Hà” của HS.

* Đánh giá kĩ năng: GV có thể dựa vào gợi ý Phiếu đánh giá các kĩ năng tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh (xem Phụ lục 1) để đánh giá quá trình học tập của HS.

1. Quang cảnh nơi em sống (tiếp theo)

MỞ ĐẦU

Hoạt động cả lớp (ôn lại bài cũ):

Phương án 1:

Yêu cầu HS quan sát hình ở các trang 44 – 45 và 46 – 47 (SGK) để nêu bật những điểm khác nhau và giống nhau giữa nơi sống của bạn An và bạn Hà.

Gợi ý:

– Giống nhau: Nơi sống của hai bạn đều có khu nhà ở, trường học, nơi mua bán, nơi khám chữa bệnh, khu vui chơi giải trí,... tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sinh sống của con người.

– Khác nhau:

+ Nơi sống của bạn An còn có những cánh đồng và một dòng sông chảy qua.

+ Nơi sống của bạn Hà có những toà nhà cao tầng, bệnh viện lớn, nhiều cửa hàng hơn, đường phố cũng to, rộng hơn, có đèn giao thông và nhiều ô tô, xe máy đi lại,...

Phương án 2:

GV có thể cho HS làm các câu 2, 3 của Bài 6 (VBT) để kiểm tra bài cũ.

GV dẫn dắt vào tiết 2: Tiết học này các em sẽ tìm hiểu về nơi sống của mình.

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 3: Tìm hiểu về nơi sống của em

* Mục tiêu

- Nêu được địa chỉ nơi em sống.
- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về nơi em sống.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

Một HS đặt câu hỏi, HS kia trả lời. Sau đó đổi lại.

Gợi ý:

- Nhà bạn ở đâu? (Nêu rõ số nhà, tên xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh hoặc phố, phường, quận, tỉnh/thành phố)
- Theo bạn, nơi chúng mình sống có giống với nơi sống của bạn An hay bạn Hà không? Giống ở chỗ nào?

(HS cũng có thể hỏi những câu cụ thể: Ở nơi bạn sống có đồng ruộng không? Ở nơi bạn sống có nhà cao tầng không?...)

- Gia đình bạn thường mua thức ăn, đồ uống ở đâu?
- Ngày nghỉ, bạn thường được bố mẹ đưa đi chơi ở đâu?
- Bạn có thể giới thiệu một địa điểm nổi bật mà bạn thích đến đó (hoặc được nhiều người trong cộng đồng hay khách du lịch thích đến đó).
- Hãy nói về tình cảm của bạn đối với nơi bạn sống.

Bước 2: Làm việc cả lớp

Một HS đặt câu hỏi với cả lớp về cảnh vật và hoạt động của con người ở nơi các em đang sống và được chỉ định HS khác trả lời; nếu HS này trả lời đúng sẽ có quyền đặt câu hỏi cho HS khác (tiếp tục như vậy cho đến khi HS hết câu hỏi).

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 4: Đóng vai “Hướng dẫn viên du lịch”

* Mục tiêu

- Giới thiệu được quang cảnh và hoạt động của con người ở nơi HS đang sống.
- Bày tỏ được sự gắn bó, tình cảm của bản thân với làng xóm hoặc khu phố của mình.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo nhóm

– Nhóm trưởng cùng các bạn tập hợp, sắp xếp những tranh ảnh của nhóm và xây dựng nội dung giới thiệu về nơi sống của mình.

– Trong nhóm cử ra một hoặc hai, ba bạn cùng đóng vai “Hướng dẫn viên du lịch” dựa trên những tranh ảnh của nhóm đã sưu tầm được và phân công nhau trình bày từng nội dung; những bạn này sẽ tập trình bày trong nhóm trước khi trình bày với lớp, các bạn còn lại có thể đặt câu hỏi với “Hướng dẫn viên”.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Các nhóm lần lượt đóng vai “Hướng dẫn viên du lịch” để giới thiệu nơi sống của mình và nhận xét, góp ý lẫn nhau. Sau đó, cả lớp bình bầu xem nhóm nào sưu tầm được nhiều tranh ảnh, sắp xếp đẹp, giới thiệu được điểm nổi bật về cảnh vật và hoạt động của con người cũng như thể hiện được tình cảm của các em đối với nơi sống của mình.

– GV nhận xét, đánh giá.

ĐÁNH GIÁ

* Đánh giá kiến thức: GV có thể sử dụng câu 4 của Bài 6 (VBT) để đánh giá nhanh kết quả “Tìm hiểu nơi sống của em” của HS.

* Đánh giá kỹ năng: GV có thể dựa vào gợi ý trong phiếu đánh giá các kỹ năng tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh (xem Phụ lục 2) để đánh giá quá trình học tập của HS.

MỞ ĐẦU

GV giới thiệu tiết học

Trong tiết học này, chúng ta cùng tìm hiểu xem những người ở nơi em sống thường làm những công việc gì, họ có những đóng góp gì cho cộng đồng của chúng ta và các em có thể làm gì để đóng góp cho cộng đồng của mình.

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

2. Con người nơi em sống

Hoạt động 5: Tìm hiểu về công việc của người dân và đóng góp của công việc đó cho cộng đồng nơi em sống

* Mục tiêu

– Nêu được một số công việc của người dân trong cộng đồng và đóng góp của công việc đó cho xã hội.

– Nhận biết được bất kì công việc nào đem lại lợi ích cho cộng đồng, xã hội đều đáng quý.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo nhóm

HS quan sát hình và trả lời các câu hỏi trang 48 (SGK).

(1) Nói tên công việc của những người trong các hình.

(2) Công việc của họ có đóng góp gì cho cộng đồng?

(3) Hãy nói về công việc của những người trong gia đình và công việc của những người xung quanh em.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.

– HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.

Một số gợi ý cho câu hỏi 2:

+ Thầy (hoặc cô giáo) của em và những cán bộ công nhân viên trong trường giúp đỡ em trong học tập và các hoạt động khác ở trường.

+ Cô (hoặc chú) bác sĩ khám và chữa bệnh cho em khi em bị ốm.

+ Cô (hoặc chú) công an bắt kẻ trộm và bảo vệ chúng ta.

+ Những người bán hàng bán cho chúng ta những thứ mà chúng ta cần.

+ Những người thợ xây xây nhà cho chúng ta ở.

+ Những cô, chú công nhân dọn vệ sinh môi trường giúp cho đường phố luôn sạch sẽ.

+ Những người nông dân trồng trọt, chăn nuôi cung cấp lương thực cho chúng ta.

– GV kết luận, giúp HS nhận ra rằng: Tất cả mọi công việc đem lại lợi ích cho cộng đồng đều quan trọng và đáng quý. Những người làm bác sĩ, làm công an hay thu gom rác hoặc bán hàng, làm GV hay nhân viên bảo vệ,... đều là những người hỗ trợ, giúp đỡ cộng đồng nơi chúng ta sống để làm cho cuộc sống của chúng ta được khỏe mạnh, an toàn, tiện lợi, sạch sẽ, vệ sinh và tốt đẹp hơn.

Kết thúc hoạt động này, một số HS đọc lời nói của con ong trang 48 (SGK).

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

3. Những việc làm của em đóng góp cho cộng đồng

Hoạt động 6: Việc em có thể làm để đóng góp cho nơi sống của mình

* Mục tiêu

Nêu và thực hiện được một số việc HS có thể làm để đóng góp cho cộng đồng địa phương.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS quan sát hình trang 49 và trả lời câu hỏi trong SGK: Các bạn trong hình đã làm gì để đóng góp cho cộng đồng?

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.

Bước 3: Làm việc cá nhân

- Mỗi HS nghĩ ra ba việc em có thể làm để đóng góp cho nơi sống của mình và viết vào “Bản cam kết” theo mẫu (xem Phụ lục 3).
- HS sử dụng bút màu để trang trí bản cam kết của mình.

Kết thúc hoạt động này, một số HS đem trưng bày bản cam kết của mình trước lớp.

ĐÁNH GIÁ

GV có thể sử dụng câu 6, 7, 8 của Bài 6 (VBT) để đánh giá nhanh kết quả học tập của tiết học này.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CÁC KỸ NĂNG TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI XUNG QUANH (Bài Nơi em sống – tiết 1)

Kỹ năng	Thành thạo	Đang hình thành	Chưa đạt
Quan sát tranh	– Nêu được chủ đề của bức tranh. – Mô tả được chi tiết cảnh quan nơi sống của bạn An hoặc bạn Hà và hoạt động của con người ở đó.	– Nêu được chủ đề của bức tranh. – Mô tả được một số đặc điểm cảnh quan nơi sống của bạn An hoặc bạn Hà và hoạt động của con người ở đó.	– Chưa nêu được chủ đề của bức tranh. – Chưa mô tả được đặc điểm cảnh quan nơi sống của bạn An hoặc bạn Hà và hoạt động của con người ở đó.

Kĩ năng	Thành thạo	Đang hình thành	Chưa đạt
Đặt câu hỏi để quan sát tranh	– Đưa ra được câu hỏi tìm hiểu về đề tài của bức tranh. – Đưa ra được những câu hỏi tìm hiểu về chi tiết của bức tranh.	– Đưa ra được câu hỏi tìm hiểu về đề tài của bức tranh. – Đưa ra được một số câu hỏi để tìm hiểu về chi tiết của bức tranh; một số câu hỏi chưa liên quan trực tiếp đến vấn đề cần tìm hiểu.	Chưa đưa ra được câu hỏi liên quan đến việc quan sát tổng thể và quan sát chi tiết bức tranh.

PHỤ LỤC 2

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CÁC KĨ NĂNG TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI XUNG QUANH (Bài Nơi em sống – tiết 2)

Kĩ năng	Thành thạo	Đang hình thành	Chưa đạt
Quan sát tranh	Nêu được những điểm giống và khác nhau giữa nơi sống của bạn An và bạn Hà.	Nêu được một số điểm giống và khác nhau giữa nơi sống của bạn An và bạn Hà.	Chưa nêu được một số điểm giống và khác nhau giữa nơi sống của bạn An và bạn Hà.
Đặt câu hỏi	Đưa ra được những câu hỏi tìm hiểu về quang cảnh và hoạt động của con người nơi em sống.	Đưa ra được một số câu hỏi tìm hiểu về quang cảnh và hoạt động của con người nơi em sống.	Chưa đưa ra được câu hỏi tìm hiểu về quang cảnh và hoạt động của con người nơi em sống.
Trình bày	– Sắp xếp các tranh ảnh sưu tầm hợp lí, đẹp. – Giới thiệu được những điểm nổi bật về quang cảnh và hoạt động của con người. – Thể hiện được sự nhiệt tình/tình cảm khi nói về nơi em sống.	– Sắp xếp các tranh ảnh sưu tầm hợp lí. – Giới thiệu được một số điểm nổi bật về quang cảnh và hoạt động của con người. – Phần nào thể hiện được sự nhiệt tình/tình cảm khi nói về nơi em sống.	– Sắp xếp các tranh ảnh sưu tầm còn lộn xộn. – Chưa giới thiệu được một số điểm nổi bật về quang cảnh và hoạt động của con người. – Chưa thể hiện được sự nhiệt tình/tình cảm khi nói về nơi em sống.

PHỤ LỤC 3

BẢN CAM KẾT

Tôi tên là

Tôi đóng góp cho cộng đồng nơi tôi sống bằng cách:

- 1.
- 2.
- 3.

PHỤ LỤC 4

Thông tin cho GV:

Cộng đồng được tạo thành từ các cá nhân, gia đình, tài nguyên (ví dụ: đất đai, ruộng đồng, sông, núi,...), dịch vụ và tổ chức (ví dụ: nơi khám bệnh, các cửa hàng, trường học, các cơ quan,...).

Cộng đồng địa phương là những nhóm người sống ở trong một khu vực (ví dụ những người sống cùng trong một thôn xóm, khu phố, thị trấn, thành phố,...). Như vậy, HS trong lớp và gia đình các em đều thuộc một cộng đồng và sống ở cùng một nơi.

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết Hoạt động 4.

Tiết 3: Từ Hoạt động 5 đến hết bài.

Bài 7. THỰC HÀNH: QUAN SÁT CUỘC SỐNG XUNG QUANH TRƯỜNG (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

– Nhận ra được những địa điểm quen thuộc và các loại toà nhà, đường phố,... xung quanh trường học.

– Giới thiệu được về hoạt động sinh sống và đi lại của người dân ở xung quanh trường bằng những hình thức khác nhau (vẽ, viết, đóng vai,...).

– Nêu được những chuẩn bị cần thiết khi đi quan sát.

* *Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Biết cách quan sát, ghi chép và trình bày kết quả quan sát.

* *Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Định vị được mình đang đứng ở chỗ nào hoặc đang đi đến đâu ở cộng đồng xung quanh trường học.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Các Phiếu quan sát (theo SGK).

– Giấy A0, giấy màu, bút màu, băng keo, kéo.

– VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

GV giới thiệu bài học

Bài học trước chúng ta đã tìm hiểu về quang cảnh và con người ở nơi em sống. Bài học hôm nay, chúng ta cùng nhau đi quan sát cuộc sống của người dân ở xung quanh trường chúng ta.

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

1. Chuẩn bị khi đi quan sát

Hoạt động 1: Tìm hiểu về những việc cần làm trước khi đi quan sát

* Mục tiêu

– Nêu được những chuẩn bị cần thiết khi đi quan sát.

– Biết cách sử dụng Phiếu quan sát.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS quan sát hình trang 50 và trả lời câu hỏi trong SGK:

Khi đi quan sát, các bạn trong hình mang theo những gì và trang phục như thế nào?

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.

Bước 3: Làm việc theo nhóm nhỏ (3 – 4 HS)

- HS đọc phiếu quan sát, trao đổi về cách đánh dấu vào phiếu. Điều gì chưa rõ, các em có thể hỏi GV.
- Nhóm trưởng có thể phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người (Ví dụ: Bạn A tập trung quan sát các phương tiện giao thông đi trên đường), đồng thời nhắc các bạn không ai được tự tách khỏi nhóm trong quá trình đi tham quan.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

2. Quan sát cuộc sống xung quanh trường

Hoạt động 2: Thực hiện quan sát cuộc sống xung quanh trường

* Mục tiêu

- Tập trung quan sát những gì đã được nhóm phân công.
- Hoàn thiện được phiếu quan sát.

* Cách tiến hành

- HS đi theo nhóm và thực hiện nhiệm vụ quan sát hiện trường theo sự phân công của nhóm.
- Đôi lúc, HS cần dừng lại, tập trung theo hiệu lệnh và trật tự lắng nghe hướng dẫn hoặc giải thích của thầy/cô giáo trong quá trình đi tham quan.

Lưu ý:

- GV có thể thông báo và mời cha mẹ HS cùng tham gia quản lý HS trong khi đi tham quan (nếu có điều kiện).
- GV cần bao quát hoạt động của các nhóm, hỗ trợ hướng dẫn thêm các em. Nếu có điều kiện, GV có thể chụp lại các ảnh nhà ở, cửa hàng, chợ, các cơ quan, các cơ sở sản xuất, đường phố, xe cộ đi lại,... ở xung quanh trường trong quá trình dẫn HS đi tham quan.
- Hết thời gian, GV tập hợp HS và dẫn các em trở lại trường.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

3. Trình bày kết quả quan sát

Hoạt động 3: Xử lý kết quả “Quan sát cuộc sống xung quanh trường”

*** Mục tiêu**

Hình thành kỹ năng so sánh, đối chiếu các kết quả quan sát của các thành viên trong nhóm; kỹ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề.

*** Cách tiến hành**

HS làm việc theo nhóm:

- Từng cá nhân báo cáo kết quả các em đã quan sát và ghi chép của mình với nhóm.
- Nhóm trưởng điều khiển các bạn thảo luận về cách nhóm sẽ trình bày kết quả quan sát của nhóm mình.

Gợi ý:

1. Sử dụng giấy khổ to (A0) để trình bày lại kết quả quan sát theo đúng mẫu phiếu trong SGK. Các em có thể sử dụng bút màu để trình bày và trang trí. Đồng thời thay nhau tập trình bày kết quả quan sát được.

2. Vẽ hình (hoặc dùng giấy màu cắt, dán) trên giấy thể hiện các nhà ở, cửa hàng, chợ, các cơ quan, các cơ sở sản xuất, đường phố, xe cộ đi lại,... kèm theo những nhận xét ngắn gọn và tập trình bày giới thiệu kết quả quan sát được.

3. Đóng kịch/kịch câm/... thể hiện một số nét nổi bật của cuộc sống xung quanh trường mà các em quan sát được.

...

Hoạt động 4: Tổ chức triển lãm

*** Mục tiêu**

Trình bày được kết quả quan sát dưới các hình thức khác nhau.

*** Cách tiến hành**

- HS ở các nhóm trưng bày “triển lãm” tranh ảnh và mẫu vật sưu tầm được về địa phương hoặc biểu diễn kịch ngắn, tiểu phẩm.
- Các nhóm nhận xét, góp ý lẫn nhau.
- GV nhận xét, đánh giá và khen thưởng động viên các nhóm làm tốt.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV dặn HS giữ lại các sản phẩm để dùng trong bài ôn tập về chủ đề Cộng đồng địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ

* Đánh giá kiến thức và kỹ năng: GV có thể sử dụng các câu 1, 2, 3 của Bài 7 (VBT) để đánh kết quả học tập bài này của HS.

* Tự đánh giá: GV có thể dựa vào câu 4 của Bài 7 (VBT) để biết được HS tự đánh giá sau khi đi quan sát cuộc sống xung quanh trường của các em.

PHỤ LỤC

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1 và tiết 2: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 3: Từ Hoạt động 3 đến hết bài.

Bài 8. TẾT NGUYÊN ĐÁN

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

* *Về nhận thức khoa học:*

- Giới thiệu được tên, thời gian diễn ra Tết Nguyên đán.
- Kể được một số công việc của các thành viên trong gia đình và người dân trong dịp Tết Nguyên đán.

* *Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Tìm tòi, khám phá các hoạt động đón Tết của người dân trong cộng đồng.

* *Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Thể hiện được tình cảm của em với người thân và những người xung quanh qua việc nói về các hoạt động trong dịp Tết.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- Video clip bài hát *Ngày Tết quê em* (nhạc của Từ Huy).
- Yêu cầu HS sưu tầm một số hình ảnh về các hoạt động của người dân trên đất nước Việt Nam trong dịp Tết.
- Yêu cầu HS mang theo một số ảnh chụp các hoạt động trong dịp Tết của gia đình (nếu có).
- VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

Hoạt động cả lớp:

- HS nghe nhạc và hát theo lời bài hát: *Ngày Tết quê em*.
- HS trả lời câu hỏi: Bài hát cho em biết gì về ngày Tết?

GV dẫn dắt vào bài học:

Bài hát cho thấy không khí đón Tết trên khắp đất nước với hoa tươi, phố xá đông vui, người đi sắm Tết, đi chơi, thăm hỏi lẫn nhau,... và ý nghĩa thiêng liêng của ngày Tết “Dù đi đâu ai cũng nhớ về chung vui bên gia đình”. Bài học này sẽ giúp chúng ta tìm hiểu về một lễ hội truyền thống của người Việt Nam được nhắc đến trong bài hát, đó là tết Nguyên đán.

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

1. Những hoạt động thường diễn ra vào dịp tết Nguyên đán

Hoạt động 1: Tìm hiểu về những hoạt động vào dịp ngày tết Nguyên đán

* Mục tiêu

Nêu được những hoạt động vào dịp tết Nguyên đán.

* Cách tiến hành

Bước 1:

Phương án 1: HS làm việc theo cặp.

Yêu cầu HS quan sát các hình trang 54, 55 (SGK) để trả lời câu hỏi: Những người trong mỗi hình đang làm gì? Trong đó, những hoạt động nào thường diễn ra trước Tết, những hoạt động nào thường diễn ra trong dịp Tết?

Phương án 2: HS làm việc cá nhân với câu 1 của Bài 8 (VBT).

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời (xem gợi ý câu trả lời ở Phụ lục 1).

Hoạt động 2: Giới thiệu về các hoạt động của em và gia đình vào dịp tết Nguyên đán

* Mục tiêu

Nêu được một số hoạt động của em và gia đình vào dịp Tết.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo nhóm

HS chia sẻ với các bạn trong nhóm về những việc em cùng gia đình thường làm vào dịp Tết theo các câu hỏi trong SGK:

1. Vào dịp tết Nguyên đán, em cùng với gia đình thường làm gì?
2. Em thích nhất hoạt động nào? Vì sao?

Bước 2: Làm việc cả lớp

Một số HS xung phong chia sẻ với các bạn trong lớp về những việc em cùng gia đình thường làm vào dịp Tết.

Kết thúc hoạt động này, GV yêu cầu HS về nhà sưu tầm các thông tin và hình ảnh về tết Nguyên đán.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

2. Tết Nguyên đán qua bộ sưu tập của nhóm em

Hoạt động 3: Giới thiệu các thông tin và hình ảnh về tết Nguyên đán

*** Mục tiêu**

Giới thiệu được các thông tin và hình ảnh về tết Nguyên đán đã sưu tầm được.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo nhóm

– Từng cá nhân đưa ra những thông tin hoặc hình ảnh đã sưu tầm được về tết Nguyên đán (bao gồm cả các ảnh chụp về hoạt động của gia đình mình trong những ngày Tết).

– Nhóm trưởng điều khiển các bạn thảo luận về cách nhóm sẽ trình bày, sắp xếp bộ sưu tập những thông tin hoặc hình ảnh về tết Nguyên đán của nhóm mình. Đồng thời cùng nhau tập trình bày.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Các nhóm trưng bày và giới thiệu bộ sưu tập của nhóm mình trước lớp.

– HS các nhóm đi tham quan sản phẩm của nhau và lắng nghe khi nhóm bạn giới thiệu về những thông tin, hình ảnh mà các bạn đã sưu tầm được. Đồng thời, nhận xét xem nhóm nào sưu tầm được nhiều thông tin, hình ảnh bổ ích về những hoạt động đón tết Nguyên đán ở Việt Nam và hoặc một số nước khác (nếu có).

Kết thúc hoạt động này, HS đọc phần chốt kiến thức ở cuối bài.

Lưu ý: GV cập nhật ngày 1 tháng 1 Âm lịch cho phù hợp.

IV. ĐÁNH GIÁ

Hoạt động 4: Trò chơi “Đố vui”

* Mục tiêu

Nhắc lại và mở rộng những kiến thức về tết Nguyên đán.

* Cách tiến hành

– Mỗi HS được phát một bộ các chữ cái A, B, C, D là các phương án trả lời của các câu hỏi trắc nghiệm.

– Sau khi GV nêu câu hỏi, HS sẽ nhanh chóng giơ đáp án, mỗi câu trả lời đúng các em sẽ được 1 điểm.

Xem câu hỏi và đáp án cho trò chơi “Đố vui” ở Phụ lục 2.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV dặn HS về nhà sưu tầm các thông tin, hình ảnh về Tết ở cộng đồng địa phương nơi HS sống.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

STT	Hình 	Nội dung
1		Mọi người đang mua, bán hoa trên đường phố.
2		Hai bà cháu đang gói bánh chưng; bố mẹ đang chuẩn bị nồi luộc bánh chưng.

STT	Hình	Nội dung
3		Chuẩn bị bàn thờ để cúng tổ tiên.
4		Các con, cháu đang chúc Tết ông bà.
5		Bố mẹ đưa con đi chơi ngày Tết.
6		Xem hát quan họ ngày Tết.

PHỤ LỤC 2

STT	Câu hỏi	Đáp án
1	Ngày đầu năm Âm lịch là ngày lễ gì của dân tộc Việt Nam?	A. Ngày tết Trung thu B. Ngày Quốc khánh C. Ngày tết Nguyên đán D. Ngày giỗ Tổ Hùng Vương
2	Tết Nguyên đán còn có tên gọi khác là gì?	A. Tết Âm lịch B. Tết Tây C. Tết Ta D. Cả A và C
3	Giao thừa là khoảng thời gian nào?	A. Là khoảng thời gian chuyển tiếp giữa ngày cũ sang ngày mới B. Là khoảng thời gian chuyển tiếp giữa tuần cũ sang tuần mới C. Là khoảng thời gian chuyển tiếp giữa tháng cũ sang tháng mới D. Là khoảng thời gian chuyển tiếp giữa năm cũ sang năm mới
4	Mâm trái cây được bày trên bàn thờ ngày Tết thường có mấy loại quả?	A. 3 loại quả B. 4 loại quả C. 5 loại quả (còn gọi là ngũ quả) D. 6 loại quả
5	Bánh nào thường được dùng để thờ cúng tổ tiên và ăn trong dịp Tết?	A. Bánh nướng, bánh dẻo B. Bánh chưng, bánh tét C. Bánh gai, bánh giò D. Bánh bao, bánh pía
6	Hoa nào tượng trưng cho mùa xuân ở miền Bắc?	A. Hoa hồng B. Hoa mai C. Hoa lay ơn D. Hoa đào
7	Hoa mai được trưng bày trong ngày Tết có màu gì?	A. Màu đỏ B. Màu trắng C. Màu vàng D. Màu hồng

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết bài.

Bài 9. AN TOÀN TRÊN ĐƯỜNG

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

– Nhận biết được một số tình huống nguy hiểm, các rủi ro có thể xảy ra trên đường.

– Nêu được cách phòng tránh nguy hiểm trong một số tình huống để đảm bảo an toàn trên đường.

– Nói được tên và ý nghĩa của một số biển báo và tín hiệu đèn hiệu giao thông.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

– Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về nguyên nhân, cách phòng tránh nguy hiểm trong một số tình huống giao thông.

– Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về nguyên nhân, cách phòng tránh nguy hiểm trong một số tình huống giao thông, về biển báo và đèn tín hiệu giao thông,...

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Thực hành đi bộ qua đường theo sơ đồ: đoạn đường không có đèn tín hiệu giao thông; đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Các hình trong SGK.

– VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

– Các tấm bìa có hình tròn (màu xanh và màu đỏ); hình xe ô tô, xe máy, xe đạp.

– Phiếu tự đánh giá.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

Hoạt động chung cả lớp:

- HS trả lời câu hỏi của GV:
- + Nhà em ở gần hay xa trường?
- + Em thường đến trường bằng phương tiện gì?
- Một số HS trả lời câu hỏi.

GV dẫn dắt vào bài học: Để đảm bảo an toàn trên đường đi học, cũng như an toàn trên đường, chúng ta cần thực hiện những quy định gì, bài học hôm nay cả lớp cùng tìm hiểu.

1. Trên đường đến trường

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Phát hiện tình huống giao thông nguy hiểm

* Mục tiêu

– Nhận biết được một số tình huống nguy hiểm, nêu cách phòng tránh để đảm bảo an toàn trên đường.

– Biết cách quan sát, đặt câu hỏi, trình bày ý kiến của mình về nguyên nhân, cách phòng tránh nguy hiểm trong một số tình huống giao thông.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

– HS quan sát các hình ở trang 58, 59 trong SGK để trả lời các câu hỏi:

- + Các bạn đến trường bằng những phương tiện gì?
- + Theo em, những người nào có hành động không đảm bảo an toàn? Vì sao?
- + Em khuyên một số bạn HS có hành động không đảm bảo an toàn điều gì?

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.

– HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung câu trả lời. GV bình luận, hoàn thiện các câu trả lời.

Gợi ý: Hình 1 trang 58: Hai bạn HS thò tay và đầu ra ngoài cửa xe ô tô; một bạn HS ngồi sau xe máy không đội mũ bảo hiểm. Hình 2 trang 59: Hai HS đi ra giữa lòng đường; Hình 3 trang 59: Một HS đứng trên thuyền, một HS thò tay nghịch nước.

– HS có thể làm câu 1 của Bài 9 (VBT).

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Liên hệ thực tế

* Mục tiêu

Đưa ra được những lưu ý khi đi trên đường để đảm bảo an toàn.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo nhóm 4

– Mỗi HS nêu ít nhất một lưu ý khi đi trên đường để đảm bảo an toàn.

– Thảo luận nhóm và tổng hợp các ý kiến của các thành viên.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.

– HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời. GV bình luận, hoàn thiện các câu trả lời.

Gợi ý: Nêu những lưu ý khi đi bộ hoặc đi trên phương tiện giao thông phù hợp với ngữ cảnh địa phương.

2. Một số biển báo và đèn tín hiệu giao thông

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 3: Tìm hiểu biển báo và đèn tín hiệu giao thông

* Mục tiêu

– Nói được tên và ý nghĩa của một số biển báo và tín hiệu đèn hiệu giao thông.

– Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về biển báo và đèn tín hiệu giao thông.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo nhóm 6

– HS quan sát các hình ở trang 60, 61 trong SGK để trả lời các câu hỏi:

+ Có những biển báo và đèn tín hiệu giao thông nào?

+ Khi gặp những biển báo và đèn tín hiệu giao thông đó, em phải làm gì?

+ Ngoài những biển báo đó, khi đi trên đường em nhìn thấy những biển báo nào? Chúng cho em biết điều gì?

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp (mỗi nhóm trình bày một câu).

– HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời. GV bình luận và hoàn thiện các câu trả lời.

Gợi ý: Biển báo trong hình: cấm đi ngược chiều, cấm người đi bộ, cấm xe đạp, đường người đi bộ sang ngang. Đèn tín hiệu giao thông chính ba màu xanh, vàng, đỏ và đèn tín hiệu hai màu điều khiển giao thông đối với người đi bộ. Ngoài các biển báo như trong hình, có thể nhìn thấy biển đá lở (chủ yếu ở vùng núi), biển bến phà, nhiều nơi có biển giao nhau với đường sắt không có rào chắn,...

– HS có thể làm câu 2 của Bài 9 (VBT).

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 4: Chơi trò chơi “Đố bạn biết: Đèn tín hiệu giao thông “nói” gì?”

* Mục tiêu

- Nhớ được ý nghĩa của tín hiệu đèn hiệu giao thông.
- Phát triển kỹ năng lắng nghe và phản ứng nhanh.

* Cách tiến hành

Bước 1: Hướng dẫn cách chơi

- Mỗi HS nắm hai tay và khoanh tay trước ngực.
- Khi GV nói đèn xanh hoặc giơ tấm bìa tròn màu xanh, hai nắm tay của HS chuyển động trước ngực, khi GV nói đèn đỏ hoặc giơ tấm bìa tròn màu đỏ, hai nắm tay HS phải dừng lại.

Bước 2: Tổ chức chơi trò chơi

- GV gọi hai HS lên quan sát xem bạn nào thực hiện đúng/không đúng theo hiệu lệnh của GV.

– Bạn nào làm sai thì sẽ nhắc lại ý nghĩa của tín hiệu đèn giao thông.

Bước 3: Nhận xét và đánh giá

- Dãy bàn nào có ít số HS làm sai nhất thì được khen thưởng.
- GV mở rộng thông tin cho HS: Tín hiệu đèn xanh: cho phép người và xe đi. Tín hiệu đèn vàng: cảnh báo cho sự luân chuyển tín hiệu, báo hiệu người điều khiển phương tiện khi tham gia giao thông trên đường giảm tốc độ và phải dừng lại ở trước vạch sơn “Dừng lại” theo quy định. Trong trường hợp người điều khiển phương tiện và người đi bộ đã vượt quá vạch sơn thì phải nhanh chóng vượt qua khỏi giao lộ để tránh gây nguy hiểm cho bản thân và người tham gia giao thông khác. Tín hiệu đèn đỏ: dừng lại.

– HS có thể làm câu 3 của Bài 9 (VBT).

3. Đi bộ qua đường

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 5: Tìm hiểu các yêu cầu đi bộ qua đường

* Mục tiêu

- Nêu được các yêu cầu đi bộ qua đường.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về các yêu cầu đi bộ qua đường.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo nhóm

– Nhóm chẵn: HS quan sát các hình ở trang 62 trong SGK để nêu yêu cầu đi bộ qua đường ở đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông dành cho người đi bộ.

– Nhóm lẻ: HS quan sát các hình ở trang 62 trong SGK để nêu yêu cầu đi bộ qua đường ở đoạn đường không có đèn tín hiệu giao thông dành cho người đi bộ.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời. GV chốt thông tin:
 - + Qua đường ở đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông dành cho người đi bộ:
 - Dừng lại trên hè phố, lề đường hoặc sát mép đường.
 - Chờ cho tín hiệu đèn dành cho người đi bộ chuyển sang màu xanh.
 - Quan sát bên trái, bên phải và bên trái một lần nữa cho đến khi chắc chắn không có chiếc xe nào đang đến gần.
 - Đi qua đường trên vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, giơ cao tay để các xe nhận biết và vẫn cần quan sát an toàn.
 - + Qua đường ở đoạn đường không có đèn tín hiệu giao thông dành cho người đi bộ:
 - Dừng lại trên hè phố, lề đường hoặc sát mép đường.
 - Quan sát bên trái, bên phải và bên trái một lần nữa cho đến khi chắc chắn an toàn.
 - Đi qua đường, giơ cao tay để các xe nhận biết và vẫn cần quan sát an toàn.
- GV hướng HS đến thông điệp: “Chúng ta cần phải thực hiện những quy định về trật tự an toàn giao thông để đảm bảo an toàn cho bản thân và người khác”.
- HS có thể làm câu 4 của Bài 9 (VBT).

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Tập đi bộ qua đường an toàn

*** Mục tiêu**

Biết thực hiện đúng theo các yêu cầu đi bộ qua đường.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Chuẩn bị thực hành

– GV và HS làm một số tấm bìa có hình tròn (màu xanh và màu đỏ); hình xe ô tô, xe máy, xe đạp.

– GV vẽ trước ở sân trường đoạn đường có vạch kẻ và đoạn đường không có vạch kẻ (số lượng đoạn đường theo số nhóm).

Bước 2: Thực hành đi bộ qua đường trong nhóm

– Các nhóm sẽ phân vai (một người đóng vai đèn hiệu, một số người đi bộ, một người đóng ô tô/xe máy/xe đạp).

– Mỗi nhóm thực hành đi bộ qua cả hai loại đoạn đường (HS trong nhóm đổi vai cho nhau).

Bước 3: Thực hành đi bộ qua đường trước lớp

– Đại diện một số nhóm thực hành đi bộ qua đường trước lớp.

– HS khác/GV nhận xét, hoàn thiện cách đi bộ qua đường của các bạn (theo đúng yêu cầu đi bộ qua đường).

IV. ĐÁNH GIÁ

* Đánh giá kết quả học tập bài học: GV có thể sử dụng kết quả làm các câu 1, 2, 3, 4 của Bài 9 (VBT) để đánh giá kết quả học tập bài này của HS.

* Tự đánh giá việc thực hiện những quy định về an toàn giao thông:

– Mỗi HS được phát một Phiếu tự đánh giá (Phụ lục).

– HS sẽ tự đánh giá việc thực hiện những quy định về an toàn giao thông trên đường đi học bằng cách:

+ Tô màu vào ☺ nếu em thực hiện đúng quy định về an toàn giao thông.

+ Tô màu vào ☹ nếu em chưa thực hiện đúng quy định về an toàn giao thông.

– HS sẽ báo cáo kết quả của mình trong nhóm sau 1 tuần.

PHỤ LỤC
PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ

Thời gian	Em tự đánh giá
Thứ, ngày.....	😊 😞
Thứ, ngày.....	😊 😞
Thứ, ngày.....	😊 😞
Thứ, ngày.....	😊 😞
Thứ, ngày.....	😊 😞

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết Hoạt động 4.

Tiết 3: Từ Hoạt động 5 đến hết bài.

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ
CHỦ ĐỀ CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG
(2 tiết)

MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

Hệ thống được những kiến thức đã học về chủ đề Cộng đồng địa phương.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Củng cố kỹ năng sưu tầm, xử lý thông tin.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Thể hiện được việc em có thể làm để đóng góp cho cộng đồng.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình ở Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Cộng đồng địa phương trong SGK.
- Chuẩn bị 6 biển báo giao thông rời (xem hình trang 65 trong SGK) và 6 lá thăm ghi từ số 1 đến số 6.
- HS sưu tầm một số thông tin, hình ảnh về chủ đề Cộng đồng địa phương.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Em đã học được gì về chủ đề Cộng đồng địa phương?

Hoạt động 1: Giới thiệu các thông tin và hình ảnh về cộng đồng địa phương

* Mục tiêu

Hệ thống và mở rộng những kiến thức về chủ đề Cộng đồng địa phương.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo nhóm

– Từng cá nhân đưa ra những hình ảnh, thông tin đã sưu tầm được theo sự phân công trong nhóm về cộng đồng địa phương.

– Nhóm trưởng điều khiển các bạn thảo luận về cách nhóm sẽ trình bày, sắp xếp bộ sưu tập những hình ảnh, thông tin về cộng đồng địa phương của nhóm mình. Đồng thời cùng nhau tập trình bày.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Các nhóm trưng bày và giới thiệu bộ sưu tập của nhóm mình trước lớp.

– HS các nhóm tham quan sản phẩm của nhau và lắng nghe khi nhóm bạn giới thiệu về những hình ảnh, thông tin mà các bạn đã sưu tầm được. Đồng thời, nhận xét xem nhóm nào sưu tầm được nhiều hình ảnh, thông tin bổ ích về cộng đồng địa phương.

Hoạt động 2: Trò chơi “Thi nói về ngày tết Nguyên đán”

* Mục tiêu

Ôn tập và mở rộng những kiến thức về tết Nguyên đán.

* Cách tiến hành

Làm việc cả lớp

– HS được chia thành hai nhóm lớn. Mỗi nhóm cử một nhóm trưởng.

– 3 HS xung phong làm trọng tài.

– Lần lượt mỗi nhóm cử một người nói về một nội dung liên quan đến tết Nguyên đán. Mỗi nội dung nêu ra được 1 điểm. Nhóm nào nói lại một nội dung đã được nhắc đến sẽ bị trừ 1 điểm. Trong một khoảng thời gian cho phép, nhóm nào được nhiều điểm hơn là thắng cuộc.

Hoạt động 3: Trò chơi “Con số bí ẩn”

* Mục tiêu

Ôn tập kiến thức về một số biển báo giao thông.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc cả lớp

HS được chia thành 6 nhóm. Mỗi nhóm cử một HS lên rút thăm. GV sẽ công bố số thứ tự tương ứng với 1 biển báo giao thông để các nhóm chuẩn bị trình bày. Ví dụ:

Số thăm	1	2	3	4	5	6
Biển báo	Đường người đi bộ sang ngang	Cấm người đi bộ	Cấm đi ngược chiều	Giao nhau với đường sắt không có rào chắn	Đá lở	Bến phà

Bước 2: Làm việc theo nhóm

– HS thảo luận về biển báo mà nhóm mình đã rút thăm được. Đưa ra tình huống và nêu rõ việc cần làm để đảm bảo an toàn giao thông cho mình và người thân khi gặp biển báo đó.

Ví dụ: Bố đưa em đi chơi, gặp biển báo “Đường người đi bộ sang ngang”, em nhắc bố điều khiển xe chạy chậm lại, chú ý quan sát, ưu tiên cho người đi bộ sang ngang. Nếu cần sẽ dừng hẳn xe lại, đợi người đi bộ qua hết mới tiếp tục đi.

– Cử một bạn sẽ trình bày trước lớp.

Bước 3: Làm việc cả lớp

– Đại diện mỗi nhóm lên giới thiệu về biển báo giao thông nhóm đã chuẩn bị.

– Các nhóm nhận xét, góp ý lẫn nhau.

– GV nhận xét, đánh giá và khen thưởng động viên các nhóm làm tốt.

2. Em có thể đóng góp gì cho cộng đồng?

Hoạt động 4: Đóng vai xử lý tình huống

* Mục tiêu

Thể hiện việc em có thể làm để đóng góp cho cộng đồng.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo nhóm

– Mỗi nhóm chọn một trong hai tình huống được thể hiện ở hình vẽ trang 65 (SGK) (các em cũng có thể nghĩ ra một tình huống khác).

– Nhóm trưởng điều khiển các bạn thảo luận để nêu ra những cách ứng xử khác nhau có thể có. Sau đó, chọn một cách mà các em cho là tốt nhất để đóng vai. Một số HS xung phong nhận vai và trình bày trước lớp.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Các nhóm lên đóng vai thể hiện việc em có thể làm để đóng góp cho cộng đồng (Ví dụ: Tình huống 1: Nhắc nhở các bạn giữ trật tự nơi công cộng; Tình huống 2: Nhắc nhở mọi người vứt rác đúng nơi quy định).

– Nhóm khác nhận xét và bình luận về cách ứng xử các bạn lựa chọn để đóng vai, từ đó rút ra bài học: Mỗi người đều cần có ý thức trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng từ những việc làm hằng ngày như giữ trật tự, giữ vệ sinh nơi công cộng,...

– GV nhận xét, đánh giá và khen thưởng động viên các nhóm làm tốt.

IV. ĐÁNH GIÁ

GV có thể sử dụng các câu 1, 2, 3, 4 của Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Cộng đồng địa phương trong VBT để đánh giá kết quả học tập của chủ đề này.

PHỤ LỤC

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Hoạt động 1 đến hết Hoạt động 3.

Tiết 2: Từ Hoạt động 4 đến hết bài.

Chủ đề 4: THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT

(14 tiết)



YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Dạy học chủ đề *Thực vật và động vật* trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 nhằm bước đầu hình thành và phát triển ở HS năng lực khoa học với những biểu hiện cụ thể của các thành phần năng lực như sau:

1. Nhận thức khoa học

– Nêu tên và đặt được câu hỏi để tìm hiểu về một số đặc điểm bên ngoài nổi bật của cây và con vật thường gặp.

– Vẽ hoặc sử dụng được sơ đồ có sẵn để chỉ và nói (hoặc viết) được tên các bộ phận bên ngoài của một số cây và con vật.

– Phân biệt được một số cây theo nhu cầu sử dụng của con người (cây bóng mát, cây ăn quả, cây hoa,...).

– Phân biệt được một số con vật theo lợi ích hoặc tác hại của chúng đối với con người.

2. Tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

- Đặt được các câu hỏi đơn giản về cây xanh và các con vật xung quanh.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về các đặc điểm của cây xanh và các con vật.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về một số hành động có thể gây mất an toàn khi tiếp xúc với một số cây và con vật.
- Biết sử dụng những đồ dùng cần thiết khi đi tham quan thiên nhiên.
- Quan sát, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi về những cây và con vật nơi tham quan.
- Bước đầu làm quen cách quan sát, ghi chép, trình bày kết quả khi đi tham quan.

3. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

- Làm được một số việc phù hợp để chăm sóc, bảo vệ cây trồng ở trường hoặc ở nhà và đối xử tốt với vật nuôi.
- Có ý thức giữ an toàn cho bản thân khi tiếp xúc với một số cây, con vật và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.
- Có ý thức bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CHỦ YẾU

Khai thác những trải nghiệm thực tế của HS qua các hoạt động gắn kết với thiên nhiên. Các phương pháp, hình thức tổ chức để dạy chủ đề *Thực vật và động vật* cần được sử dụng phối hợp linh hoạt. Trong đó, chú trọng đến việc xây dựng cho HS các kĩ năng quan sát thông qua việc hướng dẫn các em cách quan sát tranh ảnh, cây xanh và các con vật xung quanh, thực hành quan sát ngoài tự nhiên; tổ chức cho HS học qua trò chơi; qua đóng vai xử lí tình huống; thực hành và tham quan thiên nhiên.

Bài 10. CÂY XANH QUANH EM

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Nêu được tên một số cây và bộ phận bên ngoài của cây.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Đặt được các câu hỏi đơn giản để tìm hiểu một số đặc điểm bên ngoài của cây xung quanh.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

– Phân biệt được một số cây theo nhu cầu sử dụng của con người (cây bóng mát, cây ăn quả, cây hoa,...).

– Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về các đặc điểm của cây xanh.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Một số cây thường gặp ở địa phương (cây đang được trồng trong bầu hoặc chậu đất, có đủ thân, rễ, lá. Một số cây đang có hoa và quả tùy thực tế).

– Các hình trong SGK.

– Bộ tranh ảnh gồm các loài cây rau, cây hoa, cây bóng mát,... đặc biệt là các loài cây có ở địa phương.

– Bảng phụ/giấy A2.

– Một số bài hát, bài thơ nói về tên các loài cây; các bộ phận của cây; lợi ích của cây; các loại cây cho rau, hoa, quả, bóng mát,...

– Bộ thẻ từ gồm các bộ phận của cây: thân, rễ, lá, hoa, quả (nếu có).

– Một số đồ vật làm từ thực vật phổ biến ở địa phương: rổ, rá, quạt nan, đĩa, giỏ bằng mây, tre.

– Một số hình ảnh: Hoa trang trí nhà, đám cưới, bữa tiệc; giường, tủ,...; đồ ăn, nước sinh tố,... và các vật dụng khác được làm ra từ thực vật ở các vùng miền khác.

– Video/nhạc bài hát về cây xanh.

– VBT Tự nhiên và Xã hội 1

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

Hoạt động chung cả lớp:

– HS nghe nhạc và hát theo lời bài hát có nội dung về cây xanh quen thuộc ở mẫu giáo như *Lí cây xanh*, *Em yêu cây xanh*, *Hoa trong vườn*, *Bóng cây Konia*,...

– HS trả lời câu hỏi của GV để khai thác nội dung bài hát như:

+ Bài hát nhắc đến những gì?

+ Những từ nào nói về cây xanh?

+ ...

GV dẫn dắt bài học: Bài học nói đến cây xanh quanh ta, hoa, lá,... (GV chọn bài hát nào thì giải thích, dẫn dắt theo nội dung của bài hát đó). Chúng ta sẽ tìm hiểu về: “Cây xanh quanh em”.

1. Nhận biết một số cây

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Nhận biết một số cây

* Mục tiêu

– Nêu được tên một số cây.

– Đặt được câu hỏi về tên cây, hoa, quả và chiều cao, màu sắc của cây.

– So sánh được chiều cao, độ lớn của một số cây.

* Cách tiến hành

Bước 1: Hướng dẫn HS quan sát tranh và đặt câu hỏi

– Hướng dẫn HS cách quan sát hình vẽ ở các trang 68, 69 trong SGK và trả lời các câu hỏi:

+ Kể tên các cây có trong bức tranh (cây dừa, hoa cúc, cây rau bắp cải, rau xà lách, cây cam, cây chuối, cây bèo tây, cây hoa súng).

Lưu ý: HS không nhất thiết phải kể được hết các cây trong hình, GV có thể gợi ý để HS biết và chia sẻ cùng các bạn trong nhóm.

+ Cây nào đang có hoa, cây nào đang có quả? Hoa và quả của chúng có màu gì?

+ So sánh các cây trong bức tranh, cây nào cao, cây nào thấp? (Cây cao như: cây dừa, cây bàng, cây cam, cây chuối; Cây thấp như: hoa cúc, cây rau bắp cải, xà lách,...).

Bước 2: Tổ chức làm việc theo cặp

– GV hướng dẫn từng cặp HS giới thiệu cho nhau nghe về các cây có trong SGK và hình ảnh mà HS mang đến: tên cây, cây cao hay thấp, cây đang có hoa, đang có quả không?...

– Một HS đặt câu hỏi về các đặc điểm của cây, HS kia trả lời (tùy trình độ HS, GV hướng dẫn HS đặt được câu hỏi), gợi ý như sau:

+ Cây này là cây gì? Nó có đặc điểm gì?

+ Cây này cao hay thấp? Cây có hoa, quả không?

– Nhà bạn hoặc vườn trường có những cây gì? Hãy ghi và vẽ vào bảng phụ/ giấy A2.

Bước 3: Tổ chức làm việc nhóm

– Mỗi HS chia sẻ với các bạn trong nhóm bảng tên các cây và tranh vẽ vừa hoàn thành.

– Các nhóm HS treo sản phẩm trên bảng và chia sẻ trước lớp (nếu có thời gian).

Bước 4: Tổ chức làm việc cả lớp

Chọn đại diện HS giới thiệu về tên các cây của nhóm. Các HS của nhóm khác sẽ đặt câu hỏi về đặc điểm của cây và nhận xét phần trả lời của bạn.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Thi gọi tên một số cây

*** Mục tiêu**

– Khắc sâu, mở rộng vốn từ và hiểu biết về các loài cây mà HS đã học.

– Phát triển năng lực ngôn ngữ qua các bài hát, bài thơ mà HS đã học ở trường mầm non, nhằm tích hợp với các môn học như Tiếng Việt, Âm nhạc vào môn học Tự nhiên và Xã hội.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Chia nhóm

GV chia lớp thành nhóm, mỗi nhóm 5 – 6 HS. Chia bộ ảnh hoặc các cây mà HS và GV đã chuẩn bị cho các nhóm.

Bước 2: Hoạt động nhóm

Từng thành viên trong nhóm thi gọi tên một số loài cây bằng tranh ảnh hoặc vật thật theo các nhóm, bạn nào nói nhanh và đúng nhiều nhất sẽ là người thắng cuộc.

Bước 3: Hoạt động cả lớp

– GV chọn hai nhóm một trình bày trước lớp, các nhóm khác nhận xét, đánh giá,... cứ như vậy để tìm ra nhóm tốt nhất.

– Nếu còn thời gian, GV có thể sử dụng phương án cho HS thi tìm các bài hát, câu thơ có nhắc đến tên các loài cây.

Bước 4: Củng cố

– HS nêu ngắn gọn: Sau phần học này, em rút ra được điều gì? (Gợi ý: Trong tự nhiên, có rất nhiều cây xung quanh ta, có nhiều loại cây, có những cây rất to, có những cây rất nhỏ,...).

– Yêu cầu HS về nhà tiếp tục tìm hiểu các cây có xung quanh nhà, khu vực nơi em sống và vườn trường. Ghi chép và chia sẻ với các bạn ở buổi học sau.

Lưu ý:

– Nhằm phát huy năng lực đặt câu hỏi cho HS, GV cần khuyến khích sự sáng tạo của HS, khuyến khích HS càng đặt được nhiều câu hỏi về các loài cây trong hình càng tốt. HS có thể đặt câu hỏi và quan sát tranh không nhất thiết phải theo những gợi ý trên.

– GV cần phát huy tối đa kiến thức hiểu biết, vốn từ của HS.

– Hình trong sách có những cây sống trên cạn, một số cây sống dưới nước như bèo, hoa súng,... GV có thể giới thiệu qua: cây xanh quanh ta có thể sống trên cạn và sống dưới nước. Chúng ta sẽ học kĩ hơn nội dung này ở lớp 2.

ĐÁNH GIÁ

GV có thể sử dụng câu 1 Bài 10 (VBT) để đánh giá nhanh kết quả của HS.

2. Một số bộ phận bên ngoài của cây

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 3: Nhận biết một số bộ phận của cây

*** Mục tiêu**

– Quan sát và nhận biết được một số bộ phận chính của cây: thân, rễ, lá, hoa và quả.

– Đặt câu hỏi và trả lời về các bộ phận bên ngoài của cây thông qua quan sát.

– Viết hoặc vẽ lại các bộ phận chính của cây và giới thiệu với các bạn trong nhóm/lớp.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Tổ chức làm việc theo cặp, hướng dẫn HS quan sát và đặt câu hỏi

– Yêu cầu HS quan sát hình trang 70 (SGK) và chỉ ra được các bộ phận của cây có trong hình.

– Cho HS quan sát một số cây có đủ thân, rễ, lá và có thể có cây có hoa, quả.

– Một HS đặt câu hỏi, HS kia trả lời (tùy trình độ HS, GV hướng dẫn HS đặt được câu hỏi), gợi ý như sau:

+ Cây gồm những bộ phận gì? (Hầu hết các cây đều có: thân, rễ, lá, hoa, quả).

+ Vì sao có khi chúng ta nhìn thấy cây chỉ có quả hoặc chỉ có hoa? Vì sao lại có cây không thấy có hoa? Cây này có hoa và quả không? Hoa của chúng có màu gì?

Quả của chúng có màu gì? (Gợi ý: Hầu hết cây xanh quanh em đều có: thân, rễ, lá, hoa và quả. Tuy nhiên, hoa và quả ở cây xanh không phải lúc nào cũng có. Một số loài cây chỉ có hoa hoặc quả vào một mùa nhất định. Ví dụ: Quả vải chỉ có vào mùa hè (tháng 5, 6); Hoa đào thường nở vào mùa xuân, hoa cúc thường nở vào mùa thu,...).

– HS quan sát cây trong chậu, GV hỏi: Vì sao chúng ta thường không nhìn thấy rễ cây? (Rễ cây thường ở dưới đất, chúng có nhiệm vụ hút nước và muối khoáng để nuôi cây).

– GV cho HS quan sát rễ thật của một số cây (có thể là cây rau cải hoặc cây dại).

– Tiếp theo yêu cầu HS vẽ một cây mà mình thích và viết tên các bộ phận của cây.

Bước 2: Tổ chức làm việc nhóm

– Mỗi HS chia sẻ với các bạn trong nhóm sản phẩm của mình vừa hoàn thành.

– Các nhóm HS treo sản phẩm trên bảng và chia sẻ trước lớp (nếu có thời gian).

Bước 3: Tổ chức làm việc cả lớp

Một số HS giới thiệu về sản phẩm của nhóm về các bộ phận của cây. Cử một số HS đặt câu hỏi và nhận xét phần giới thiệu của các bạn.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 4: Trò chơi “Tìm hiểu về các bộ phận của cây”

* Mục tiêu

Khắc sâu kiến thức về các bộ phận của cây.

* Cách tiến hành

Bước 1: Chia nhóm

GV chia lớp thành nhóm, mỗi nhóm 5 – 6 HS. Chia bộ ảnh hoặc các cây mà HS và GV đã chuẩn bị cho các nhóm.

Bước 2: Hoạt động nhóm

Từng thành viên trong nhóm thi gọi tên các bộ phận của cây dựa vào tranh ảnh hoặc vật thật mà GV và HS đã chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm nhận xét, bổ sung.

Bước 3: Hoạt động cả lớp

– GV chọn hai nhóm một trình bày trước lớp, các nhóm khác nhận xét, đánh giá,... cứ như vậy để tìm ra nhóm tốt nhất.

– Nếu còn thời gian, GV có thể sử dụng phương án cho HS thi tìm các bài hát, câu thơ có nhắc đến tên các bộ phận của cây.

Bước 4: Củng cố

– HS nêu ngắn gọn: Sau phần học này, em rút ra được điều gì? (Gợi ý: Hầu hết cây xanh đều có thân, rễ, lá, hoa, quả.)

– GV yêu cầu HS tiếp tục tìm hiểu về các bộ phận của cây có ở xung quanh nhà, trường và địa phương hoặc qua sách báo, Internet và chia sẻ với các bạn trong nhóm/lớp, khuyến khích HS có thể nhờ sự trợ giúp của người thân.

ĐÁNH GIÁ

GV có thể sử dụng câu 2 của Bài 10 (VBT) để đánh giá nhanh kết quả của HS.

3. Lợi ích của cây

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 5: Tìm hiểu lợi ích của cây đối với con người và động vật

*** Mục tiêu**

- Nêu được một số lợi ích của một số cây đối với con người và động vật.
- Có tình yêu và ý thức bảo vệ cây xanh.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Tổ chức làm việc theo cặp

- Yêu cầu HS quan sát các hình trang 71 (SGK).
- GV hướng dẫn từng cặp HS giới thiệu cho nhau nghe về lợi ích của cây đối với đời sống con người và động vật qua các hình trong SGK. GV cần gợi mở để khai thác sự hiểu biết của các em, một hình mô tả được nhiều lợi ích của thực vật trong đời sống.

Gợi ý:

- + Các cây trong hình 1, 2, 3: Là thức ăn của người và động vật.
- + Các cây trong hình 4: Dùng trang trí nhà cửa, làm đẹp nơi công cộng,...
- + Cây trong hình 5: Là nơi ở của một số động vật, cho bóng mát, sản xuất ra đồ dùng hằng ngày cho con người.
- HS tóm tắt lợi ích của cây vào bảng hoặc giấy A2 hoặc bằng sơ đồ, hình vẽ (khuyến khích cao nhất khả năng của tất cả HS trong lớp học).

Bước 2: Tổ chức làm việc nhóm

- Từng cặp chia sẻ với các bạn trong nhóm sản phẩm của cặp mình.
- Các nhóm HS treo sản phẩm trên bảng và chia sẻ trước lớp (nếu có thời gian).

Bước 3: Tổ chức làm việc cả lớp

Chọn đại diện của nhóm lên giới thiệu sản phẩm của nhóm về lợi ích của cây. Cử một số HS đặt câu hỏi và nhận xét phần giới thiệu của các bạn.

Hoạt động 6: Trò chơi “Tìm hiểu về lợi ích của cây”

*** Mục tiêu**

- Khắc sâu kiến thức về những lợi ích của cây.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ qua các bài hát, bài thơ mà HS đã học ở trường mầm non, nhằm tích hợp các môn học như Tiếng Việt, Âm nhạc vào môn học Tự nhiên và Xã hội.
- Khuyến khích HS sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... bước đầu phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Chia nhóm

GV chia lớp thành nhóm, mỗi nhóm 5 – 6 HS. Chia bộ ảnh hoặc các cây mà HS và GV đã chuẩn bị cho các nhóm.

Bước 2: Hoạt động nhóm

Từng thành viên trong nhóm thi gọi tên một số cây có trong tranh ảnh hoặc vật thật và nêu lợi ích của chúng.

Bước 3: Hoạt động cả lớp

- GV lần lượt cho hai nhóm thi với nhau, các nhóm khác nhận xét, đánh giá,... cứ như vậy để tìm ra nhóm tốt nhất.
- Nếu còn thời gian, GV có thể sử dụng phương án cho HS thi tìm các bài hát, câu thơ, câu chuyện về lợi ích của cây và các bộ phận bên ngoài của cây.

Bước 4: Củng cố

- HS trả lời câu hỏi: Sau hoạt động này, em đã học được gì? (Gợi ý: Cây xanh có ích đối với đời sống con người và động vật,...)
- Yêu cầu HS tiếp tục tìm hiểu về lợi ích của cây có ở xung quanh nhà, trường và địa phương hoặc qua sách báo, internet và chia sẻ với các bạn trong nhóm/lớp. Em có thể nhờ sự trợ giúp của người thân.

Hoạt động 7: Phân biệt cây rau, cây hoa, cây ăn quả và cây bóng mát

*** Mục tiêu**

- HS nêu và phân biệt được một số cây theo nhu cầu của con người: cây bóng mát, cây ăn quả, cây hoa,...

– HS có khả năng quan sát, tìm hiểu và quan tâm đến thực vật có ở địa phương và xung quanh các em.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Hướng dẫn HS quan sát hình

Tổ chức hoạt động quan sát hình trang 72, 73 (SGK).

Bước 2: Tổ chức làm việc theo cặp

– Yêu cầu HS quan sát hình trong SGK trang 72, 73.

– GV hướng dẫn từng cặp HS giới thiệu cho nhau cây nào là cây rau, cây cho bóng mát, cây cho hoa và cây cho quả.

Gợi ý:

+ *Cây rau* (hình 1, 2, 3, 7): cà rốt, súp lơ, mùng tơi, bầu.

+ *Cây ăn quả* (hình 4, 5, 9): cây đào (hoa để ngắm vào dịp Tết, khi ra quả để ăn), cây thanh long, cây bưởi.

+ *Cây cho bóng mát* (hình 6): cây bàng.

+ *Cây cho hoa làm trang trí* (hình 4, 10): cây hoa đào, cây hoa mai.

Ngoài ra, còn khá nhiều loại cây như cây lương thực: cây lúa, cây ngô,...; cây làm thuốc;... (GV yêu cầu HS kể thêm).

– HS ghi vào bảng phụ hoặc giấy A2 về các nhóm cây vừa học.

Bước 3: Tổ chức làm việc nhóm

– Từng cặp chia sẻ với các bạn trong nhóm sản phẩm của cặp mình.

– Các nhóm HS treo sản phẩm trên bảng và chia sẻ trước lớp (nếu có thời gian).

Bước 4: Tổ chức làm việc cả lớp

Cử đại diện của nhóm giới thiệu sản phẩm của nhóm về các loại cây: cây rau, cây hoa, cây ăn quả,... Cử một số HS đặt câu hỏi và nhận xét phần giới thiệu của các bạn.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 8: Tìm hiểu về một số loại cây cho: rau, hoa, quả, bóng mát;
Trò chơi “Tôi là cây gì?”

*** Mục tiêu**

– Phân biệt và khắc sâu được một số loại cây cho rau, hoa, quả, bóng mát.

– Phát triển năng lực ngôn ngữ, thuyết trình.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Chia nhóm

GV chia lớp thành nhóm, mỗi nhóm có nhiều cặp HS.

Bước 2: Hoạt động cặp

Lần lượt từng cặp một đóng vai như ví dụ đã mô tả trong SGK trang 73. Một bạn mô tả về cây, vai trò của cây đó, bạn kia trả lời,... cứ như vậy lần lượt với từng cặp còn lại và có thể đổi vai cho nhau.

Bước 3: Hoạt động cả lớp

GV chọn mỗi nhóm một cặp điển hình, có nhiều ý tưởng sáng tạo lên trình bày trước lớp, các bạn khác nhận xét, đánh giá và bổ sung,... Tuỳ sự sáng tạo và điều kiện mà GV có thể có những cách khen thưởng thích hợp cho HS.

Bước 4: Củng cố

– HS trả lời câu hỏi: Sau bài học này, em đã học được điều gì?

– Yêu cầu HS tiếp tục tìm hiểu về các loại cây rau, cây hoa, cây ăn quả, cây cho bóng mát và một số loài cây làm thuốc, cây lương thực có ở xung quanh nhà, trường học và địa phương hoặc qua sách báo, Internet và chia sẻ với các bạn trong nhóm/lớp. Em có thể nhờ sự trợ giúp của người thân.

Lưu ý:

– GV củng cố, khai thác HS có thể nêu được nhiều tên và lợi ích của cây xanh, nhằm khắc sâu bài học ở Hoạt động 1 và mở rộng vốn hiểu biết của HS.

– Phân biệt một số loại cây: cây rau, cây hoa, cây ăn quả, cây cho bóng mát,... GV có thể mở rộng hơn: ngoài các cây đã nêu trên còn có cây làm thuốc, cây lương thực,... Khuyến khích HS tìm hiểu thêm về các cây có ở địa phương nơi em sống.

IV. ĐÁNH GIÁ

GV có thể sử dụng câu 4, 5 của Bài 10 (VBT) để đánh giá nhanh kết quả học tập của HS.

PHỤ LỤC

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết Hoạt động 4.

Tiết 3: Từ Hoạt động 5 đến hết bài.

Bài 11. CÁC CON VẬT QUANH EM

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

Nêu được tên một số con vật và bộ phận của chúng.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Đặt được câu hỏi để tìm hiểu một số đặc điểm bên ngoài nổi bật của động vật.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

– Phân biệt được một số con vật theo lợi ích hoặc tác hại của chúng đối với con người.

– Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về các đặc điểm của con vật.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình ảnh trong SGK.
- Hình ảnh các con vật điển hình có ở địa phương do GV và HS chuẩn bị.
- Hình ảnh các con vật đang di chuyển.
- Bài hát, bài thơ, câu chuyện về các con vật.
- Bảng phụ/giấy A4, giấy A2.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

Hoạt động chung cả lớp:

– HS nghe nhạc và hát theo lời bài hát có nội dung về một số con vật quen thuộc đã học ở trường mầm non như: *Chú voi con ở bản Đôn; Đàn vịt con; Gà trống, mèo con và cún con,...*

– HS trả lời câu hỏi của GV để khai thác nội dung bài hát như:

+ Bài hát nhắc đến những gì?

+ Những từ nào nói về các con vật?

+ ...

GV dẫn dắt bài học: Bài hát nói đến các con vật: ... (GV chọn bài hát nào thì giải thích, dẫn dắt theo nội dung của bài hát đó). Chúng ta sẽ tìm hiểu các con vật quanh em qua Bài 11.

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

1. Nhận biết một số con vật

Hoạt động 1: Nhận biết một số con vật

* Mục tiêu

- Gọi tên một số con vật.
- Biết đặt câu hỏi về tên một số con vật và chiều cao, màu sắc của chúng.
- So sánh về chiều cao, độ lớn của một số con vật với nhau.

* Cách tiến hành

Bước 1: Hướng dẫn HS quan sát hình và đặt câu hỏi

- Hướng dẫn HS cách quan sát các hình trang 74, 75 (SGK).
- Hỏi: Trong hình này có những con vật nào?

Gợi ý:

+ Kể tên các con vật có trong hình. Chúng có những màu gì? GV lưu ý: HS không nhất thiết phải kể được hết và đúng tên các con vật có trong hình, GV gợi ý, hướng dẫn để HS biết và chia sẻ cùng các bạn trong nhóm.

+ So sánh các con vật có trong hình: Con nào to, cao; con nào nhỏ, thấp? Vì sao em biết?

Bước 2: Tổ chức làm việc theo cặp

– GV hướng dẫn từng cặp HS giới thiệu cho nhau nghe về các con vật có trong SGK và bộ hình ảnh mà GV và HS đã chuẩn bị: tên con vật, chiều cao, kích thước của các con vật có trong hình/bộ tranh ảnh (nếu có),...

– Một HS đặt câu hỏi, HS kia trả lời (tùy trình độ HS, GV hướng dẫn HS đặt được câu hỏi), gợi ý như sau:

+ Con này là con gì? Nó có đặc điểm gì?

+ Nó cao hay thấp? Nó có màu gì? ...

– Nhà bạn hoặc trường hoặc hàng xóm/địa phương bạn thường nuôi những con gì? Hãy ghi vào hoặc vẽ vào bảng phụ/giấy A4.

Bước 3: Tổ chức làm việc nhóm

– Mỗi HS chia sẻ với các bạn trong nhóm bảng tên các con vật và tranh vẽ vừa hoàn thành.

– Các nhóm HS treo sản phẩm trên bảng và chia sẻ trước lớp (nếu có thời gian).

Bước 4: Tổ chức làm việc cả lớp

Cử đại diện trong nhóm giới thiệu về tên một số các con vật của nhóm. Các HS còn lại sẽ đặt câu hỏi và nhận xét phần giới thiệu của các bạn.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Thi gọi tên một số con vật

*** Mục tiêu**

– Khắc sâu, mở rộng vốn từ và hiểu biết về các con vật.

– Phát triển năng lực ngôn ngữ qua các bài hát, bài thơ mà HS đã học ở trường mầm non, nhằm tích hợp các môn học như Tiếng Việt, Âm nhạc vào môn học Tự nhiên và Xã hội.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Chia nhóm

GV chia lớp thành nhóm, mỗi nhóm 5 – 6 HS. Chia bộ ảnh mà HS và GV đã chuẩn bị cho các nhóm.

Bước 2: Hoạt động nhóm

Từng thành viên trong nhóm thi gọi tên các con vật qua tranh ảnh, bạn nào nói nhanh và đúng nhiều nhất sẽ là người thắng cuộc.

Bước 3: Hoạt động cả lớp

– GV chọn lần lượt hai nhóm một trình bày trước lớp, các nhóm khác nhận xét, đánh giá,... cứ như vậy để tìm ra nhóm tốt nhất.

– Nếu còn thời gian, GV có thể sử dụng phương án cho HS thi tìm các bài hát, câu thơ có nhắc đến tên các con vật bằng cách tổ chức một trò chơi nhỏ: Thi tìm tên các con vật qua các bài hát, bài thơ hoặc câu chuyện và chọn nhóm tốt nhất trình bày trước lớp. Hoạt động này nhằm khắc sâu tên các con vật mà HS đã học được và phát huy năng lực ngôn ngữ qua các bài thơ, bài hát của HS đã được học ở lớp mẫu giáo. Ngoài ra, hoạt động này nhằm tích hợp với các môn học như Tiếng Việt, Âm nhạc và phát huy trí tuệ ngôn ngữ, âm nhạc của HS.

Bước 4: Cùng cố

– HS trả lời câu hỏi: Sau phần học này, em rút ra được điều gì? (Gợi ý: Trong tự nhiên, có rất nhiều loài vật, có những con vật rất cao và to như: con voi, con hươu cao cổ,...; có những con vật lại rất nhỏ như con kiến,...).

– Yêu cầu HS về nhà tiếp tục tìm hiểu thêm các con vật có xung quanh nhà, khu vực nơi em sống và vườn trường. Ghi chép và chia sẻ với các bạn ở buổi học sau.

Lưu ý:

Nhằm phát huy năng lực đặt câu hỏi cho HS, GV cần khuyến khích sự sáng tạo của HS, khuyến khích HS càng đặt được nhiều câu hỏi xung quanh các con vật có trong hình càng tốt. HS có thể đặt câu hỏi và quan sát tranh không nhất thiết phải theo những gợi ý trên.

ĐÁNH GIÁ

GV có thể sử dụng câu 1 và câu 3 của Bài 11 (VBT) để đánh giá nhanh kết quả học tập của HS.

2. Một số bộ phận bên ngoài của con vật

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 3: Nhận biết một số bộ phận bên ngoài của các con vật

*** Mục tiêu**

– Quan sát và nhận biết được một số bộ phận bên ngoài của một số con vật: đầu, mình và cơ quan di chuyển.

– Đặt câu hỏi và trả lời về các bộ phận bên ngoài của một số con vật thông qua quan sát.

– Giới thiệu được các bộ phận bên ngoài của một số con vật với các bạn trong nhóm/lớp.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Hướng dẫn HS quan sát hình và đặt câu hỏi

Cho HS quan sát các hình trong SGK trang 76, 77 và trả lời câu hỏi: Các con vật thường có những bộ phận bên ngoài nào?

Bước 2: Tổ chức làm việc theo cặp

– Yêu cầu HS quan sát kĩ các hình trong SGK trang 76, 77 và chỉ ra được các bộ phận bên ngoài của các con vật có trong hình.

– GV hướng dẫn từng cặp HS giới thiệu cho nhau nghe về các bộ phận bên ngoài của các con vật trong SGK và hình HS đã chuẩn bị mang tới lớp.

– Một HS đặt câu hỏi, HS kia trả lời (tùy trình độ HS, GV hướng dẫn HS đặt được câu hỏi), gợi ý như sau: Con này là con gì, gồm những bộ phận nào? (Hầu hết các con vật đều có: đầu, mình và cơ quan di chuyển). Nó di chuyển bằng gì?

– HS sau khi thảo luận, vẽ một con vật có đầy đủ bộ phận mà HS yêu thích vào bảng phụ/giấy A2.

Bước 3: Tổ chức làm việc nhóm

– Mỗi HS chia sẻ với các bạn trong nhóm sản phẩm của nhóm mình vừa hoàn thành.

– Các nhóm HS treo sản phẩm trên bảng và chia sẻ trước lớp.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 4: Trò chơi “Cách di chuyển của các con vật”

*** Mục tiêu**

Khắc sâu kiến thức về các bộ phận bên ngoài của các con vật và việc sử dụng các bộ phận để di chuyển.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Chia nhóm

GV chia lớp thành nhóm, mỗi nhóm 5 – 6 HS. Phát bộ tranh/ảnh cho các nhóm.

Bước 2: Hoạt động nhóm

Nhóm trưởng hô cách di chuyển của từng con vật, từng thành viên trong nhóm thể hiện theo cách di chuyển của con vật đó. Nhóm trưởng chọn ra bạn có cách di chuyển giống con vật vừa hô nhất. Cứ như vậy tiếp tục đối với các con vật khác.

Bước 3: Hoạt động cả lớp

– Mỗi nhóm cử đại diện của nhóm mình lên thi với các nhóm khác.

GV có thể cho các nhóm bốc thăm các con vật và thi xem nhóm nào thể hiện tốt và sáng tạo nhất.

Nếu còn thời gian thì tổ chức thi “Tìm hiểu về các bộ phận bên ngoài của các con vật”.

Phương án 1: Thi trò chơi ghép chữ bằng các thẻ từ: đầu, mình và cơ quan di chuyển (chân, vây, cánh,...).

Phương án 2: Thi tìm các câu thơ, bài hát về các bộ phận bên ngoài của các con vật.

Hoạt động này nhằm khắc sâu những tên các bộ phận bên ngoài của các con vật mà HS đã học được và phát huy năng lực ngôn ngữ qua các bài thơ, bài hát của HS đã được học ở lớp mẫu giáo. Ngoài ra, hoạt động này nhằm tích hợp với các môn học như Tiếng Việt, Âm nhạc và phát huy trí tuệ ngôn ngữ và âm nhạc của HS.

Bước 4: Cùng cố

– HS trả lời câu hỏi: Sau hoạt động này, em rút ra được điều gì? (*Gợi ý:* Các con vật đều có ba bộ phận chính là đầu, mình và cơ quan di chuyển). Theo em, con vật khác với cây xanh ở điểm nào?

– Yêu cầu HS tiếp tục tìm hiểu về các bộ phận của các con vật khác có ở xung quanh nhà, trường và địa phương hoặc qua sách báo, Internet và chia sẻ với các bạn trong nhóm/lớp. Em có thể nhờ sự trợ giúp của người thân.

ĐÁNH GIÁ

GV có thể sử dụng câu 2 của Bài 11 (VBT) để đánh giá nhanh kết quả học tập của HS.

3. Lợi ích và tác hại của con vật đối với con người

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 5: Tìm hiểu lợi ích của một số con vật đối với con người và động vật

*** Mục tiêu**

- Nêu được một số lợi ích và tác hại của một số con vật đối với con người.
- Có tình yêu và ý thức bảo vệ loài vật.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Tổ chức làm việc theo cặp

- Yêu cầu HS quan sát các hình trang 78, 79 (SGK).
- GV hướng dẫn từng cặp HS giới thiệu cho nhau nghe về lợi ích hoặc tác hại của các con vật đối với đời sống con người có trong các hình ở SGK.

Lưu ý: GV cần khuyến khích HS khai thác được càng nhiều lợi ích hoặc tác hại càng tốt, phát huy sự hiểu biết và sáng tạo của HS và có thể gợi ý HS cách phòng tránh, tiêu diệt một số loài vật có hại. Dưới đây là một số gợi ý các hình ở trang 78, 79 (SGK).

+ *Hình 1:* Con gà cung cấp trứng, thịt cho con người. Trứng gà được chế biến ra nhiều món ăn ngon, bổ dưỡng như: trứng ốp-lết, ca-ra-men,...

+ *Hình 2:* Con bò cung cấp sữa, pho-mat, thịt,...

+ *Hình 3:* Con mèo bắt chuột, làm bạn thân thiết của con người,...

+ *Hình 4:* Con chuột mang nhiều mầm bệnh gây truyền nhiễm như dịch hạch. Ngoài ra, do có hai răng nanh luôn mọc dài ra nên chuột hay cắn các đồ vật, đặc biệt là cắn dây điện có thể gây điện giật, hoả hoạn có thể gây chết người.

+ *Hình 5:* Ngoài cung cấp sữa, ở các vùng miền núi và nông thôn, bò còn dùng để chuyên chở hàng hoá, kéo cày, kéo bừa.

+ *Hình 6:* Con ong giúp thụ phấn cho cây, tiêu diệt một số loài sâu bệnh cho cây trồng; hút mật hoa làm mật, mật ong rất bổ dưỡng cho sức khỏe con người. Tuy nhiên, nếu để ong đốt thì sẽ rất đau, buốt.

+ *Hình 7:* Con ruồi đậu vào phế thải, ăn thức ăn của người. Vì vậy, ruồi là nguyên nhân mang và phát tán nhiều mầm bệnh khác nhau như tiêu chảy, nhiễm trùng da và mắt,...

+ *Hình 8:* Con gián sống ở những nơi ẩm thấp, bẩn thỉu, ăn các chất thải và khi chúng bò vào thức ăn, tủ bát,... chúng sẽ là vật trung gian truyền bệnh cho con người như tiêu chảy, kiết lỵ,...

+ *Hình 9:* Con chim sâu hay còn gọi là chim chích bông rất nhỏ bé nhưng là trợ thủ đắc lực bắt sâu giúp các bác nông dân. Ngoài ra, chim sâu còn có tiếng hót rất hay.

+ *Hình 10:* Con muỗi hút máu người gây ngứa ngáy, khó chịu. Đặc biệt muỗi Anophen truyền bệnh sốt rét rất nguy hiểm đối với con người.

– GV tổ chức chia nhóm, một nhóm tóm tắt vào bảng hoặc giấy A2 về lợi ích của các con vật bằng sơ đồ hoặc vẽ hình,... Tương tự, nhóm khác tóm tắt về tác hại của các con vật.

Bước 2: Tổ chức làm việc nhóm

– Từng cặp chia sẻ với các bạn trong nhóm sản phẩm của cặp mình.

– Các nhóm HS treo sản phẩm trên bảng và chia sẻ trước lớp (nếu có thời gian).

Bước 3: Tổ chức làm việc cả lớp

– Cử đại diện HS giới thiệu về sản phẩm của nhóm về lợi ích hoặc tác hại của các con vật đối với con người. Cử một số HS đặt câu hỏi và nhận xét phần giới thiệu của các bạn.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Trò chơi “Đó là con gì?”

* Mục tiêu

- Phân biệt được một số con vật có ích và con vật có hại.
- Phát triển ngôn ngữ, thuyết trình.

* Cách tiến hành

Bước 1: Chia nhóm và hoạt động theo nhóm

GV chia lớp thành nhóm, mỗi nhóm 4 – 6 HS.

– Một bạn được chọn đặt câu hỏi về đặc điểm của con vật (ví dụ: Con vật di chuyển bằng gì? Lợi ích hoặc tác hại của nó?).

– Các bạn trong nhóm dựa vào hình đang có để trả lời.

Cuối cùng, dựa trên các đặc điểm của con vật, bạn được chọn sẽ nêu tên con vật đó. Cứ như vậy, lần lượt từng bạn lên đặt câu hỏi và các bạn khác trả lời.

Bước 2: Hoạt động cả lớp

GV chọn mỗi nhóm một cặp điển hình, có nhiều ý tưởng sáng tạo lên trình bày trước lớp, các bạn khác nhận xét, đánh giá và bổ sung. Tùy sự sáng tạo và điều kiện mà GV có thể có những cách khen thưởng thích hợp cho HS.

Bước 3: Cùng cố

– HS trả lời câu hỏi: Sau hoạt động này, em đã học được gì?

Gợi ý: Con vật cung cấp thức ăn, vận chuyển hàng hoá, kéo cày, kéo bừa, trồng nhà,... cho con người. Có loài vật có thể gây hại cho con người: làm vật trung gian truyền bệnh như: muỗi có thể truyền bệnh sốt xuất huyết,...

– Yêu cầu HS tiếp tục tìm hiểu về lợi ích và tác hại của một số loài vật có ở xung quanh nhà ở, trường và địa phương hoặc qua sách báo, Internet và chia sẻ với các bạn trong nhóm/lớp. Em có thể nhờ sự trợ giúp của người thân.

IV. ĐÁNH GIÁ

GV có thể sử dụng câu 4, câu 5 của Bài 11 (VBT) để đánh giá nhanh kết quả học tập của HS.

PHỤ LỤC

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết Hoạt động 4.

Tiết 3: Từ Hoạt động 5 đến hết bài.

Bài 12. CHĂM SÓC, BẢO VỆ CÂY TRỒNG VÀ VẬT NUÔI

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Nêu và thực hiện được một số việc phù hợp để chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi.
- Nêu được tình huống an toàn hoặc không an toàn khi tiếp xúc với một số cây và con vật.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về hành động có thể gây mất an toàn khi tiếp xúc với một số cây và con vật.

** Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

- Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây và các con vật.
- Có ý thức giữ an toàn khi tiếp xúc với một số cây và con vật.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình ảnh trong SGK.
- Phiếu bài tập.
- Bảng phụ/giấy A4.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

- Kiểm tra bài cũ: Kể tên các cây, con vật xung quanh em.
- Liên hệ vào bài học mới “Chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi”.

1. Chăm sóc và bảo vệ cây trồng

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu hoạt động chăm sóc và bảo vệ cây trồng

** Mục tiêu:* Biết chăm sóc cây trồng và có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Tổ chức làm việc theo cặp

- Yêu cầu HS quan sát hình trang 80, 81 (SGK).
- GV hướng dẫn từng cặp HS mô tả ý nghĩa các hình trong SGK.
- HS tóm tắt vào bảng hoặc giấy A4 về những việc cần làm để chăm sóc cây bằng sơ đồ hoặc hình vẽ. GV khuyến khích HS thể hiện những năng lực mà HS có thể thể hiện.

Bước 2: Tổ chức làm việc nhóm

- Từng cặp chia sẻ với các bạn trong nhóm sản phẩm của cặp mình.

Bước 3: Tổ chức làm việc cả lớp

- Các nhóm HS treo sản phẩm trên bảng.
- Cử đại diện trong mỗi nhóm giới thiệu về sản phẩm của nhóm về việc cần làm để chăm sóc cây trồng. Một số HS đặt câu hỏi và nhận xét phần giới thiệu của các bạn.

Bước 4: Củng cố

- HS trả lời câu hỏi: Sau hoạt động này, em đã học được điều gì?
- GV nhắc nhở HS cần thực hiện việc chăm sóc và bảo vệ cây ở nhà và ở nơi cộng đồng. Cần thực hiện trồng nhiều cây để giữ môi trường xung quanh thêm xanh, sạch, đẹp.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Đóng vai, xử lý tình huống

*** Mục tiêu:** HS có ý thức bảo vệ cây trồng nơi công cộng.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Tổ chức làm việc nhóm

GV tổ chức từng nhóm đóng vai, xử lý tình huống như gợi ý trang 81 (SGK), khuyến khích HS xây dựng thêm kịch bản.

Bước 2: Tổ chức làm việc cả lớp

- Từng nhóm bốc thăm lên đóng vai thể hiện tình huống mà nhóm vừa thực hiện dựa trên tình huống trong SGK và nhóm bổ sung.
- Một số HS của nhóm khác đặt câu hỏi và nhận xét nhóm bạn.

Bước 3: Củng cố

- HS trả lời câu hỏi: Sau tình huống này, em đã rút ra được điều gì?

– GV nhắc lại: Chúng ta không nên ngắt hoa, bẻ cành nơi công cộng; cần nhắc nhở, ngăn chặn những ai định ngắt hoa, bẻ cành, giẫm lên cây cỏ,...

– GV nhắc nhở HS cần thực hiện việc chăm sóc, bảo vệ cây ở nhà và ở nơi công cộng. Cần thực hiện trồng nhiều cây để giữ môi trường xung quanh thêm xanh, sạch, đẹp.

ĐÁNH GIÁ

GV có thể sử dụng câu 1 của Bài 12 (VBT) để đánh giá nhanh kết quả học tập của HS.

2. Chăm sóc và bảo vệ vật nuôi

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 3: Tìm hiểu hoạt động chăm sóc và bảo vệ vật nuôi

* Mục tiêu: Biết chăm sóc một số vật nuôi và có ý thức chăm sóc, bảo vệ vật nuôi.

* Cách tiến hành

Bước 1: Hướng dẫn HS quan sát tranh và đặt câu hỏi

GV hướng dẫn HS khai thác các hình trang 82 (SGK): Các bạn trong hình đang làm gì? (cho gà ăn, cho bò ăn, cho chó đi tiêm phòng, cùng người lớn che ầm cho gia súc,...). Theo em, những việc làm này có tác dụng gì đối với các con vật?

Bước 2: Tổ chức làm việc theo cặp

- Yêu cầu HS quan sát hình trong SGK trang 82.
- GV hướng dẫn từng cặp HS mô tả ý nghĩa các hình trong SGK.
- HS tóm tắt vào bảng hoặc giấy A4 về những việc cần làm để chăm sóc các con vật bằng sơ đồ hoặc hình vẽ. GV khuyến khích HS thể hiện những năng lực mà HS có thể thể hiện.

Bước 3: Tổ chức làm việc nhóm

- Từng cặp chia sẻ với các bạn trong nhóm sản phẩm của cặp mình.
- Các nhóm HS treo sản phẩm trên bảng và chia sẻ trước lớp (nếu có thời gian).

Bước 4: Tổ chức làm việc cả lớp

Đại diện HS giới thiệu sản phẩm của nhóm về việc cần làm để chăm sóc các vật nuôi. Yêu cầu một số HS đặt câu hỏi và nhận xét phần giới thiệu của các bạn.

Bước 5: Củng cố

- HS trả lời câu hỏi: Sau hoạt động này, em đã học được điều gì?

– GV nhắc nhở HS cần thực hiện việc chăm sóc, bảo vệ vật nuôi ở nhà và ở nơi cộng đồng.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 4: Đóng vai, xử lý tình huống

* Mục tiêu: HS có ý thức bảo vệ động vật, đặc biệt là động vật hoang dã.

* Cách tiến hành

Bước 1: Tổ chức làm việc nhóm

GV tổ chức từng nhóm đóng vai, xử lý tình huống như gợi ý trong SGK, khuyến khích HS xây dựng thêm kịch bản.

Bước 2: Tổ chức làm việc cả lớp

– Từng nhóm bốc thăm lên đóng kịch thể hiện tình huống mà nhóm vừa thực hiện dựa trên tình huống trong SGK và nhóm bổ sung.

– Một số HS của nhóm khác đặt câu hỏi và nhận xét nhóm bạn.

Bước 3: Cùng cố

– HS trả lời câu hỏi: Sau tình huống này, em đã rút ra được điều gì?

– GV nhắc lại: Không đánh đập chó, mèo và vật nuôi, có thể bị chúng cắn lại. Chúng ta không nên ăn thịt thú rừng, không nuôi giữ những con vật hoang dã; cần thả động vật hoang dã về với môi trường sống tự nhiên của chúng.

– GV nhắc nhở HS cần thực hiện việc chăm sóc, bảo vệ vật nuôi ở nhà và ở nơi cộng đồng.

ĐÁNH GIÁ

GV có thể sử dụng câu 3 của Bài 12 (VBT) để đánh giá nhanh kết quả học tập của HS.

3. Một số cây và con vật có thể không an toàn khi tiếp xúc

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 5: Nhận biết một số cây và con vật có thể không an toàn khi tiếp xúc

* Mục tiêu

Nêu được một số cây và con vật có thể không an toàn khi tiếp xúc.

* Cách tiến hành

Bước 1: Tổ chức làm việc theo cặp

– GV hướng dẫn từng cặp HS thay nhau hỏi và trả lời. Cứ như vậy trao đổi cho đến hết 6 hình trong SGK.

Bước 2: Tổ chức làm việc nhóm

– Từng HS chia sẻ thêm với các bạn trong nhóm về một số cây và con vật khác có ở địa phương có thể không an toàn khi tiếp xúc.

– Mỗi nhóm hoàn thành sơ đồ tên hoặc hình vẽ một số cây, con vật có thể không an toàn khi tiếp xúc. GV có thể hướng dẫn HS cách trình bày hoặc các em tự sáng tạo theo sáng kiến của từng nhóm.

Bước 3: Tổ chức làm việc cả lớp

Cử HS đại diện nhóm lên giới thiệu sản phẩm của nhóm. Các HS còn lại sẽ đặt câu hỏi và nhận xét phần giới thiệu của các bạn.

Gợi ý:

– *Hình 2:* Gai xương rồng đâm vào tay có thể gây viêm nhiễm, mưng mủ; mủ cây xương rồng có thể làm phỏng rộp da và niêm mạc mắt.

– *Hình 4:* Con chó không đeo rọ mõm: Sẽ rất nguy hiểm khi để chó chạy ngoài đường mà không đeo rọ mõm, chó có thể cắn người và truyền bệnh dại,... Đã có rất nhiều trường hợp trẻ em bị chó cắn chết.

– *Hình 5:* Sâu róm có màu sắc sặc sỡ, có gai và lông dễ nguy trang và tự vệ. Khi bị chạm vào, chúng xù lên những chùm lông hoặc gai để tấn công. Gai sâu có dạng đầu nhọn hoặc phân nhánh, có thể gây độc trực tiếp hoặc nối với hạch chứa nọc độc ở chân. Những cái lông chích của sâu róm trông giống như sợi thủy tinh có thể tự gãy rời khỏi thân sâu, bám trên da người và gây triệu chứng ngộ độc. Lông sâu trên da không bị thoái biến đi mà mắc lại suốt cả năm sau khi bị ngộ độc, gây ra những cơn đau bất chợt trong suốt thời gian này, đặc biệt nguy hiểm khi ở mắt.

– *Hình 6:* Con rắn có nọc rất độc, khi cắn có thể gây chết người.

Bước 4: Củng cố

– GV nhắc nhở HS:

+ Cần cẩn trọng khi tiếp xúc với một số cây và con vật.

+ Không ngắt hoa, bẻ cành cây vừa giữ vẻ đẹp của cây vừa tránh tiếp xúc với gai và nhựa của cây, có thể gây bỏng, phỏng rộp,...

+ Khi không may bị gai đâm, nhựa cây dính vào da, mắt; các con vật cắn,... cần rửa sạch vết thương bằng nước sạch, đồng thời nói ngay với bạn bè, người thân cùng trợ giúp.

– Yêu cầu HS về nhà tiếp tục tìm hiểu thêm các cây, con vật có xung quanh nhà, khu vực nơi em sống và vườn trường có thể gây nguy hiểm, không an toàn khi tiếp xúc. Ghi chép và chia sẻ với các bạn ở buổi học sau.

4. Một số việc làm an toàn hoặc không an toàn khi tiếp xúc với một số cây và con vật

Hoạt động 6: Tìm hiểu một số việc làm an toàn hoặc không an toàn khi tiếp xúc với một số cây và con vật

*** Mục tiêu**

Nhận biết được một số hành động có thể không an toàn khi tiếp xúc với một số cây và con vật.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Tổ chức làm việc theo cặp

GV hướng dẫn từng cặp HS mô tả ý nghĩa của các hình trang 85 (SGK) và trao đổi với bạn những hành động nào là an toàn? Vì sao? Những hành động nào là không an toàn? Vì sao?

Bước 2: Tổ chức làm việc nhóm

– Từng HS chia sẻ thêm một số hành động khác hay xảy ra đối với các em và ở địa phương gây mất an toàn khi tiếp xúc với cây cối và con vật.

– GV hướng dẫn mỗi nhóm làm một bảng cảnh báo về những việc làm không an toàn khi tiếp xúc với một số cây và con vật.

Bước 3: Tổ chức làm việc cả lớp

– Đại diện nhóm lên giới thiệu sản phẩm của nhóm. Các HS còn lại sẽ đặt câu hỏi và nhận xét phần giới thiệu của các bạn.

– GV hỏi một số câu hỏi và giải thích thêm cho HS các câu hỏi sau:

+ Vì sao không nên kéo đuôi chó, mèo? (Vì: có thể bị chó, mèo cào hoặc cắn lại gây tổn thương da. Chó và mèo có thể gây bệnh dại, khi bị cắn cần phải theo dõi và phải đi tiêm phòng dại,...)

+ Vì sao không nên đùa nghịch gần, đặc biệt là phía trước đầu trâu, bò?

+ Vì sao không nên chọc vào các tổ ong, tổ kiến?

+ ...

Bước 4: Củng cố

– HS trả lời câu hỏi: Sau hoạt động này, em rút ra được điều gì?

– GV nhắc nhở HS:

+ Khi tiếp xúc với một số cây và con vật, chúng ta cần cẩn thận để tránh xảy ra những tổn thương đáng tiếc cho cơ thể và những người xung quanh. Chúng ta cần báo cho người thân và bạn bè giúp đỡ nếu bị thương khi tiếp xúc với cây hay con vật.

+ Đối với HS ở vùng nông thôn, miền núi, cần nhắc nhở thêm việc không chọc các tổ ong, tổ kiến,...; không chơi đùa trước các con vật như trâu, bò,... để tránh bị húc có thể gây bị thương hay chết người.

– Yêu cầu HS về nhà tiếp tục tìm hiểu thêm các cây và con vật có xung quanh nhà, khu vực nơi em sống và vườn trường có thể gây mất an toàn. Nêu những biện pháp cần phòng tránh khi tiếp xúc và chia sẻ với các bạn ở buổi học sau.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 7: Xử lý tình huống: Một số việc làm an toàn hoặc không an toàn khi tiếp xúc với một số cây và con vật

Bước 1: Tổ chức làm việc nhóm

GV tổ chức từng nhóm đóng vai, xử lý tình huống như gợi ý trong SGK, khuyến khích HS xây dựng thêm kịch bản.

Bước 2: Tổ chức làm việc cả lớp

– Từng nhóm bốc thăm lên đóng kịch thể hiện tình huống mà nhóm vừa thực hiện dựa trên tình huống trong SGK và nhóm bổ sung.

– Cử một số HS của nhóm khác đặt câu hỏi và nhận xét nhóm bạn.

Bước 3: Củng cố

– HS trả lời câu hỏi: Sau tình huống này, em đã rút ra được điều gì?

– GV nhắc lại: Chúng ta không tự ý ngắt hoa, bẻ lá và ăn những quả lạ mọc ở bên đường hay trong rừng. Khi không may bị thương do cây cối hoặc con vật gây ra cần rửa sạch vết thương bằng nước sạch và báo ngay với bạn bè hoặc người thân gần nhất để trợ giúp.

IV. ĐÁNH GIÁ

GV có thể sử dụng câu 5 của Bài 12 (VBT) để đánh giá nhanh kết quả học tập của HS.

PHỤ LỤC

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết Hoạt động 4.

Tiết 3: Từ Hoạt động 5 đến hết bài.

Bài 13. THỰC HÀNH: **QUAN SÁT CÂY XANH VÀ CÁC CON VẬT** (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Kết nối được các kiến thức đã học về thực vật, động vật trong bài học và ngoài thiên nhiên.
- Biết sử dụng những đồ dùng cần thiết khi đi tham quan thiên nhiên.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

- Quan sát, đặt được câu hỏi và trả lời câu hỏi về những cây và con vật nơi tham quan.
- Bước đầu làm quen cách quan sát, ghi chép, trình bày kết quả khi đi tham quan.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

- Có ý thức giữ an toàn khi tiếp xúc với một số cây và con vật.
- Có ý thức bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.
- Cần nhắc không sử dụng các đồ dùng bằng nhựa dùng một lần để bảo vệ môi trường.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các phiếu quan sát.
- Giấy A0.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

III. KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Chuẩn bị khi đi tham quan thiên nhiên

** Mục tiêu*

- Nêu được một số đồ dùng cần mang khi đi tham quan.
- Thực hiện một số nội quy khi đi tham quan.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Hướng dẫn HS quan sát hình

- Hướng dẫn HS cách quan sát các hình trang 86, 87 (SGK).
- Hỏi: Các bạn trong hình đang làm gì?

Bước 2: Tổ chức làm việc nhóm

- Từng HS trong nhóm trình bày, thảo luận:
- + Những đồ dùng nào cần mang khi đi tham quan thiên nhiên?
- + Vai trò của những đồ dùng đó là gì?
- + Khi đi tham quan, cần lưu ý những điều gì?

Gợi ý: GV hướng dẫn HS đọc bảng “Hãy cẩn thận!” trong SGK trang 86, 87, giúp HS khắc sâu hơn: Không tự ý hái hoa, quả và ăn chúng; Không đứng gần và sờ tay vào chuồng thú,...

Bước 3: Tổ chức làm việc cả lớp

- Đại diện nhóm trình bày những đồ dùng cần thiết mang theo khi đi tham quan thiên nhiên và tác dụng của chúng.
- Trình bày những lưu ý khi đi tham quan.
- GV hỏi: Để bảo vệ môi trường, hạn chế rác thải nhựa, chúng ta nên đựng nước và đồ ăn bằng vật dụng gì?

Gợi ý: Ở Việt Nam, nhiều người có thói quen dùng đồ ăn nhanh, nước uống,... đựng bằng đồ nhựa. Đồ nhựa gây nhiều tác hại cho môi trường sống của con người và động vật vì vậy chúng ta cần giảm thiểu bằng cách không sử dụng đồ nhựa dùng một lần.

Bước 4: Củng cố

- GV hướng dẫn HS:
- + Cách quan sát ngoài thiên nhiên: Quan sát từng cây, con vật về màu sắc, chiều cao, các bộ phận;...
- + Cách ghi chép trong Phiếu quan sát: Ghi nhanh những điều quan sát được theo mẫu phiếu và những điều chú ý mà em thích vào phía dưới của phiếu để hoàn thiện sau.
- GV lưu ý, nhắc nhở HS:
- + Tuân thủ theo nội quy, hướng dẫn của GV, nhóm trưởng.
- + Chú ý quan sát, chia sẻ, trao đổi với các bạn khi phát hiện ra những điều thú vị hoặc em chưa biết để cùng nhau tìm ra câu trả lời và chia sẻ những hiểu biết của mình với các bạn trong nhóm cũng như học hỏi từ các bạn,...

+ Hạn chế sử dụng nước uống đóng bằng chai nhựa, tránh đựng thức ăn bằng túi nilon.

+ Cần cẩn trọng khi tiếp xúc với các cây và con vật: Không ngắt hoa, bẻ cành cây, vừa giữ vẻ đẹp của cây vừa tránh tiếp xúc với gai và nhựa của cây, có thể gây bỏng, phỏng rộp,...

+ Khi không may bị gai đâm, nhựa cây dính vào da, mắt; các con vật cắn,... cần rửa sạch vết thương bằng nước sạch đồng thời báo ngay với bạn bè, thầy cô, người thân cùng trợ giúp.

Hoạt động 2: Đi tham quan thiên nhiên

**** Mục tiêu***

- Thực hành quan sát thực vật và động vật.
- Bước đầu hình thành thói quen quan sát, ghi chép theo cách của nhà khoa học.
- Thực hiện một số nội quy khi đi tham quan.

**** Cách tiến hành***

Bước 1: Chia nhóm

– GV chia HS thành từng nhóm, mỗi nhóm từ 4 – 6 HS. Bầu nhóm trưởng, nhóm phó, giao nhiệm vụ của từng thành viên.

- Hướng dẫn các em thực hiện nội quy theo nhóm.
- Hướng dẫn HS cách quan sát xung quanh:

+ Thực vật: quan sát từ cây nhỏ đến cây to, quan sát hình dạng, chiều cao; các bộ phận và màu sắc của cây: thân, lá, hoa, quả (nếu có); cây đó là cây rau, cây ăn quả, cây cho bóng mát hay cây lương thực, cây làm thuốc.

+ Động vật: quan sát các con vật về hình dạng, kích thước, màu sắc; các bộ phận của chúng. Lưu ý HS quan sát những con vật có thể rất nhỏ ở dưới đám cỏ như con kiến, cuốn chiếu, đến những con vật nép mình trong các tán lá cây như bọ ngựa, bọ cánh cứng,...

Bước 2: Tổ chức tham quan

– GV theo dõi các nhóm và điều chỉnh các nhóm qua các nhóm trưởng và nhóm phó.

– Nhắc nhở HS:

+ Giữ an toàn khi tiếp xúc với các cây và con vật. Giữ gìn vẻ đẹp của khu tham quan.

+ Che ô hoặc đứng trong bóng râm.

+ Vứt rác đúng nơi quy định.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 3: Hoàn thiện báo cáo kết quả sau khi đi tham quan thiên nhiên

* Mục tiêu

– Biết làm báo cáo sau khi đi tham quan.

– Trình bày kết quả báo cáo.

* Cách tiến hành

Bước 1: Hướng dẫn HS hoàn thiện báo cáo

– Hỏi: Các em đã rút ra được những điều gì sau buổi tham quan? Đã quan sát thấy những gì?

– Hãy ghi kết quả và những suy nghĩ của mình vào báo cáo.

– Hướng dẫn HS hoàn thiện báo cáo theo mẫu Phiếu quan sát.

Bước 2: Tổ chức làm việc nhóm

– GV chia lớp thành 2 nhóm: Nhóm báo cáo về đề tài Thực vật và nhóm về đề tài Động vật, mỗi nhóm 4 – 6 HS.

– Mỗi nhóm hoàn thành báo cáo vào giấy khổ A0 theo sự sáng tạo của từng nhóm. GV khuyến khích HS ngoài việc thực hiện báo cáo theo mẫu, các em có thể sáng tạo, trình bày báo cáo theo cách riêng của mỗi nhóm và tuyên dương đối với những nhóm có sáng tạo đặc biệt.

Bước 3: Tổ chức làm việc cả lớp

– Cử đại diện của mỗi nhóm lên trình bày, HS khác nhận xét, hỏi nhóm bạn.

– Chọn ra nhóm làm tốt nhất, tuyên dương, tổng kết.

Dưới đây là mẫu Phiếu quan sát cây và con vật. Trong mẫu có bổ sung thêm cột để HS phân biệt cây rau, cây cho bóng mát, cây ăn quả,... tùy nơi tham quan mà GV có thể yêu cầu HS ghi cột này cho phù hợp. Ví dụ: Ở công viên thì khó có cây rau,... Cột ghi chú để khuyến khích HS ghi thêm những điều quan sát được, ví dụ như thân cao, khẳng khiu hoặc cây bò sát đất,...

PHỤ LỤC
PHIẾU QUAN SÁT CÂY

Tên cây	To hoặc nhỏ	Cao hoặc thấp	Đang có hoa	Đang không có hoa	Loại cây			
					cây rau	cây bóng mát	cây ăn quả	cây hoa
Cây phượng	To	Cao	✓			✓		✓
?	?	?	?	?	?	?	?	?
?	?	?	?	?	?	?	?	?

PHIẾU QUAN SÁT CON VẬT

Tên con vật	To hoặc nhỏ	Cao hoặc thấp	Màu sắc	Bộ phận di chuyển		
				chân	vây	cánh
Con bướm	Nhỏ		Trắng đốm đen			✓
?	?	?	?	?	?	?
?	?	?	?	?	?	?

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Hoạt động 1.

Tiết 2: Hoạt động 2.

Tiết 3: Từ Hoạt động 3 đến hết bài.

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Hệ thống lại được các kiến thức đã học về chủ đề Thực vật và động vật: tên, các bộ phận, lợi ích, chăm sóc, giữ an toàn.
- Những việc nên làm để chăm sóc cây trồng và vật nuôi.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Làm một bộ sưu tập về các cây, con vật qua việc quan sát, sưu tầm trong tự nhiên và sách báo.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Có ý thức chăm sóc và bảo vệ cây trồng và vật nuôi.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Hình ảnh trang 90, 91 (SGK).
- Các thẻ từ về bộ phận của cây và các con vật.
- Bảng hoặc giấy A2, bút vẽ các màu, băng dính hai mặt.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Em đã học được gì về chủ đề Thực vật và động vật?

Hoạt động 1: Chúng mình đã học được gì về chủ đề Thực vật và động vật?

** Mục tiêu*

Hệ thống lại các kiến thức đã học về chủ đề Thực vật và động vật:

- Tên của một số cây và các con vật;
- Các bộ phận của một số cây và các con vật;
- Lợi ích của một số cây và các con vật;
- Cách chăm sóc của một số cây và vật nuôi;
- Cách giữ an toàn khi tiếp xúc với một số cây và vật nuôi.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Hướng dẫn HS thực hiện

– GV hỏi: Chúng ta đã học xong chủ đề Thực vật và động vật, các em hãy nhớ lại, chúng ta đã học và làm được những gì sau khi học chủ đề này?

– GV yêu cầu một số HS trả lời và hướng dẫn hoạt động nhóm.

Bước 2: Tổ chức làm việc nhóm

– GV chia thành 4 – 6 nhóm: Nhóm lẻ làm tổng kết phần thực vật và nhóm chẵn làm phần Động vật.

– GV yêu cầu mỗi nhóm thể hiện theo sơ đồ gợi ý ở trang 90, 91 (SGK) và hoàn thành những chỗ có dấu ? trong sơ đồ trên giấy khổ A2.

– GV khuyến khích HS ngoài việc thực hiện theo mẫu, các em có thể sáng tạo, trình bày sơ đồ theo cách riêng của mỗi nhóm như: dán các hình ảnh đã sưu tập hoặc minh họa bằng chính các hình các em tự vẽ.

Bước 3: Tổ chức làm việc cả lớp

– Cử đại diện của mỗi nhóm lên trình bày, HS khác nhận xét, hỏi nhóm bạn.

– Tuyên dương các nhóm có sản phẩm và phần trình bày tốt nhất, sáng tạo nhất.

– GV kiểm tra lại sự hiểu biết các kiến thức của chủ đề đối với một số HS thể hiện chưa tích cực tham gia trong quá trình làm việc nhóm hoặc những HS yếu hơn các bạn.

– GV chọn hai kết quả tốt nhất của hai nhóm tổng kết về Thực vật và Động vật để tổng kết trước lớp.

– Nếu còn thời gian, GV có thể tổ chức trò chơi “Thi tìm hiểu về các loài cây và các con vật qua các bài hát, bài thơ” hoặc cách khác theo ý tưởng sáng tạo của từng GV.

Bước 4: Củng cố

Yêu cầu HS tiếp tục hoàn thiện sơ đồ tổng kết chủ đề Thực vật và động vật theo cách của em vào vở.

2. Làm một bộ sưu tập hình ảnh và thông tin về cây hoặc các con vật

Hoạt động 2: Làm một bộ sưu tập hình ảnh và thông tin về cây hoặc các con vật

*** Mục tiêu**

– Hệ thống các kiến thức về thực vật và động vật.

– Hình thành năng lực tự tìm tòi, nghiên cứu.

*** Cách tiến hành**

– GV phân nhóm, yêu cầu mỗi HS sưu tập các hình ảnh về thực vật và động vật và tập hợp lại để cùng làm bộ sưu tập của nhóm.

– Mỗi nhóm làm một bộ sưu tập theo sự sáng tạo riêng, tuy nhiên cần thể hiện rõ: Tên cây/con vật, hình dạng, kích thước và một số đặc điểm nổi bật, lợi ích của chúng. Khuyến khích HS sưu tập, giới thiệu những cây và con vật có ở địa phương.

– Chọn một vài nhóm lên trình bày (nếu còn thời gian) hoặc yêu cầu HS hoàn thiện tiếp và nộp cho GV vào buổi học sau để tổng kết, khen thưởng. (*Lưu ý*: Những bộ sưu tập tốt GV có thể bố trí treo ở Góc trưng bày của lớp.)

Hoạt động 3: Làm bài tập ôn tập tổng kết chủ đề

GV có thể sử dụng câu 1, 2, 3 (VBT).

Hoạt động 4: Tự đánh giá: Em đã làm gì để chăm sóc và bảo vệ cây?

*** Mục tiêu**

– Bước đầu biết tự đánh giá việc chăm sóc và bảo vệ cây.

– Có ý thức chăm sóc và bảo vệ cây.

*** Cách tiến hành**

– Mỗi HS được phát một phiếu đánh giá (Phiếu 1 ở phần Phụ lục).

– HS viết hoặc vẽ những việc mình đã làm để chăm sóc và bảo vệ cây xanh của mình bằng cách:

+ Vẽ mặt ☺ nếu em tự đánh giá là mình đã làm tốt.

+ Vẽ mặt 😊 nếu em tự đánh giá là mình làm khá tốt.

+ Vẽ mặt ☹ nếu em tự đánh giá là mình chưa làm tốt.

Hoạt động 5: Tự đánh giá: Em đã làm gì để chăm sóc và bảo vệ các con vật?

*** Mục tiêu**

– Bước đầu biết tự đánh giá việc chăm sóc và bảo vệ một số con vật.

– Có ý thức chăm sóc và bảo vệ con vật.

*** Cách tiến hành**

– Mỗi HS được phát một phiếu đánh giá (Phiếu 2 ở phần Phụ lục).

– HS viết hoặc vẽ những việc mình đã làm để chăm sóc và bảo vệ các con vật bằng cách:

- + Vẽ mặt ☺ nếu em tự đánh giá là mình đã làm tốt.
- + Vẽ mặt ☺ nếu em tự đánh giá là mình làm khá tốt.
- + Vẽ mặt ☹ nếu em tự đánh giá là mình chưa làm tốt.

Hoạt động 6: Tự đánh giá: Em đã làm gì để giữ an toàn cho bản thân khi tiếp xúc với một số cây và con vật?

* Mục tiêu

– Bước đầu biết tự đánh giá việc giữ an toàn cho bản thân khi tiếp xúc với một số cây và con vật.

– Có ý thức tự bảo vệ bản thân và người xung quanh.

* Cách tiến hành

– Mỗi HS được phát một phiếu đánh giá (Phiếu 3 ở phần Phụ lục).

– HS viết hoặc vẽ những việc mình đã làm để thực hiện việc giữ an toàn cho bản thân khi tiếp xúc với một số cây và con vật bằng cách:

- + Vẽ mặt ☺ nếu em tự đánh giá là mình đã làm tốt.
- + Vẽ mặt ☺ nếu em tự đánh giá là mình làm khá tốt.
- + Vẽ mặt ☹ nếu em tự đánh giá là mình chưa làm tốt.

PHỤ LỤC

PHIẾU 1: TỰ ĐÁNH GIÁ VIỆC EM ĐÃ LÀM ĐỂ CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ CÂY

STT	Những việc em đã làm	Em tự đánh giá
1	Em cùng bố mẹ trồng cây ở nhà.	
2	Hàng ngày, em chăm sóc và tưới cây.	
3	Em cùng bố mẹ xới đất, nhổ cỏ cho cây.	
4	Cắt tỉa cây trong chậu/vườn.	
5	Em không ngắt hoa, bẻ cành nơi công cộng.	
6	Em không giẫm lên cỏ, cây xanh nơi công cộng.	
...	...	

PHIẾU 2: TỰ ĐÁNH GIÁ VIỆC EM ĐÃ LÀM ĐỂ CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ VẬT NUÔI

STT	Những việc em đã làm	Em tự đánh giá
1	Em không đánh đập vật nuôi.	
2	Hằng ngày, em cho vật nuôi của em ăn và chăm sóc chúng.	
3	Em cùng bố mẹ cho vật nuôi đi tiêm phòng.	
4	Em cùng bố mẹ che ấm cho vật nuôi vào mùa đông và tắm mát cho chúng vào mùa hè.	
5	Em cùng gia đình và khuyên mọi người thả động vật hoang dã về nơi sống của chúng, không ăn thịt chúng.	
...	...	

PHIẾU 3: TỰ ĐÁNH GIÁ VIỆC EM ĐÃ LÀM ĐỂ GIỮ AN TOÀN CHO BẢN THÂN KHI TIẾP XÚC VỚI CÂY VÀ CON VẬT

STT	Những việc em đã làm	Em tự đánh giá
1	Em không đánh đập, kéo đuôi vật nuôi.	
2	Em không đùa nghịch trước các con vật to lớn như: trâu, bò,...	
3	Em không chọc tổ ong, tổ kiến,...	
4	Em không ngắt hoa, bẻ cành cây.	
5	Em không tự ăn lá, quả chín mọc bên đường hay trong rừng,...	
...	...	

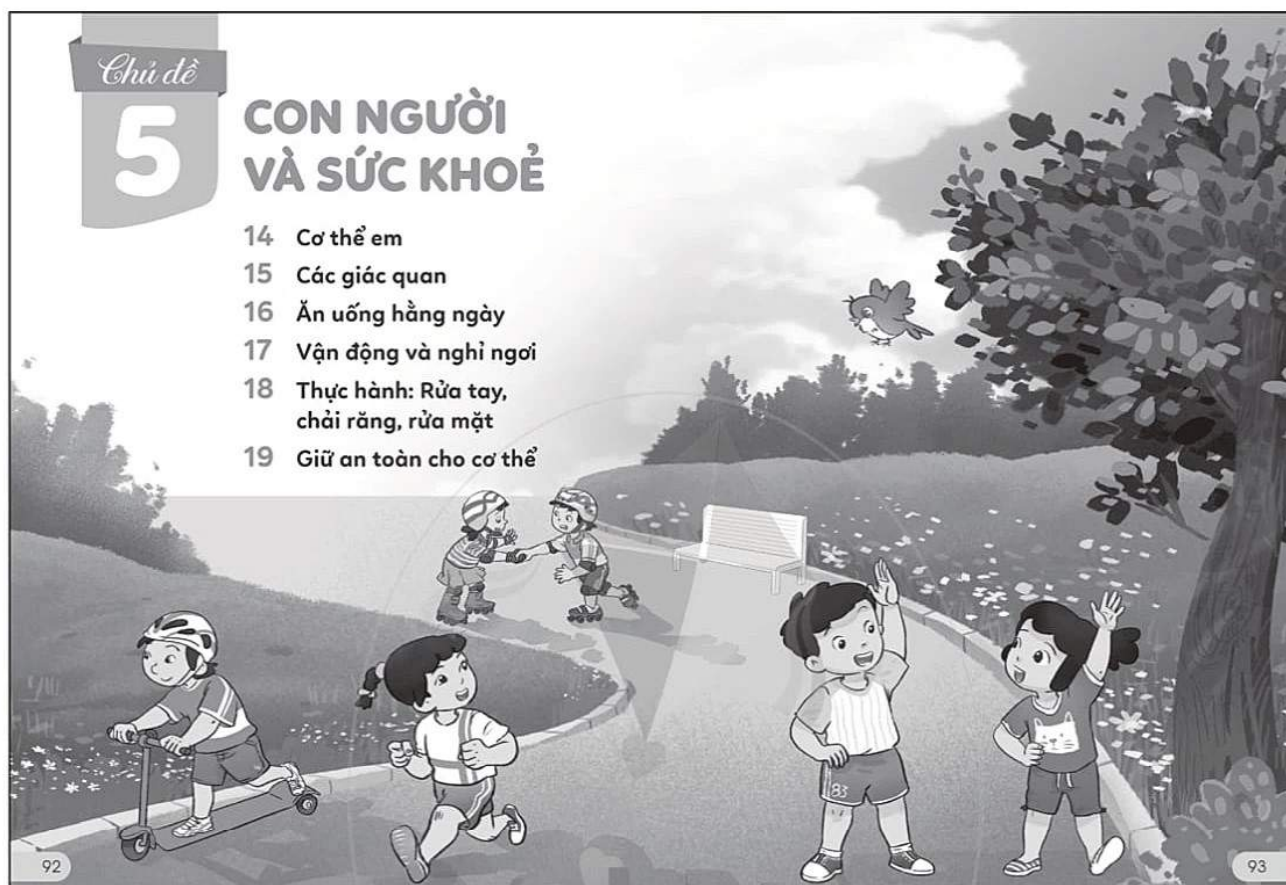
Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Hoạt động 1 đến hết Hoạt động 3.

Tiết 2: Từ Hoạt động 4 đến hết bài.

Chủ đề 5. CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ

(18 tiết)



Chủ đề

5

CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ

- 14 Cơ thể em
- 15 Các giác quan
- 16 Ăn uống hằng ngày
- 17 Vận động và nghỉ ngơi
- 18 Thực hành: Rửa tay, chải răng, rửa mặt
- 19 Giữ an toàn cho cơ thể

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Dạy học chủ đề *Con người và sức khỏe* trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 nhằm bước đầu hình thành và phát triển ở học sinh năng lực khoa học với những biểu hiện cụ thể của các thành phần năng lực như sau:

1. Nhận thức khoa học

– Xác định được tên, hoạt động của các bộ phận bên ngoài cơ thể; phân biệt được con trai và con gái.

– Nêu được tên, chức năng của các giác quan. Giải thích được ở mức độ đơn giản vì sao cần phải bảo vệ các giác quan.

– Nêu được những việc cần làm để giữ vệ sinh cơ thể và lợi ích của việc làm đó.

– Nêu được số bữa cần ăn trong ngày và tên một số thức ăn, đồ uống giúp cho cơ thể khỏe mạnh và an toàn.

– Xác định được các hoạt động vận động và nghỉ ngơi có lợi cho sức khỏe.

– Nhận biết được vùng riêng tư của cơ thể cần được bảo vệ.

2. Tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

- Tự đánh giá được việc thực hiện giữ vệ sinh cơ thể.
- Tự nhận xét được thói quen ăn uống của bản thân.
- Liên hệ với những hoạt động hằng ngày của bản thân và đưa ra được hoạt động nào cần dành nhiều thời gian để cơ thể khoẻ mạnh.

3. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

- Thực hiện được việc làm để bảo vệ các giác quan trong cuộc sống hằng ngày, đặc biệt biết cách phòng tránh cận thị học đường.
- Thực hiện đúng các quy tắc giữ vệ sinh cơ thể.
- Thực hành nói không và tránh xa người có hành vi động chạm hay đe dọa đến sự an toàn của bản thân.
- Thực hành nói với người lớn tin cậy để được giúp đỡ khi cần.

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CHỦ YẾU

Tổ chức các hoạt động cho HS tự liên hệ bản thân, tìm tòi, phát hiện ra những việc nên và không nên làm để giữ cho cơ thể khoẻ mạnh và an toàn.

Tạo điều kiện cho HS trình bày những hiểu biết của mình về nội dung học tập hoặc GV nêu vấn đề thực tế cần giải quyết.

Các phương pháp chủ yếu để dạy chủ đề này là: quan sát, thực hành, thảo luận nhóm, chơi trò chơi.

Bài 14. CƠ THỂ EM

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Xác định được tên, hoạt động của các bộ phận bên ngoài cơ thể.
- Nhận biết được bộ phận riêng tư của cơ thể.
- Nêu được những việc cần làm để giữ vệ sinh cơ thể và lợi ích của việc làm đó.

* *Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

- Phân biệt được con trai và con gái.
- Tự đánh giá được việc thực hiện giữ vệ sinh cơ thể.

* *Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

- Có ý thức giúp đỡ người có tay, chân không cử động được.
- Có ý thức thực hiện giữ vệ sinh cơ thể hằng ngày.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- Video clip bài hát *Ồ sao bé không lắc*.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 1.
- Hình vẽ cơ thể con trai và con gái với đầy đủ các bộ phận bên ngoài của cơ thể (bao gồm cả cơ quan sinh dục ngoài của con trai và con gái).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

Hoạt động cả lớp:

- HS nghe nhạc và múa, hát theo lời bài hát: “Ồ sao bé không lắc”.
- HS trả lời câu hỏi của GV để khai thác nội dung bài hát như:
 - + Bài hát nhắc đến những bộ phận nào của cơ thể?
 - + Các bộ phận khác nhau của cơ thể đã thực hiện những công việc gì trong khi múa, hát?

GV dẫn dắt vào bài học: Hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về các bộ phận bên ngoài cơ thể và những hoạt động của chúng; những việc cần làm để giữ cơ thể sạch sẽ.

1. Các bộ phận bên ngoài của cơ thể

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Quan sát hình vẽ và nói tên các bộ phận bên ngoài của cơ thể

* Mục tiêu

- Xác định được cơ thể gồm nhiều bộ phận khác nhau.

- Phân biệt được con trai và con gái.
- Nhận biết được vùng riêng tư của cơ thể.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS quan sát các hình trang 95 (SGK), một HS chỉ vào từng bộ phận trên hình vẽ để hỏi và HS kia trả lời. Sau đó lại đổi nhau.

Lưu ý: Trong quá trình HS làm việc theo cặp, GV hỗ trợ HS để các em xác định được tên một số bộ phận cơ thể tương đối có hệ thống, ví dụ: ở đầu có tóc, tai, mắt, mũi, miệng, má,...; tiếp đến là cổ, vai, gáy; ngực, bụng, lưng, mông; tay bao gồm cánh tay, khuỷu tay, bàn tay, ngón tay; chân bao gồm đùi, đầu gối, bàn chân, ngón chân.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– HS của cặp này đặt câu hỏi và chỉ định cặp khác trả lời; nếu trả lời đúng, sẽ được đặt câu hỏi cho cặp khác,...

Lưu ý: GV cần chú ý rèn luyện và chữa cho HS cách đặt câu hỏi và cách trả lời cho đúng.

– GV cho HS quan sát hình vẽ cơ thể em trai và em gái với đầy đủ các bộ phận bên ngoài của cơ thể (bao gồm cả cơ quan sinh dục ngoài của con trai và con gái) để trả lời câu hỏi trang 95 (SGK): Cơ thể con gái và con trai khác nhau ở bộ phận nào?

Lưu ý: GV giúp HS nhận biết hầu hết các bộ phận cơ thể của con trai và con gái là giống nhau. Chỉ có bộ phận sinh dục của cơ thể mỗi người giúp phân biệt con trai và con gái. Ở con trai có dương vật và bìu. Ở con gái có âm hộ.

– GV dành thời gian cho HS đọc lời con ong ở trang 95 (SGK). Sau đó, yêu cầu HS chỉ vùng riêng tư của cơ thể con trai và con gái trên hình vẽ.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Trò chơi “Thi nói tên các bộ phận bên ngoài của cơ thể con trai hoặc con gái”

*** Mục tiêu**

Củng cố những kiến thức đã học về tên các bộ phận bên ngoài cơ thể bao gồm tên các bộ phận giúp phân biệt được con trai và con gái.

*** Cách tiến hành**

– HS được tổ chức thành hai nhóm lớn. Mỗi nhóm cử một nhóm trưởng.

- Hai HS xung phong làm trọng tài ghi điểm cho hai đội.
- Lần lượt mỗi nhóm cử một người nói tên một bộ phận bên ngoài của cơ thể con trai hoặc con gái.
- Cách cho điểm: Mỗi tên một bộ phận cơ thể được 1 điểm. Nhóm nào nói lại tên bộ phận cơ thể đã được nhắc đến sẽ bị trừ 1 điểm. Trong một khoảng thời gian cho phép, nhóm nào được nhiều điểm hơn là thắng cuộc.

ĐÁNH GIÁ

Ngoài việc đánh giá quá trình thực hiện các hoạt động học tập của HS trong tiết học, trước khi kết thúc tiết học, GV có thể sử dụng câu 1 và 2 của Bài 14 (VBT) để đánh giá nhanh kết quả học tập của tiết học này.

2. Hoạt động của một số bộ phận cơ thể

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 3: Quan sát hình vẽ, phát hiện hoạt động của một số bộ phận cơ thể

* Mục tiêu

Nêu được tên một số bộ phận cơ thể và hoạt động của chúng.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS quan sát các hình trang 97 (SGK), một HS đặt câu hỏi, HS kia trả lời. Sau đó đổi lại (xem gợi ý về cách đặt câu hỏi và trả lời ở phần Phụ lục).

Bước 2: Làm việc cả lớp

Một số cặp xung phong thể hiện kết quả các em đã luyện tập theo cặp. Cả lớp theo dõi để nhận xét về cách đặt câu hỏi và cách trả lời của các bạn.

Kết thúc hoạt động này, HS rút ra được kết luận như phần chốt lại kiến thức ở trang 98 (SGK).

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 4: Thảo luận về những khó khăn gặp phải khi tay hoặc chân không cử động được

* Mục tiêu

- Nhận biết được vai trò của tay và chân trong cuộc sống thường ngày.
- Có ý thức giúp đỡ những người có tay, chân không cử động được.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo nhóm

HS thảo luận các câu hỏi:

- Kể ra những việc tay và chân có thể làm được trong cuộc sống thường ngày.
- Nêu những khó khăn đối với người có tay hoặc chân không cử động được.
- Khi gặp những người có tay hoặc chân không cử động được cần sự hỗ trợ, em sẽ làm gì?

Bước 2: Làm việc cả lớp

Đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các nhóm khác bổ sung.

Kết thúc hoạt động này, HS đọc lời con ong trang 98 (SGK).

ĐÁNH GIÁ

Ngoài việc đánh giá quá trình thực hiện các hoạt động học tập của HS trong tiết học, trước khi kết thúc tiết học, GV có thể sử dụng câu 3, 4 của Bài 14 (VBT) để đánh giá nhanh kết quả học tập của tiết học này.

3. Giữ cơ thể sạch sẽ

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 5: Tìm hiểu về các việc cần làm để giữ cơ thể sạch sẽ

*** Mục tiêu**

Nêu được những việc cần làm để giữ vệ sinh cơ thể.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo nhóm

HS quan sát các hình trang 99 (SGK) và trả lời câu hỏi: Các bạn trong mỗi hình đang làm gì để giữ cơ thể sạch sẽ?

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Tự đánh giá về việc giữ vệ sinh cơ thể

*** Mục tiêu**

- Chia sẻ về những việc làm hằng ngày để giữ vệ sinh cơ thể.

- Tự đánh giá, tìm ra thói quen chưa tốt cần thay đổi (nếu có) để giữ sạch cơ thể.
- Nhận biết được lợi ích của việc giữ vệ sinh cơ thể.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS lần lượt hỏi và trả lời nhau các câu hỏi:

+ Hằng ngày, bạn đã làm gì để giữ sạch cơ thể của mình? Cơ thể sạch sẽ có lợi ích gì?

+ Bạn thấy mình cần thay đổi thói quen gì để giữ cơ thể sạch sẽ?

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.

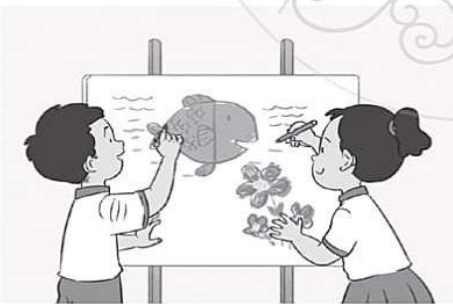
– Các cặp khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.

Kết thúc hoạt động này, HS nhận biết được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể “Giữ cơ thể luôn sạch sẽ để giúp em mạnh khỏe và phòng tránh bệnh tật”.

IV. ĐÁNH GIÁ

Ngoài việc đánh giá quá trình thực hiện các hoạt động học tập của HS trong tiết học, trước khi kết thúc tiết học, GV có thể sử dụng câu 5 và 6 của Bài 14 (VBT) để đánh giá nhanh kết quả học tập của tiết học này.

PHỤ LỤC

Hình	Câu hỏi	Trả lời
 	Các bạn đang sử dụng tay để làm gì?	Vẽ, viết và cầm cốc uống nước

Hình	Câu hỏi	Trả lời
	Cổ trên cơ thể của chúng ta hoạt động như thế nào?	Có thể ngẩng lên, cúi xuống và quay trái, quay phải.
	Hãy nói về hoạt động của tay và chân các bạn trong hình.	– Tay: Giơ lên, hạ xuống để múa và nhảy dây; cầm micro và dây,... – Chân: Giơ lên, hạ xuống để múa và nhảy dây,...

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết Hoạt động 4.

Tiết 3: Từ Hoạt động 5 đến hết bài.

Bài 15. CÁC GIÁC QUAN

(4 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

Nêu được tên, chức năng của các giác quan.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Quan sát và trải nghiệm thực tế để phát hiện ra chức năng của năm giác quan và tầm quan trọng của các giác quan.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

– Giải thích được ở mức độ đơn giản vì sao cần phải bảo vệ các giác quan.

– Thực hiện được các việc cần làm để bảo vệ các giác quan trong cuộc sống hằng ngày, đặc biệt biết cách phòng tránh cận thị học đường.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 1.
- Bộ tranh về các giác quan.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

GV giới thiệu bài học: Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu những bộ phận của cơ thể giúp chúng ta nhận biết được các vật xung quanh.

1. Năm giác quan của cơ thể

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu về các giác quan

** Mục tiêu*

- Xác định các bộ phận cơ thể (mắt, tai, mũi, lưỡi, da) và các chức năng của chúng.
- Tìm hiểu về những thông tin mà các giác quan cung cấp cho chúng ta.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo nhóm

HS quan sát hình và trả lời các câu hỏi trang 100, 101 (SGK):

- + Các bạn trong hình có thể nhìn, nghe được gì?
- + Các bạn đã nhìn và nghe bằng những bộ phận nào của cơ thể?
- + Bà, mẹ và các bạn trong hình đang làm gì?
- + Những bộ phận nào của cơ thể giúp nhận biết được: vỏ mít xù xì, mùi thơm, vị ngọt của múi mít?

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.

Tiếp theo, HS trả lời câu hỏi: Em nhìn, nghe, ngửi, nếm, sờ các vật xung quanh bằng những bộ phận nào của cơ thể?

Kết thúc hoạt động này, GV chốt lại nội dung chính: Cơ thể chúng ta có năm giác quan dùng để: nhìn, nghe, ngửi, nếm, sờ.

Tuỳ vào trình độ của HS mà GV có thể giới thiệu mở rộng cho HS: tên khoa học chính xác của năm giác quan là: thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác tương ứng với nhìn, nghe, ngửi, nếm, sờ.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Làm bài tập

*** Mục tiêu**

Củng cố kiến thức về bộ phận thực hiện chức năng của các giác quan.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc cá nhân

HS quan sát hình và đọc thông tin trong các khung trong hình trang 102 (SGK) để làm bài tập: “Hãy nói tên các bộ phận của cơ thể phù hợp với những thông tin trong hình dưới đây.”

Bước 2: Làm việc cả lớp

Một số HS trình bày kết quả làm việc trước lớp.

Gợi ý đáp án:

- Chúng ta nghe được các âm thanh khác nhau **bằng tai**.
- Chúng ta nhìn được hình dạng, màu sắc của vật **bằng mắt**.
- Chúng ta nhận biết được các vị đắng, cay, chua, ngọt, mặn **bằng lưỡi**.
- Chúng ta ngửi được các mùi khác nhau **bằng mũi**.
- Chúng ta cảm nhận được nóng, lạnh, trơn, nhẵn, xù xì của vật **bằng da**.

Kết thúc hoạt động này, GV dành thời gian cho HS đọc lại kiến thức chủ yếu trang 102 (SGK) để khắc sâu vai trò của năm giác quan trong việc nhận biết thế giới xung quanh.

Hoạt động 3: Chơi trò chơi “Nếu ... thì”

*** Mục tiêu**

Gắn kết các bộ phận cơ thể thực hiện chức năng của các giác quan tương ứng.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: HS chơi theo nhóm lớn (8 – 9 HS).

Mỗi nhóm cần 1 quả bóng và đứng thành vòng tròn.

Cách chơi như sau:

– HS 1 cầm bóng sẽ vừa ném bóng cho bạn khác vừa phải nói câu đầu có chữ “Nếu...”. Ví dụ: “Nếu là mũi”.

– HS 2 bắt được bóng phải nói ngay: “... thì tôi sẽ ngửi được các mùi khác nhau”. Tiếp theo, HS 2 vừa ném bóng cho HS 3 vừa nói một câu có chữ “Nếu ...”. Ví dụ: “Nếu là tai”.

– HS 3 bắt được bóng nói ngay: “... thì tôi sẽ nghe được các âm thanh khác nhau”. Trò chơi cứ tiếp tục như vậy sau khi HS đã nói đủ tên mắt, tai, da, mũi, lưỡi.

Lưu ý: Ai không bắt được bóng là bị thua; ai bắt được bóng nhưng nói câu “thì...” chậm, tất cả cùng đếm 1, 2, 3 mà không trả lời được cũng bị thua.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Sau trò chơi, HS thua ở các nhóm lên múa hoặc hát một bài.
- Cả lớp thảo luận câu hỏi: Qua trò chơi, các em rút ra được điều gì?

(Trò chơi giúp em nói nhanh được tên các bộ phận cơ thể thực hiện chức năng của các giác quan tương ứng với nó.)

Hoạt động 4: Xử lý tình huống khi gặp người có khó khăn về nhìn hoặc nghe

*** Mục tiêu**

Thể hiện được sự cảm thông và có ý thức giúp đỡ những người có khó khăn về nhìn hoặc nghe.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc cả lớp

GV nêu câu hỏi: Em có thể hỗ trợ người thân, bạn bè hoặc những người tình cờ gặp trên đường gặp khó khăn về nhìn (nhìn không rõ hoặc không nhìn thấy gì) hoặc nghe (nghe không rõ hoặc không nghe được) như thế nào?

Mỗi nhóm chọn một trong những tình huống trên để thảo luận. Ví dụ:

- Nhóm 1: Có ông hoặc bà, tai nghe không rõ.
- Nhóm 2: Tình cờ khi chuẩn bị sang đường, em gặp một người không nhìn thấy gì (hình trang 103 trong SGK).
- ...

Bước 2: Làm việc theo nhóm

Các nhóm thảo luận tình huống của nhóm mình đã nhận và có thể phân công nhau đóng vai thể hiện cách các em hỗ trợ những người có khó khăn về nhìn hoặc nghe.

Bước 3: Làm việc cả lớp

Đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận hoặc đóng vai trước lớp. Các nhóm khác góp ý bổ sung.

Kết thúc hoạt động này, HS đọc lời con ong trang 103 (SGK). Tùy vào trình độ của HS, GV có thể mở rộng: những người khiếm thính là những người có khó khăn về nghe, những người khiếm thị là những người có khó khăn về nhìn.

ĐÁNH GIÁ

Ngoài việc đánh giá quá trình thực hiện các hoạt động học tập của HS trong tiết học, trước khi kết thúc tiết học, GV có thể sử dụng câu 1, 2, 3, 4, 5 của Bài 15 (VBT) để đánh giá nhanh kết quả học tập của hai tiết học này.

2. Chăm sóc, bảo vệ các giác quan

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 5: Thảo luận về các việc nên và không nên làm để bảo vệ mắt

*** Mục tiêu**

- Kể ra được một số việc nên làm và không nên làm để bảo vệ mắt.

- Nêu được sự cần thiết phải bảo vệ mắt.
- Luôn có ý thức giữ vệ sinh và bảo vệ mắt.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo nhóm

- Nhóm trưởng điều khiển các bạn trả lời các câu hỏi sau:

1) Hãy nói về các việc nên và không nên làm để chăm sóc, bảo vệ mắt.

Lưu ý:

– Với câu hỏi này, HS có thể tham khảo các hình trang 104 (SGK) và kể thêm những việc nên và không nên làm khác.

– Với mỗi việc được nêu ra, HS cũng cần giải thích vì sao đây là việc nên làm hoặc không nên làm để chăm sóc, bảo vệ mắt.

2) Bạn cần thay đổi thói quen nào để chăm sóc, bảo vệ mắt, đặc biệt để phòng tránh cận thị? Vì sao?

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện các cặp trình bày kết quả thảo luận, các bạn khác bổ sung.

– GV có thể ghi nhanh ý kiến của các nhóm về những việc nên và không nên làm để chăm sóc và bảo vệ mắt lên bảng (GV có thể tham khảo về các việc nên và không nên làm để chăm sóc, bảo vệ mắt ở Phụ lục 1).

Hoạt động 6: Thảo luận về các việc nên và không nên làm để bảo vệ tai

*** Mục tiêu**

- Kể ra được một số việc nên làm và không nên làm để bảo vệ tai.
- Nêu được sự cần thiết phải bảo vệ tai.
- Luôn có ý thức giữ vệ sinh và bảo vệ tai.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo nhóm

- Nhóm trưởng điều khiển các bạn trả lời các câu hỏi sau:

1) Hãy nói về các việc nên và không nên làm để chăm sóc, bảo vệ tai.

Lưu ý:

– Với câu hỏi này, HS có thể tham khảo các hình trang 105 (SGK) và kể thêm những việc nên và không nên làm khác.

– Với mỗi việc được nêu ra, HS cũng cần giải thích vì sao đây là việc nên làm hoặc không nên làm để chăm sóc, bảo vệ tai.

2) Bạn cần thay đổi thói quen nào để chăm sóc, bảo vệ tai? Vì sao?

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện các cặp trình bày kết quả thảo luận, các bạn khác bổ sung.

– GV có thể ghi nhanh ý kiến của các nhóm về những việc nên và không nên làm để chăm sóc và bảo vệ tai lên bảng.

(GV có thể tham khảo về các việc nên và không nên làm để chăm sóc, bảo vệ tai ở Phụ lục 2).

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 7: Đóng vai xử lý tình huống để bảo vệ mắt và tai

* Mục tiêu

Thể hiện được ý thức giữ vệ sinh và bảo vệ mắt và tai.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo nhóm

– Đại diện các nhóm bốc thăm để nhận một trong hai tình huống dưới đây.

Tình huống 1:

Một bạn đang ngồi đọc truyện thì một bạn khác đến hét to vào tai. Nếu em có mặt ở đây, em sẽ nói gì với bạn?

Tình huống 2:

Giờ ra chơi các bạn rủ em chơi đánh trận giả và dùng que để đánh nhau. Em sẽ nói gì với bạn?

– Nhóm trưởng điều khiển các bạn xung phong thể hiện cách ứng xử với bạn của mình trong tình huống này.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Các nhóm lên thể hiện cách ứng xử và góp ý lẫn nhau.

– Tiếp theo, cả lớp thảo luận về bài học rút ra qua cách xử lý tình huống của các nhóm.

Kết luận:

Chúng ta không nên chơi những trò chơi nguy hiểm có hại cho mắt và tai.

Kết thúc giờ học, GV nhắc HS ngồi học đúng tư thế để bảo vệ mắt.

Hoạt động 8: Chơi trò chơi “Ai nhanh, ai đúng?”

*** Mục tiêu**

- Kể ra được một số việc nên làm và không nên làm để bảo vệ mũi, lưỡi và da.
- Nêu được sự cần thiết phải bảo vệ mũi, lưỡi và da.
- Luôn có ý thức giữ vệ sinh và bảo vệ mũi, lưỡi và da.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc cá nhân

HS quan sát các hình trang 106, 107 (SGK), để tìm xem những việc nào nên hoặc không nên làm để bảo vệ mũi, lưỡi, da và suy nghĩ để tìm thêm trong thực tế cuộc sống còn việc nào nên, không nên làm để bảo vệ mũi, lưỡi và da.

Bước 2: HS chơi trò chơi “Ai nhanh, ai đúng?” theo nhóm lớn (8 – 9 HS).

Mỗi nhóm cần 1 quả bóng và đứng thành vòng tròn.

Cách chơi như sau:

– HS 1 cầm bóng, vừa ném bóng cho bạn khác vừa nêu câu hỏi. Ví dụ: “Việc nào nên làm để bảo vệ da?”

– HS 2 bắt được bóng phải trả lời câu hỏi của HS 1. Ví dụ: “Tắm rửa hằng ngày”. Tiếp theo, HS 2 vừa ném bóng cho HS 3 vừa nêu một câu hỏi khác. Ví dụ: “Việc nào không nên làm để bảo vệ lưỡi?”.

– HS 3 bắt được bóng phải trả lời câu hỏi vừa nêu của HS 2. Trò chơi cứ tiếp tục như vậy cho đến khi hết thời gian quy định.

Lưu ý: Ai không bắt được bóng là bị thua; ai bắt được bóng nhưng không tìm ra câu trả lời hoặc nhắc lại câu trả lời của bạn đã nói cũng bị thua.

Bước 3: Làm việc cả lớp

– Sau trò chơi, HS thua ở các nhóm lên múa hoặc hát một bài.

– Một số HS xung phong lần lượt nhắc lại những việc nên và không nên làm để bảo vệ mũi, lưỡi và da.

(Xem một số gợi ý ở Phụ lục 3, GV có thể hỗ trợ HS nêu lại những việc nên và không nên làm để bảo vệ mũi, lưỡi và da).

– Tiếp theo, một số HS chia sẻ với các bạn trong lớp về “Em cần thay đổi thói quen nào để chăm sóc bảo vệ mũi, lưỡi và da? Vì sao?”.

Kết thúc hoạt động này, HS đọc các nội dung ghi trong phần kiến thức cốt lõi và lời con ong trang 107 (SGK).

ĐÁNH GIÁ

Ngoài việc đánh giá quá trình thực hiện các hoạt động học tập của HS trong tiết học, trước khi kết thúc tiết học, GV có thể sử dụng câu 6, 7 của Bài 15 (VBT) để đánh giá nhanh kết quả học tập của hai tiết học này.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

Bảng 1. Các việc nên và không nên làm để chăm sóc và bảo vệ mắt

STT	Các việc nên làm	Các việc không nên làm
1	Giữ vệ sinh, luôn rửa mặt bằng khăn sạch, nước sạch (<i>để tránh bị đau mắt, làm giảm thị lực hoặc bệnh nặng có thể dẫn đến mù loà</i>).	– Dùng chung khăn mặt hoặc sử dụng nước không sạch (<i>dẫn đến lây các bệnh về mắt</i>). – Dùng tay dụi mắt (đưa mầm bệnh vào mắt, dẫn đến đau mắt) hoặc làm tổn thương mắt vì bất cứ nguyên nhân nào (<i>cũng dẫn đến mù, loà</i>).
2	Đọc sách đúng khoảng cách và ở nơi đủ ánh sáng (<i>giúp phòng tránh cận thị</i>).	– Đọc sách, xem ti vi quá gần hoặc ở nơi không đủ ánh sáng (<i>làm mắt bị mỏi dẫn đến cận thị</i>). – Nhìn vào ánh sáng quá mạnh như Mặt Trời hoặc tia lửa hàn (<i>gây hỏng mắt dẫn đến mù loà</i>).
3	Đi khám mắt định kì (<i>để kiểm tra thị lực, phát hiện sớm bị cận thị, không để tăng số nhanh</i>). Nếu bị cận thị, cần đeo kính đúng số.	Dùng các thiết bị điện tử (điện thoại, máy tính, Ipad,...) quá lâu.

PHỤ LỤC 2

Bảng 2. Các việc nên và không nên làm để chăm sóc và bảo vệ tai

STT	Các việc nên làm	Các việc không nên làm
1	Giữ vệ sinh tai, hằng ngày khi rửa mặt cần lau sạch vành tai.	

STT	Các việc nên làm	Các việc không nên làm
2	Chỉ sử dụng tăm bông sạch để lấy ráy tai (<i>tránh làm thủng màng nhĩ</i>).	Sử dụng vật cứng để lấy ráy tai hay ngoáy vào tai (<i>sẽ làm thủng màng nhĩ dẫn đến điếc tai</i>).
3	Khi có nhiều nước vào tai cần nhảy lò cò, nghiêng người về phía tai có nước, kéo nhẹ vành tai để nước chảy ra và dùng tăm bông lau khô phía trong tai.	Để nước vào tai (<i>dễ gây viêm nhiễm</i>).
4	Tránh nghe các tiếng động quá to. Trong trường hợp không tránh được phải lấy bông nhét vào tai hoặc dùng tay bịt tai,...	Nghe nhạc quá to hoặc đứng gần nơi có tiếng động quá to (<i>dễ làm thủng màng nhĩ</i>).
5	Báo cho bố mẹ hoặc người thân biết để được đi khám khi tai bị đau hay có vấn đề gì.	Sử dụng thuốc xuyên tai nghe (<i>dẫn đến hỏng tai</i>).

PHỤ LỤC 3

Bảng 3. Các việc nên và không nên làm để chăm sóc và bảo vệ mũi, lưỡi, da

Bộ phận	Các việc nên làm	Các việc không nên làm
Mũi	– Dùng khăn sạch để lau. – Nhỏ mũi bằng nước muối sinh lý. – Đeo khẩu trang khi tiếp xúc với khói, bụi, hoá chất, mùi hôi thối,... – ...	– Dùng tay ngoáy mũi. – Để hoa hoặc các vật khác sát mũi để ngủ. – ...
Lưỡi	– Súc miệng bằng nước muối loãng. – Ăn sữa chua, táo, cam,... – ...	– Ăn thức ăn quá nóng, quá cay. – Ăn vội, cắn phải lưỡi. – Dùng vật dụng không vệ sinh chà xát vào lưỡi. – ...

Bộ phận	Các việc nên làm	Các việc không nên làm
Da	– Tắm rửa hằng ngày. – Đội mũ, nón khi đi nắng. – Uống nhiều nước. – Ăn nhiều rau, quả tươi. – ...	– Phơi nắng không có kem chống nắng. – Sử dụng chung khăn mặt và đồ dùng cá nhân khác. – Tiếp xúc với vật quá nóng (<i>dẫn đến bỏng</i>). – Chơi các đồ vật sắc, nhọn. – ...

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1 và tiết 2: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 4.

Tiết 3 và tiết 4: Từ Hoạt động 5 đến hết bài.

Bài 16. ĂN UỐNG HẰNG NGÀY

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

Nêu được số bữa ăn trong ngày và tên một số thức ăn, đồ uống giúp cơ thể khoẻ mạnh và an toàn.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Quan sát, so sánh một số hình ảnh, mẫu thức ăn và bao bì đựng thức ăn, đồ uống để lựa chọn thức ăn, đồ uống tốt giúp cơ thể khoẻ mạnh và an toàn.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Tự nhận xét được thói quen ăn uống của bản thân.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Các hình trong SGK.

– HS và GV cùng sưu tầm một số hình ảnh, một số mẫu thức ăn, một số rau, quả và bao bì đựng thức ăn.

– VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

Hoạt động cả lớp:

HS thảo luận về lời con ong ở trang 108 (SGK): “Tất cả chúng ta đều cần ăn uống hằng ngày. Vì sao?”

HS có thể đưa ra các ý kiến như sau: để chóng lớn, để vui chơi, để có sức khỏe, để học tập,...

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

1. Những thức ăn, đồ uống giúp cơ thể khỏe mạnh và an toàn

Hoạt động 1: Tìm hiểu về những thức ăn đồ uống giúp cơ thể khỏe mạnh

* Mục tiêu

Nêu được tên một số thức ăn, đồ uống giúp cơ thể khỏe mạnh.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc nhóm

HS quan sát hình trang 109 (SGK) và trả lời các câu hỏi:

Hãy nói tên những thức ăn, đồ uống:

+ Cần ăn, uống để cơ thể khỏe mạnh.

+ Nếu ăn, uống thường xuyên sẽ không tốt cho sức khỏe.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số nhóm chỉ vào hình vẽ và nói tên những thức ăn, đồ uống cần được sử dụng để cơ thể khỏe mạnh và những thức ăn đồ uống không nên sử dụng thường xuyên.

– Tiếp theo, cả lớp phát biểu bổ sung thêm tên các thức ăn, đồ uống khác giúp cơ thể khỏe mạnh.

Hoạt động 2: Tìm hiểu về những thức ăn, đồ uống không an toàn với cơ thể

* Mục tiêu

Xác định được những loại thức ăn không an toàn đối với cơ thể cần loại bỏ.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc nhóm

HS quan sát các hình vẽ ở cuối trang 109 (SGK) và thảo luận: Điều gì sẽ xảy ra nếu em ăn những thức ăn là bánh mì bị mốc, cam bị thối, bánh đã hết hạn sử dụng?

Gợi ý: Em có thể bị đau bụng/bị tiêu chảy/bị ngộ độc,...

Bước 2: Làm việc cả lớp

Đại diện một vài nhóm lên trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các nhóm khác góp ý, bổ sung.

Kết thúc hoạt động này, GV giúp HS nêu được: Để cơ thể khỏe mạnh và an toàn, tuyệt đối không sử dụng những thức ăn, đồ uống đã hết hạn hoặc ôi thiu hay đã bị mốc.

2. Các bữa ăn trong ngày

Hoạt động 3: Xác định số bữa ăn và những thức ăn thường dùng hằng ngày

*** Mục tiêu**

Nêu được số bữa ăn trong ngày và tên một số thức ăn, đồ uống được sử dụng trong mỗi bữa.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

– HS quan sát hình trang 110 (SGK), thay nhau hỏi và trả lời các câu hỏi tương tự câu hỏi của các bạn trong hình.

Bước 2: Làm việc cả lớp

Đại diện một cặp xung phong nói số bữa các em ăn trong ngày và tên một số thức ăn, đồ uống các em thường sử dụng trong mỗi bữa.

Kết thúc hoạt động này, dẫn đến giá trị lời con ong ong trang 110 (SGK). Đồng thời, GV cũng có thể khuyến thêm HS:

– Nên ăn đủ no tất cả các bữa, đặc biệt là bữa sáng, để có đủ sức khỏe học tập tốt và chóng lớn.

– Trong mỗi bữa ăn, cần ăn các loại thức ăn như cơm hoặc bánh mì hay bún, phở,...; thịt hoặc tôm, cá, trứng, sữa,...; các loại rau xanh, quả chín,...

– Nước cũng rất cần cho cơ thể, vì vậy không nên chỉ uống khi khát mà cần có ý thức uống đủ nước. Mỗi ngày chúng ta cần cung cấp cho cơ thể khoảng từ 4 đến 6 cốc nước.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 4: Chơi trò chơi “Đi siêu thị”

*** Mục tiêu**

– Tập lựa chọn những thức ăn, đồ uống giúp cơ thể khỏe mạnh, an toàn cho mỗi bữa ăn trong ngày.

– Quan sát, so sánh một số mẫu thức ăn và bao bì đựng thức ăn để lựa chọn thức ăn, đồ uống tốt giúp cơ thể khoẻ mạnh và an toàn.

– Bước đầu hình thành kỹ năng ra quyết định.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc cả lớp

Chuẩn bị:

GV tổ chức cho HS tham gia sắp xếp, bày những tranh ảnh, vỏ hộp, bao bì và các mẫu vật, vật thật (ví dụ một số rau củ quả sẵn có ở địa phương) đã được HS và GV mang đến lớp thành các khu bán hàng trong “siêu thị”.

Một số HS xung phong làm nhân viên siêu thị. Những HS còn lại được chia thành các “gia đình”. Mỗi gia đình khoảng 3 – 4 người. Mỗi gia đình cần có làn (giỏ) hoặc rổ để đi mua hàng (lưu ý: không sử dụng túi nilon dùng 1 lần).

GV phổ biến cách chơi cho các nhóm:

– Nhóm các “gia đình” sẽ bàn nhau nên mua thức ăn cho bữa nào trong ngày và dự kiến trước những thức ăn, đồ uống sẽ mua trong “siêu thị”.

– Nhóm các “nhân viên siêu thị” cũng bàn xem, siêu thị sẽ quảng cáo giảm giá một số mặt hàng. Ví dụ: một số rau quả không còn tươi hoặc một số thức ăn, đồ uống sắp hết hạn sử dụng,...

Bước 2: Làm việc theo nhóm

Các nhóm thực hiện theo hướng dẫn trên của GV.

Bước 3: Làm việc cả lớp

Các “gia đình” sẽ đi quanh các gian hàng ở siêu thị để tìm đúng thứ cần mua.

Lưu ý: Trong quá trình lựa chọn hàng, các “gia đình” cần quan sát, so sánh để chọn ra thức ăn tươi ngon, đọc kỹ hạn sử dụng ghi trên bao bì để tránh mua phải những thức ăn sắp hết hạn hoặc đã quá hạn sử dụng,...

Các nhân viên siêu thị có thể dùng “loa” để giới thiệu một số mặt hàng giảm giá,...

Bước 4: Làm việc theo nhóm

Sau khi “mua hàng”, các “gia đình” về vị trí của mình để trình bày, giới thiệu những thứ của nhóm mình đã mua được với cả lớp. Đồng thời nói rõ những thức ăn này được mua cho bữa ăn nào trong ngày.

Lưu ý: Các nhóm có thể giới thiệu tên những thức ăn mà “gia đình” mình dự định mua nhưng trong “siêu thị” không có hoặc có nhưng không tươi ngon,... khi đó các em đã quyết định thay thế bằng thức ăn nào. Hoặc một “gia đình” khác định không mua loại thức ăn này nhưng thấy được giảm giá thì lại mua thức ăn đó,...

Bước 5: Làm việc cả lớp

GV tổ chức cho các nhóm trình bày những thực phẩm và rau quả nhóm mình đã mua được như gợi ý ở bước 4. Các nhóm nhận xét lẫn nhau xem đã chọn được thức ăn đảm bảo cho một bữa ăn hay chưa.

IV. ĐÁNH GIÁ

Trong bài học này, GV kết hợp đánh giá quá trình và kết quả học tập của HS qua việc quan sát cách HS lựa chọn thức ăn, trình bày trước lớp và nhận xét lẫn nhau trong Hoạt động 3.

Trước khi kết thúc bài học, GV cũng lưu ý nhấn mạnh về tầm quan trọng của việc lựa chọn những thức ăn tươi ngon, bổ dưỡng đối với sức khỏe và sự an toàn của những người trong gia đình. Không nên vì tham rẻ mà sử dụng những thức ăn không đảm bảo chất lượng hoặc đã quá hạn sử dụng dễ sinh bệnh và có thể bị ngộ độc. GV cũng có thể giảng thêm cho HS về lợi ích của các thức ăn như cơm, bánh mì; thịt, cá, trứng, sữa; các loại rau.

PHỤ LỤC

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết bài.

Bài 17. VẬN ĐỘNG VÀ NGHỈ NGƠI (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Xác định được các hoạt động vận động và nghỉ ngơi có lợi cho sức khỏe.
- Nêu được sự cần thiết phải vận động và nghỉ ngơi hằng ngày.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Quan sát các hình ảnh để tìm ra những hoạt động nào nên thực hiện thường xuyên và những hoạt động nào nên hạn chế.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Liên hệ đến những hoạt động hằng ngày của bản thân và đưa ra được hoạt động nào cần dành nhiều thời gian để cơ thể khỏe mạnh.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

GV trình bày: Hằng ngày, vào giữa buổi học chúng ta có giờ ra chơi. Chuyển từ tiết này sang tiết khác, chúng ta được nghỉ 5 phút; ngay trong một tiết học, nhiều lúc chúng ta cũng có những trò chơi giữa giờ. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu sự cần thiết của vận động và nghỉ ngơi đối với sức khỏe.

1. Hoạt động vận động và nghỉ ngơi

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Quan sát và thảo luận về các hoạt động vận động và nghỉ ngơi

* Mục tiêu

- Nêu được tên một số hoạt động, nghỉ ngơi và tác dụng của hoạt động đó.
- Liên hệ thực tế.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS quan sát các hình trang 112, 113 (SGK), một HS chỉ vào từng hình vẽ để hỏi bạn về nội dung của hình (ví dụ: Các bạn trong hình đang làm gì? Việc làm đó có tác dụng gì?). Sau đó lại đổi nhau.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số cặp chỉ và nói tên hoạt động được vẽ trong từng hình ở trang 112, 113 (SGK) và nói tác dụng của hoạt động đó (xem đáp án ở Phụ lục 1).
- GV yêu cầu cả lớp thảo luận câu hỏi: Trong số những hoạt động các em vừa nêu, hoạt động nào đòi hỏi cơ thể vận động, di chuyển và hoạt động nào không đòi hỏi sự vận động của cơ thể (xem gợi ý đáp án Phụ lục 2).

- Tiếp theo, một số HS xung phong trả lời câu hỏi trang 113 trong SGK.

Kết thúc hoạt động 1, GV chuyển ý sang hoạt động 2: Hằng đêm, chúng ta đều đi ngủ. Ngủ là một trong những cách nghỉ ngơi cần thiết đối với mỗi người.

Hoạt động 2: Thảo luận về những việc nên làm và không nên làm để có giấc ngủ tốt

* Mục tiêu

- Nhận biết được ngủ là cách nghỉ ngơi có lợi cho sức khỏe.
- Nêu được những việc nên và không nên làm trước khi đi ngủ để có giấc ngủ tốt.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

- HS hỏi và trả lời với bạn theo các câu hỏi gợi ý ở trang 114 (SGK):
 - + Bạn thường đi ngủ lúc mấy giờ?
 - + Chúng ta có nên thức khuya không? Vì sao?
 - + Theo bạn, vào buổi tối trước khi đi ngủ chúng ta nên làm gì và không nên làm gì?
 - + ...

Bước 2: Làm việc cả lớp

Đại diện các cặp trình bày kết quả thảo luận, các bạn khác bổ sung. GV chốt lại những ý chính.

Kết thúc hoạt động này, HS đọc mục “Em có biết?” ở trang 114 (SGK). GV yêu cầu một số HS nhắc lại tầm quan trọng của giấc ngủ.

ĐÁNH GIÁ

GV có thể sử dụng câu 1, 2 và 3 của Bài 17 (VBT) để đánh giá nhanh kết quả học tập của HS sau hoạt động 1 và 2 của bài học này.

2. Lợi ích của hoạt động vận động và nghỉ ngơi

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 3: Trình bày về lợi ích của hoạt động vận động, nghỉ ngơi và việc thực hiện các hoạt động vận động, nghỉ ngơi hợp lí

* Mục tiêu

- Nêu được lợi ích của hoạt động vận động và nghỉ ngơi.
- Liên hệ đến những hoạt động hằng ngày của bản thân và đưa ra được hoạt động nào cần dành nhiều thời gian để cơ thể khỏe mạnh.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm theo nhóm

HS nhớ lại tác dụng của các hoạt động vận động và nghỉ ngơi nói chung và lợi ích của giấc ngủ nói riêng, kết hợp với các từ ngữ được gợi ý trong khung ở trang 115 (SGK) để nói về lợi ích của hoạt động vận động và nghỉ ngơi.

Bước 2: Làm việc cả lớp

Đại diện các nhóm trình bày trước lớp. GV khen các nhóm đưa ra được thêm những cụm từ khác ngoài những cụm từ được gợi ý trong SGK khi nói về lợi ích của hoạt động vận động và nghỉ ngơi.

Hoạt động 4: Liên hệ về việc thực hiện các hoạt động vận động và nghỉ ngơi của bản thân

*** Mục tiêu**

Liên hệ đến những hoạt động hằng ngày của bản thân và đưa ra được hoạt động nào cần dành nhiều thời gian để cơ thể khoẻ mạnh.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

Dựa vào việc quan sát hình ở trang 115 (SGK), HS hỏi và trả lời với bạn về những việc các em nên làm thường xuyên và những việc các em nên hạn chế thực hiện. Đồng thời, liên hệ xem các em cần thay đổi thời gian vận động, nghỉ ngơi của mình như thế nào. Ví dụ: Em cần hạn chế thời gian xem ti vi hoặc em cần tăng thêm thời gian làm việc nhà,...

Bước 2: Làm việc cả lớp

Đại diện một số cặp trình bày trước lớp.

Kết thúc bài học, HS đọc và ghi nhớ kiến thức chủ yếu ở trang 115 (SGK).

IV. ĐÁNH GIÁ

GV có thể sử dụng câu 4, 5 và 6 của Bài 17 (VBT) để đánh giá kết quả học tập của HS sau hoạt động 3 và 4 của bài học này.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

Hoạt động được vẽ ở từng hình ở trang 112, 113 (SGK)	Tác dụng
Hình 1	Nếu chơi có chừng mực, sẽ giúp sự kết hợp linh hoạt giữa mắt và bàn tay, tăng cường khả năng sáng tạo, tăng tính quyết đoán,...
Hình 2, 3, 4, 5, 6	Là những hoạt động vận động giúp xương khớp chắc khỏe, có lợi cho tim mạch, giúp ngủ ngon, ...
Hình 7	Giải trí, tăng vốn từ, tăng sự hiểu biết,...
Hình 8, 9, 11	Giúp nhà cửa sạch sẽ, cây cối xanh tốt, rèn luyện tính chăm chỉ, thể hiện trách nhiệm của em với gia đình,...
Hình 10	Giải trí.
Hình 12	Ngủ là một cách nghỉ ngơi cần thiết giúp cơ thể khỏe mạnh, trí óc minh mẫn.

PHỤ LỤC 2

Phân biệt hoạt động vận động và hoạt động nghỉ ngơi:

– Các hoạt động đòi hỏi cơ thể phải vận động, di chuyển: nhảy dây, đi bộ, đi xe đạp, đánh cầu lông, đi bơi, lau bàn, quét nhà, tưới cây.

– Các hoạt động không đòi hỏi sự vận động của cơ thể: chơi trò chơi điện tử, đọc sách, xem ti vi, ngủ.

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết bài.

Bài 18. THỰC HÀNH: RỬA TAY, CHẢI RĂNG, RỬA MẶT

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

Nêu được lợi ích của sự rửa tay, chải răng, rửa mặt.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Thực hiện đúng các quy tắc giữ vệ sinh cơ thể: rửa tay, chải răng, rửa mặt đúng cách.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Các hình vẽ trong SGK.

– Xà phòng.

– Khăn mặt (mỗi HS có một khăn riêng).

– Bàn chải răng (mỗi HS chuẩn bị một bàn chải riêng); cốc (li đựng nước); kem đánh răng trẻ em.

– Mô hình hàm răng.

– Nước sạch.

Lưu ý: Tùy điều kiện từng trường, GV có thể chuẩn bị thùng có vòi hoặc xô chậu đựng nước sạch và gáo có cán để múc nước.

– VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

RỬA TAY

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

1. Lợi ích của việc rửa tay

Hoạt động 1: Thảo luận về lợi ích của việc rửa tay

** Mục tiêu*

Nêu được lợi ích của việc rửa tay.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

– HS làm việc theo cặp, cùng quan sát hình và nói về nội dung của hình vẽ trang 116 (SGK) (hình vẽ cho thấy sau khi tiếp xúc với đất, một bạn lấy tay dụi mắt, một bạn cầm thức ăn để ăn), sau đó sẽ cùng hỏi và trả lời nhau các câu hỏi dưới đây:

+ Có nên dụi mắt, cầm thức ăn ngay sau khi chơi như các bạn trong hình không? Vì sao?

(Gợi ý: Các bạn không nên dụi mắt, cầm thức ăn ngay sau khi tay tiếp xúc với đất vì tay bẩn dụi vào mắt sẽ làm đau mắt, tay bẩn cầm thức ăn sẽ gây đau bụng,...).

+ Hãy nói về lợi ích của việc rửa tay.

(Gợi ý: Rửa tay sạch giúp loại bỏ các mầm bệnh, phòng tránh được các bệnh về ăn uống, về da, mắt,...).

+ Hằng ngày, bạn thường rửa tay khi nào?

(Gợi ý: Rửa tay khi tay bẩn, rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh).

Bước 2: Làm việc cả lớp

Đại diện các cặp trình bày kết quả thảo luận, các bạn khác bổ sung. GV chốt lại những ý chính.

Kết thúc hoạt động này, HS đọc mục “Em có biết?” ở cuối trang 116 (SGK).

LUYỆN TẬP

2. Rửa tay như thế nào?

Hoạt động 2: Thực hành rửa tay

*** Mục tiêu**

Thực hiện được một trong những quy tắc giữ vệ sinh cơ thể là rửa tay đúng cách.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

– HS trao đổi với nhau những việc cần làm khi rửa tay.

GV gợi ý cho HS làm ướt tay, lấy xà phòng và thực hiện các động tác theo hình trang 117 (SGK) (Chà sát lòng bàn tay; Cọ từng ngón tay; Chà sát mu bàn tay; Chà sát các kẽ ngón tay; Chụm 5 ngón tay này cọ vào lòng bàn tay kia và đổi lại) và cuối cùng xả cho tay sạch hết xà phòng dưới vòi nước sạch rồi lau khô tay bằng khăn mặt hoặc khăn giấy sạch.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Một số HS xung phong lên làm từng động tác theo các bước rửa tay như hình vẽ. HS khác và GV nhận xét.

Lưu ý: GV có thể làm mẫu rửa tay đúng cách cho cả lớp quan sát trước khi các em thực hành rửa tay thật theo nhóm.

Bước 3: Làm việc theo nhóm

– GV chia lớp thành các nhóm; phát vật dụng (hình “Chúng mình cần” trang 117 (SGK)) dùng để thực hành rửa tay.

– HS thực hành rửa tay với xà phòng và nước sạch theo nhóm.

– GV quan sát và giúp đỡ các nhóm thực hành.

Bước 4: Làm việc cả lớp

– Đại diện các nhóm trình diễn rửa tay theo đúng cách.

– Đại diện các nhóm trình diễn rửa tay trước lớp. Các bạn nhận xét góp ý.

Kết thúc tiết học, HS đọc lời con ong ở trang 117 (SGK).

CHẢI RĂNG

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

1. Lợi ích của việc chải răng

Hoạt động 1: Thảo luận về lợi ích của việc chải răng

* Mục tiêu

Nêu được lợi ích của việc chải răng.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS quan sát hình trang 118 (SGK) và nói với nhau về lợi ích của việc chải răng. Tiếp theo, các em liên hệ bản thân trả lời câu hỏi: Hằng ngày, em chải răng vào lúc nào?

Bước 2: Làm việc cả lớp

Một số cặp trình bày kết quả thảo luận với cả lớp.

Kết thúc hoạt động này, HS đọc mục kiến thức chủ yếu ở trang 118 (SGK).

LUYỆN TẬP

2. Chải răng như thế nào?

Hoạt động 2: Thực hành chải răng

* Mục tiêu

Thực hiện được một trong những quy tắc giữ vệ sinh cơ thể là chải răng đúng cách.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc cả lớp

– GV yêu cầu cả lớp quan sát mô hình hàm răng và lần lượt đặt câu hỏi:

+ Hãy chỉ và nói đâu là mặt trong, mặt ngoài và mặt nhai của răng trên mô hình hàm răng.

(Một vài HS lên trước lớp, chỉ vào mặt trong, mặt ngoài và mặt nhai của răng trên mô hình hàm răng.)

+ Hằng ngày, em quen chải răng như thế nào?

(Một vài HS lên làm thử các động tác chải răng bằng bàn chải GV mang đến lớp trên mô hình hàm răng.)

– Tiếp theo, GV làm mẫu lại các động tác chải răng trên mô hình hàm răng, vừa làm, vừa nói các bước:

(1) Chuẩn bị cốc (li) và nước sạch.

(2) Lấy kem chải răng vào bàn chải (mỗi lần khoảng bằng một hạt lạc).

(3) Chải răng theo hướng đưa bàn chải từ trên xuống, từ dưới lên. Lần lượt từ phải qua trái; chải mặt ngoài, mặt trong và mặt nhai của răng.

(4) Súc miệng kĩ rồi nhổ ra, vài lần.

(5) Sau khi chải răng xong phải rửa bàn chải thật sạch, vẩy khô, cắm ngược bàn chải vào giá.

Bước 2: Làm việc theo nhóm

– GV phân chia khu vực cho các nhóm thực hành chải răng thật bằng nước sạch và bàn chải răng do các em mang theo.

– Lần lượt HS chải răng theo quy trình GV hướng dẫn trên mô hình, các bạn trong nhóm quan sát, nhận xét.

– GV đi đến các nhóm và giúp đỡ.

Bước 3: Làm việc cả lớp

– GV yêu cầu HS đại diện các nhóm lên làm động tác mẫu trước lớp. Các bạn nhận xét và góp ý.

– HS khác nhận xét cách chải răng của bạn đúng hay sai. Nếu bạn làm sai, em đó lên làm lại.

Kết thúc tiết học, HS đọc lời con ong ở trang 119 (SGK).

RỬA MẶT

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

1. Lợi ích của việc rửa mặt

Hoạt động 1: Quan sát tranh và thảo luận về lợi ích của việc rửa mặt

* Mục tiêu

Nêu được lợi ích của việc rửa mặt.

* Cách tiến hành

Bước 1: Chơi theo nhóm

GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Thi nói về lợi ích của việc rửa mặt sạch sẽ” theo nhóm lớn.

Mỗi nhóm cần 1 quả bóng, khi bóng tung đến bạn nào, bạn đó phải đỡ bóng và tìm một cụm từ để nói về lợi ích của việc rửa mặt. Bạn nào không đỡ được bóng hoặc không nói nhanh được lợi ích của việc rửa mặt là thua.

Lưu ý: Do có sự thi đua giữa các nhóm nên trong cùng một thời gian, nếu nhóm nào tìm ra được nhiều cụm từ nói về lợi ích của việc rửa mặt hơn, nhóm đó sẽ được về nhất.

Bước 2: Báo cáo trước lớp

Đại diện các nhóm báo cáo về số lượng cụm từ nói về lợi ích của việc rửa mặt trước lớp.

GV động viên, khen thưởng (nếu có) nhóm tìm ra được nhiều cụm từ nói về lợi ích của việc rửa mặt.

2. Rửa mặt như thế nào?

LUYỆN TẬP

Hoạt động 2: Thực hành rửa mặt

* Mục tiêu

Thực hiện được một trong những quy tắc giữ vệ sinh cơ thể là rửa mặt đúng cách.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

– HS quan sát hình vẽ các bước rửa mặt trang 121 (SGK) và nói với nhau tên từng bước, đồng thời tập làm động tác theo hình vẽ.

Bước 2: Làm việc cả lớp

Một số HS xung phong lên làm từng động tác theo các bước rửa mặt như hình vẽ. HS khác và GV nhận xét.

Lưu ý: GV có thể làm mẫu cách rửa mặt sạch theo các bước sau cho cả lớp quan sát:

(1) Rửa sạch tay trước khi rửa mặt.

(2) Hứng nước vào hai bàn tay xoa lên mặt, xung quanh hai mắt, đưa tay từ hốc mắt ra, sau đó là hai má, trán, cằm, mũi, quanh miệng.

(3) Dùng khăn sạch trải lên lòng bàn tay, thấm nước trên mặt, bắt đầu từ hai mắt, sau đó là lau hai má, trán, cằm, mũi, quanh miệng.

(4) Vò sạch khăn, vắt bớt nước, lau cổ, gáy, lật mặt khăn ngoáy hai lỗ tai, vành tai, cuối cùng dùng hai góc khăn ngoáy hai lỗ mũi (các bộ phận này nhiều chất bẩn, nên phải lau sau).

(5) Giặt khăn bằng xà phòng và giữ lại bằng nước sạch.

(6) Phơi khăn ra chỗ thoáng, có ánh sáng mặt trời (phơi lên dây và cặp lại cho khô rơi).

Bước 3: Làm việc theo nhóm

– GV chia lớp thành các nhóm; HS sử dụng khăn mặt riêng của mình để thực hành rửa mặt.

– HS thực hành rửa mặt theo nhóm.

– GV quan sát và giúp đỡ các nhóm thực hành.

Lưu ý: Nên cho các em thực hành rửa mặt dưới vòi nước chảy hoặc cử một bạn dùng gáo múc nước để dội khi vò khăn. Trong trường hợp dùng chung chậu, thì sau khi một HS thực hành rửa mặt xong, cần yêu cầu phải rửa sạch chậu trước khi đến lượt em khác thực hành.

Bước 4: Làm việc cả lớp

Đại diện các nhóm lên làm lại các thao tác rửa mặt cho cả lớp xem. Các bạn nhận xét góp ý. GV uốn nắn từng động tác cho các em nếu cần.

Kết thúc tiết học, HS đọc lời con ong ở trang 121 (SGK).

IV. ĐÁNH GIÁ

GV có thể sử dụng các câu hỏi của Bài 18 (VBT) để đánh giá kết quả học tập của HS sau khi học xong bài này.

PHỤ LỤC

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Rửa tay.

Tiết 2: Chải răng.

Tiết 3: Rửa mặt.

Bài 19. GIỮ AN TOÀN CHO CƠ THỂ (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

Nêu được cách bảo vệ vùng riêng tư của cơ thể.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Quan sát các hình ảnh để phân biệt được hành động nào là tốt, hành động nào là xấu đối với trẻ em.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

– Thực hành nói không và tránh xa người có hành vi động chạm hay đe dọa đến sự an toàn của bản thân.

– Thực hành nói với người lớn tin cậy để được giúp đỡ khi cần.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Các hình trong SGK.

– VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

Hoạt động cả lớp:

– Chơi trò chơi “Bạn sẽ nói với ai?”

+ HS đứng thành hai vòng, vòng trong và vòng ngoài. Người ở vòng trong quay về phía người ở vòng ngoài tạo thành từng cặp (theo hình trang 122 SGK).

+ GV yêu cầu HS nghĩ tất cả những gì có thể xảy ra với các em để đặt ra câu hỏi, trong những trường hợp đó, bạn sẽ nói với ai.

– Hết thời gian chơi, HS trả lời câu hỏi: Qua trò chơi, em học được điều gì?

– GV giúp HS hiểu, các em cần chia sẻ với những người mà em tin cậy về tất cả những vấn đề các em có thể gặp phải về sức khỏe hay những chuyện khác trong cuộc sống như những điều làm em lo sợ hoặc buồn chán,...

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

1. Bảo vệ vùng riêng tư của cơ thể

Hoạt động 1: Thảo luận về cách bảo vệ vùng riêng tư của cơ thể

* Mục tiêu

Nêu được cách bảo vệ vùng riêng tư của cơ thể.

* Cách tiến hành

Phương án 1:

Hoạt động cả lớp:

– GV yêu cầu một số HS nhắc lại về những vùng riêng tư của mỗi người đã được học trước đó.

– HS thảo luận câu hỏi trong SGK trang 123: “Ai có thể được nhìn hoặc chạm vào những vùng riêng tư của cơ thể em?”

– Kết thúc hoạt động này, HS cần nhớ: Không ai được nhìn hoặc chạm vào các vùng riêng tư của cơ thể em (trừ bố mẹ giúp em tắm hoặc bác sĩ khám chữa bệnh cho em khi có bố mẹ đi cùng).

Lưu ý: GV nhắc HS, các em cũng cần biết rằng, người lớn không được yêu cầu các em chạm vào vùng riêng tư của bất cứ ai hay của chính họ.

Phương án 2:

Bước 1: Làm việc cá nhân

HS làm câu 1 và 2 Bài 19 (VBT).

Bước 2: Làm việc cả lớp

HS xung phong báo cáo kết quả làm bài tập và góp ý lẫn nhau về lời giải. GV chữa bài và giúp HS rút ra được kết luận như Phương án 1.

2. Một số hành vi động chạm, đe dọa sự an toàn của bản thân và cách phòng tránh

Hoạt động 2: Phân biệt hành động tốt và xấu với trẻ em

* Mục tiêu

– Quan sát các hình ảnh để phân biệt được hành động nào là tốt, hành động nào là xấu đối với trẻ em.

– Đưa ra cách ứng xử trong tình huống bị người khác làm tổn thương hoặc gây hại.

– Nêu được xâm hại trẻ em là gì.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS quan sát các hình trang 124 (SGK), lần lượt hỏi và trả lời nhau các câu hỏi dưới đây:

– Trong các tình huống được vẽ trong các hình 1, 2, 3, 4, hành động nào là tốt, hành động nào là xấu đối với trẻ em?

Gợi ý: Chỉ có hành động của bố chúc con ngủ ngon (hình 3) là tốt đối với trẻ em; Còn hành động của những người khác trong các hình 1, 2 và 4 là những hành động xấu với trẻ em.

– Em sẽ làm gì khi bị người khác làm tổn thương hoặc gây hại?

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện các cặp lên trình bày trước lớp, HS khác nhận xét và bổ sung.

Lưu ý: Đối với câu hỏi giúp HS phân biệt hành động nào là tốt hoặc xấu với trẻ em khi quan sát các hình trang 124 (SGK), GV có thể yêu cầu HS nêu lí do tại sao hành động đó là tốt hoặc xấu với trẻ em.

– GV yêu cầu HS đọc lời con ong ở cuối trang 124 (SGK) để trả lời câu hỏi: Xâm hại trẻ em là gì?

Tiếp theo, GV có thể yêu cầu HS làm câu 3 của Bài 19 (VBT), qua đó mở rộng hiểu biết cho HS về một số hành vi xâm hại trẻ em khác.

Đối với câu hỏi: “Em sẽ làm gì khi bị người khác làm tổn thương hoặc gây hại?”, GV nhấn mạnh nếu không may điều đó xảy ra, các em cần phải nói với người lớn tin cậy để được giúp đỡ và tránh bị lặp lại. Tốt nhất là chúng ta học cách phòng tránh bị xâm hại để giữ an toàn cho bản thân (chuyển ý sang hoạt động tiếp theo).

LUYỆN TẬP

3. Thực hành bảo vệ sự an toàn cho bản thân

Hoạt động 3: Thực hành ba bước giữ an toàn cho bản thân

* Mục tiêu

Luyện tập ba bước phòng tránh bị xâm hại.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc cả lớp

– HS đọc chỉ dẫn thực hành ba bước phòng tránh bị xâm hại ở trang 125 (SGK).

– Một số HS xung phong lên thể hiện trước lớp. Các bạn khác và GV nhận xét (nếu cần GV có thể làm mẫu cho HS quan sát).

Bước 2: Làm việc theo nhóm

– HS thu dọn bàn ghế gọn lại để thực hành trong nhóm (bảo đảm HS nào cũng được luyện tập). Trong quá trình các nhóm luyện tập, GV hỗ trợ và uốn nắn (nếu cần).

– Cùng với việc luyện tập nêu trên, HS trao đổi với các bạn trong nhóm tên ba người em tin cậy và cho biết họ là ai, họ có quan hệ với em như thế nào.

Bước 3: Làm việc cả lớp

– Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.

– GV yêu cầu các nhóm nhận xét, góp ý lẫn nhau.

Lưu ý: GV cần dặn HS, khi gặp tình huống nguy cơ, các em cần nói với người lớn tin cậy để được giúp đỡ kịp thời. Nếu nói một lần chưa được thì các em cần nhắc lại nhiều lần với những người tin cậy khác hoặc gọi điện thoại đến số 111 cho tới khi nhận được sự giúp đỡ. GV cũng nhấn mạnh đến quyền trẻ em, không ai có quyền gây hại, làm tổn thương các em.

Kết thúc hoạt động này, GV yêu cầu HS ghi nhớ những kiến thức chủ yếu ở trang 125 (SGK).

IV. ĐÁNH GIÁ

GV có thể sử dụng các câu 4, 5 và 6 của Bài 19 (VBT) để đánh giá kết quả học tập của HS sau khi học xong bài này.

PHỤ LỤC

Gợi ý phân bổ thời lượng:

– Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

– Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết bài.

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ

CHỦ ĐỀ CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

Ôn lại những kiến thức đã học về:

- Các bộ phận bên ngoài cơ thể và các giác quan.
- Các việc cần làm để giữ cơ thể khỏe mạnh.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Củng cố kỹ năng sưu tầm, xử lý thông tin.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Thể hiện được thái độ và việc làm liên quan đến giữ vệ sinh cá nhân và phòng tránh bị xâm hại.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình ở Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Con người và sức khỏe trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Em đã học được gì về các bộ phận bên ngoài cơ thể và các giác quan?

Hoạt động 1: Hỏi – đáp về các bộ phận bên ngoài cơ thể và các giác quan

** Mục tiêu*

Ôn lại những kiến thức đã học về: Các bộ phận bên ngoài cơ thể và các giác quan.

** Cách tiến hành*

Bước 1: Làm việc theo nhóm

- Nhóm trưởng điều khiển các bạn thực hiện các việc sau:
 - + Đặt các câu hỏi và trả lời về các bộ phận bên ngoài cơ thể.
 - + Nói tên các giác quan phù hợp với mỗi hình ở trang 126 (SGK).

Bước 2: Làm việc cả lớp

Phương án 1: Đại diện các nhóm có thể đặt câu hỏi về các bộ phận bên ngoài cơ thể hoặc về các giác quan và chỉ định các bạn ở nhóm khác trả lời. Bạn trả lời đúng tiếp tục đặt câu hỏi và gọi bạn khác trả lời.

Phương án 2: Đại diện các nhóm có thể lên làm các động tác (kịch câm) và chỉ định các bạn ở nhóm khác nói tên các bộ phận bên ngoài cơ thể đang hoạt động.

GV nhận xét, đánh giá kết quả ôn tập của HS cả lớp.

2. Em cần làm gì để giữ cơ thể khoẻ mạnh?

Hoạt động 2: Hỏi – đáp về những việc cần làm để giữ cơ thể khoẻ mạnh

* Mục tiêu

Ôn lại những kiến thức đã học về những việc cần làm để giữ cơ thể khoẻ mạnh.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS nói với nhau về những việc các em thường làm ở nhà để giữ cơ thể khoẻ mạnh:

- Vận động và nghỉ ngơi.
- Giữ vệ sinh cơ thể.
- Ăn uống hằng ngày.

Bước 2: Làm việc cả lớp

Thay vì yêu cầu một số HS nói lại những việc các em thường làm ở nhà để giữ cơ thể khoẻ mạnh, GV có thể phát cho mỗi HS một Phiếu tự đánh giá về giữ gìn vệ sinh thân thể để HS tự đánh giá (Phụ lục).

3. Em sẽ thể hiện thái độ và việc làm của mình như thế nào trong các tình huống dưới đây?

Hoạt động 3: Đóng vai xử lý tình huống

* Mục tiêu

Thể hiện được thái độ và việc làm liên quan đến giữ vệ sinh cá nhân và phòng tránh bị xâm hại.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo nhóm

– Mỗi nhóm chọn một trong hai tình huống được thể hiện qua hình vẽ ở trang 127 (SGK) (GV cũng có thể đưa thêm một số tình huống khác).

– Nhóm trưởng điều khiển các bạn thảo luận đề nêu ra những cách ứng xử khác nhau có thể có. Sau đó, chọn một cách mà các em cho là tốt nhất để đóng vai. Một số xung phong nhận vai và trình bày trước lớp.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Các nhóm lên đóng vai thể hiện việc em nên làm trong từng tình huống.
- Nhóm khác nhận xét và bình luận về cách ứng xử các bạn lựa chọn để đóng vai.
- GV nhận xét, đánh giá và khen thưởng động viên các nhóm làm tốt. Từ đó rút ra bài học: Mỗi người đều cần có ý thức giữ vệ sinh cá nhân (không nên uống nước ngọt sau khi đã đánh răng và trước khi đi ngủ) và tự bảo vệ bản thân phòng tránh bị xâm hại.

IV. ĐÁNH GIÁ

GV có thể sử dụng các câu hỏi của Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Con người và sức khỏe trong VBT để đánh giá kết quả học tập của HS sau khi học xong bài này.

PHỤ LỤC

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ GIỮ VỆ SINH THÂN THỂ

1. Đánh dấu (✖) vào cột phù hợp với việc thực hiện vệ sinh thân thể của em

STT	Em thực hiện	Có	Không
1	Chải răng vào buổi sáng.		
2	Chải răng vào buổi tối.		
3	Tắm gội thường xuyên.		
4	Rửa tay trước khi ăn.		
5	Rửa tay sau khi đi vệ sinh.		
6	Thay quần áo lót hằng ngày.		
7	Mặc quần áo sạch.		
8	Chải đầu hằng ngày.		

2. Hãy đếm số lần em trả lời CÓ và điền vào chỗ trong câu dưới đây:

Tôi ghi được trên 8 việc làm.

Tôi tự đánh giá việc thực hiện vệ sinh cơ thể của tôi là:

A. Tốt.

B. Kém.

C. Bình thường.

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Hoạt động 1 đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết bài.

Chủ đề 6. TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI

(7 tiết)



YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Dạy học chủ đề *Trái Đất và bầu trời* trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 nhằm bước đầu hình thành và phát triển ở HS năng lực khoa học với những biểu hiện cụ thể của các thành phần năng lực như sau:

1. Nhận thức khoa học

- So sánh được ở mức độ đơn giản bầu trời ban ngày và ban đêm; bầu trời ban đêm vào các ngày khác nhau (nhìn thấy hay không nhìn thấy Mặt Trăng và các vì sao).
- Mô tả được một số hiện tượng thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh, gió,... ở mức độ đơn giản.
- Nêu được sự cần thiết phải theo dõi dự báo thời tiết hằng ngày.

2. Tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

- Mô tả được bầu trời ban ngày và ban đêm qua quan sát thực tế, tranh ảnh hoặc video.
- Nêu được ví dụ về vai trò của Mặt Trời đối với Trái Đất (sưởi ấm và chiếu sáng).

3. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

- Thực hiện được việc sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh để giữ cho cơ thể khỏe mạnh.
- Có ý thức bảo vệ mắt, không nhìn trực tiếp vào Mặt Trời và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CHỦ YẾU

Chú trọng tổ chức cho HS quan sát để tìm hiểu về bầu trời ban ngày và ban đêm, các hiện tượng thời tiết. Trong điều kiện không cho phép hướng dẫn HS quan sát trực tiếp, GV có thể tổ chức cho các em quan sát tranh, ảnh, kết hợp với phương pháp hỏi – đáp hoặc thảo luận theo cặp, theo nhóm,... GV cũng có thể sử dụng phương pháp trò chơi (như lựa chọn trang phục, dự báo thời tiết,...). Chú ý khai thác vốn hiểu biết của các em. Ngoài ra, để góp phần mở rộng hiểu biết cho HS, GV có thể yêu cầu các em sưu tầm các câu đố, các câu ca dao, tục ngữ hoặc các tranh ảnh,... về bầu trời ban ngày và ban đêm, các hiện tượng thời tiết.

Bài 20. BẦU TRỜI BAN NGÀY VÀ BAN ĐÊM

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Nêu được những gì thường thấy trên bầu trời ban ngày và ban đêm.

– So sánh được ở mức độ đơn giản bầu trời ban ngày và ban đêm; bầu trời ban đêm vào các ngày khác nhau (nhìn thấy hay không nhìn thấy Mặt Trăng và các vì sao).

– Nêu được ví dụ về vai trò của Mặt Trời đối với Trái Đất (sưởi ấm và chiếu sáng).

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Biết cách quan sát, đặt câu hỏi và mô tả, nhận xét được về bầu trời ban ngày và ban đêm khi quan sát tranh ảnh, video hoặc quan sát thực tế.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Có ý thức bảo vệ mắt, không nhìn trực tiếp vào Mặt Trời và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Các hình ở Bài 20 trong SGK.

– VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

– Một số tranh ảnh hoặc video clip về bầu trời ban ngày và ban đêm (để trình bày chung cả lớp).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

– GV cho cả lớp hát bài *Cháu vẽ ông Mặt Trời*.

– Sau đó GV hỏi: Chúng ta thấy Mặt Trời vào khi nào?

Từ đó dẫn dắt vào bài mới: *Bầu trời ban ngày và ban đêm*.

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

1. Bầu trời ban ngày

Hoạt động 1: Tìm hiểu về bầu trời ban ngày

** Mục tiêu*

– Kể ra những gì thường thấy trên bầu trời ban ngày.

– Nêu được ví dụ về vai trò của Mặt Trời đối với Trái Đất (sưởi ấm và chiếu sáng).

** Cách tiến hành*

– HS thảo luận nhóm đôi nói về những gì quan sát thấy trong hình 1 trang 130 (SGK).

– HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi: Vào ban ngày, em nhìn thấy gì trên bầu trời?

+ HS có thể dựa vào kinh nghiệm của các em và hình 1 trang 130 (SGK) để trả lời câu hỏi.

+ GV yêu cầu một số HS nêu ý kiến trước lớp.

Các em có thể nêu: Vào ban ngày, có thể nhìn thấy mây, Mặt Trời, chim bay, máy bay,...

GV có thể mở rộng: Hỏi thêm HS về lúc Mặt Trời mọc và Mặt Trời lặn gọi là gì?

GV có thể cho HS xem một số tranh ảnh về bầu trời ban ngày (bầu trời lúc bình minh, hoàng hôn, khói trên bầu trời,...).

GV giúp HS biết những gì trên bầu trời là tự nhiên, những gì là do con người tạo ra (ví dụ máy bay, điều, khói từ nhà máy bốc lên,...).

– GV nêu câu hỏi: Vật nào đã chiếu sáng Trái Đất, giúp ban ngày chúng ta nhìn thấy được mọi vật?

+ HS có thể trả lời: Mặt Trời.

– HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi: Con người đã sử dụng ánh sáng và sức nóng của Mặt Trời để làm gì?

+ GV có thể nêu câu hỏi gợi ý cho HS qua quan sát hình 1 trang 130 (SGK): Người lớn trong hình đang làm gì? Nhằm mục đích gì? Bạn nhỏ trong hình đang làm gì? Nhờ vật nào chiếu sáng giúp bạn nhỏ đọc được sách?

+ HS có thể nêu được – ví dụ: Người lớn đang phơi thóc, phơi quần áo nhờ Mặt Trời làm khô.

+ HS kết hợp với quan sát thực tế kể thêm một số hoạt động chúng ta thường làm vào ban ngày.

+ Các em có thể nêu các hoạt động như học tập, vui chơi, đi lại, xây dựng, đánh bắt cá,...

– HS làm câu 1 Bài 20 (VBT).

2. Bầu trời ban đêm

Hoạt động 2: Tìm hiểu về bầu trời ban đêm

* Mục tiêu

– Nêu được những gì thường thấy trên bầu trời ban đêm.

– So sánh được ở mức độ đơn giản bầu trời ban ngày và ban đêm.

– Biết cách quan sát, đặt câu hỏi và mô tả, nhận xét được về bầu trời ban đêm khi quan sát tranh ảnh, video.

* Cách tiến hành

– HS làm việc theo nhóm đôi, quan sát hình 2 trang 131 (SGK) và trao đổi: Hình vẽ thể hiện ban ngày hay ban đêm? Em nhìn thấy những gì trên bầu trời và cảnh vật xung quanh? Hình 2 có gì khác so với hình 1?

– Một số HS trả lời trước lớp. GV có thể hỏi các em về lí do mà theo các em dẫn tới sự khác nhau giữa hình 2 và hình 1.

– HS thảo luận nhóm, trao đổi về những gì các em thường thấy trên bầu trời vào ban đêm. Sau đó một số nhóm báo cáo kết quả.

– GV có thể hỏi thêm: Ban đêm, cần làm gì để có thể nhìn thấy các vật xung quanh?

+ HS có thể nêu được cần được chiếu sáng bằng đèn điện, nến, đèn pin,...

+ Vào hôm trăng sáng, ánh sáng phản chiếu từ Mặt Trăng cũng giúp nhìn thấy các vật.

– GV cho các em tự đọc phần kiến thức chủ yếu ở trang 131 (SGK).

Hoạt động 3: Thảo luận về bầu trời đêm vào các ngày khác nhau

* Mục tiêu

So sánh được ở mức độ đơn giản bầu trời ban đêm vào các ngày khác nhau (nhìn thấy hay không nhìn thấy Mặt Trăng và các vì sao).

* Cách tiến hành

– GV cho HS làm việc theo nhóm đôi quan sát hình và nhận xét bầu trời ban đêm trong các hình; sau đó thảo luận câu hỏi: Bầu trời vào các đêm khác nhau có khác nhau không? Bạn thích bầu trời đêm như thế nào nhất?

– HS dựa vào kinh nghiệm và các hình ở trang 132 (SGK) để trả lời, các em có thể nêu: bầu trời vào các đêm khác nhau có thể khác nhau. Ví dụ có hôm nhìn thấy sao, có hôm không, nhìn thấy Mặt Trăng cũng khác nhau (khuyết, tròn,...).

– GV yêu cầu một số HS trả lời trước lớp.

Hoạt động 4: Hát những bài hát về Mặt Trời, Mặt Trăng hoặc các vì sao

* Mục tiêu

HS yêu thích tìm hiểu về bầu trời ban ngày và ban đêm thông qua các bài hát.

*** Cách tiến hành**

– GV có thể cho cả lớp (chia làm hai nhóm) chơi; hoặc có thể cho một số HS xung phong tham gia chơi.

GV cho các em tự đọc phần “Em có biết?” ở cuối trang 132 (SGK).

– GV cũng có thể hỏi mở rộng thêm (không bắt buộc): Các em có biết vật nào gần/xa mặt đất nhất trong các vật: chim bay, các đám mây, Mặt Trời hay không?

– HS làm câu 2 của Bài 20 (VBT).

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

3. Thực hành quan sát bầu trời

Hoạt động 5: Thực hành quan sát bầu trời

*** Mục tiêu**

– Biết cách quan sát, đặt câu hỏi và mô tả, nhận xét được về bầu trời khi quan sát thực tế.

– Có ý thức bảo vệ mắt, không nhìn trực tiếp vào Mặt Trời và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.

*** Cách tiến hành**

– GV lưu ý các em không nhìn trực tiếp vào Mặt Trời để không hại mắt.

+ GV cho các em tự đọc phần “Em có biết?” ở cuối trang 133 (SGK).

Nhiệm vụ của HS khi ra ngoài trời quan sát bầu trời: Trên bầu trời có những gì, có nhiều hay ít mây, mây màu gì?...

– Tổ chức cho HS đứng ở hành lang hoặc ra sân trường để thực hành quan sát.

GV có thể hỏi một số HS nêu điều các em quan sát được và hướng dẫn các em hoàn thành phiếu quan sát bầu trời ban ngày.

– GV cho HS vào lớp, yêu cầu một số em trình bày trước lớp kết quả quan sát.

– HS làm câu 3 của Bài 20 (VBT).

Hoạt động 6: Vẽ bức tranh về bầu trời mà em thích và giới thiệu với các bạn

*** Mục tiêu**

Vận dụng được kiến thức đã học để thể hiện vào hình vẽ bầu trời.

*** Cách tiến hành**

– HS có thể vẽ bầu trời ban ngày hoặc đêm, các em có thể vẽ theo trí tưởng tượng và những gì các em hứng thú.

– GV tổ chức cho các em giới thiệu bức vẽ của mình.

IV. ĐÁNH GIÁ

HS làm việc theo nhóm đôi, tự đánh giá và trao đổi với bạn:

- Điều em học được về bầu trời ban ngày và ban đêm, em thích điều gì nhất?
- Em muốn quan sát, tìm hiểu thêm gì về bầu trời ban ngày, ban đêm?

PHỤ LỤC

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 4.

Tiết 2: Từ Hoạt động 5 đến hết bài.

Bài 21. THỜI TIẾT (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Nêu được một số dấu hiệu cơ bản của một số hiện tượng thời tiết khác nhau.
- Nêu được lí do phải theo dõi dự báo thời tiết.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Quan sát và nhận biết được ngày nắng, ngày nhiều mây, ngày mưa, ngày gió.

** Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

Biết chọn dùng trang phục phù hợp thời tiết (nóng, rét, mưa, nắng).

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 1.
- Một số tranh ảnh hoặc video clip về các hiện tượng thời tiết (để trình bày chung cả lớp); một số bản tin dự báo thời tiết.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

- GV cho cả lớp hát bài *Trời nắng, trời mưa*.

- Sau đó GV hỏi:
- + Bài hát nhắc tới những hiện tượng thời tiết nào?
- + Vì sao khi trời mưa thỏ lại phải chạy mau?
- Từ đó dẫn dắt vào bài mới để tìm hiểu về các hiện tượng thời tiết.

1. Một số hiện tượng thời tiết

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Quan sát và nhận xét về hiện tượng thời tiết

*** Mục tiêu**

- Nêu được một số dấu hiệu cơ bản của một số hiện tượng thời tiết khác nhau.
- Quan sát và nhận biết được ngày nắng, ngày nhiều mây, ngày mưa, ngày gió.

*** Cách tiến hành**

- GV tổ chức cho HS học theo nhóm 6:

+ Mỗi học sinh trong nhóm mô tả về hiện tượng thời tiết của một hình.

+ Cả nhóm thảo luận trả lời các câu hỏi:

- Bầu trời và quang cảnh xung quanh khi trời mưa có gì khác với khi trời nắng?
- Dựa vào dấu hiệu nào mà em biết trời có gió? Gió mạnh hay gió nhẹ?
- Khi trời nóng hoặc khi trời lạnh, em cảm thấy thế nào?

– Làm việc cả lớp: Mỗi nhóm cử đại diện trả lời câu hỏi; mỗi nhóm một câu. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung câu trả lời.

LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Thi nói về hiện tượng thời tiết

*** Mục tiêu**

Trình bày được một số dấu hiệu cơ bản của một số hiện tượng thời tiết khác nhau.

*** Cách tiến hành**

- HS học theo cặp hoặc theo nhóm.

Khi GV quan sát các cặp/nhóm, khuyến khích các em huy động kiến thức đã học, kinh nghiệm và vốn từ các em có để nói về hiện tượng thời tiết. Ví dụ:

Khi trời nắng:

+ Trời xanh.

+ Mây trắng.

+ Nắng vàng.

+ ...

Khi trời mưa:

+ Bầu trời phủ toàn mây xám.

+ Không nhìn thấy Mặt Trời.

+ Mưa rơi.

+ Cây cỏ và mọi vật ở ngoài trời đều ướt.

+ ...

Hoạt động 3: Thực hành quan sát bầu trời và cảnh vật xung quanh

*** Mục tiêu**

Thực hành quan sát, nêu được nhận xét về bầu trời và quang cảnh xung quanh và nhận biết được hiện tượng thời tiết.

*** Cách tiến hành**

– GV nêu yêu cầu thực hành đối với cả lớp; có thể hỏi, gợi ý cho các em về nội dung cần quan sát. Ví dụ: Trời có nắng hoặc mưa không? có gió không? gió mạnh hay nhẹ? Trên trời có nhiều hay ít mây? Màu sắc của mây? Cảnh vật xung quanh như thế nào?...

– GV có thể gợi ý/cung cấp cho các em mẫu phiếu ghi lại kết quả quan sát (Ví dụ dưới dạng bảng dựa theo các câu hỏi ở trên).

– HS đi ra ngoài lớp, tiến hành quan sát (theo cặp), ghi lại kết quả quan sát được.

Trong quá trình HS quan sát, GV có thể có những hướng dẫn cần thiết.

– HS quay lại lớp, trao đổi để hoàn thiện bản ghi kết quả quan sát.

– Sau khi các nhóm thảo luận xong, GV yêu cầu đại diện của một số nhóm lên trình bày kết quả của nhóm mình, các nhóm khác góp ý, bổ sung. GV nhận xét và tuyên dương các nhóm làm tốt.

– GV cho HS đọc phần kiến thức chủ yếu ở trang 136 (SGK). Sau đó có thể cho một số em nhắc lại.

2. Trang phục phù hợp với thời tiết

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 4: Tìm hiểu về việc lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết

*** Mục tiêu**

Chọn được trang phục phù hợp thời tiết.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: GV tổ chức cho HS học theo cặp

– HS làm việc theo cặp, quan sát các hình vẽ ở trang 137 (SGK) và trả lời câu hỏi: Hình thể hiện trang phục gì? Trang phục đó phù hợp với thời tiết nào? Vì sao? Sau đó mỗi bạn tự nhận xét hôm nay trang phục của bản thân đã phù hợp thời tiết hay chưa? Vì sao?

– HS thảo luận để trả lời các câu hỏi trên.

Bước 2: Hoạt động cả lớp

– HS báo cáo kết quả thảo luận.

– GV có thể hỏi thêm về những trang phục khác phù hợp với các điều kiện thời tiết (nóng, rét, mưa, nắng, gió).

– GV lưu ý các em sự cần thiết phải sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. Chẳng hạn:

+ Đi dưới trời nắng phải đội mũ, nón hoặc che ô (dù) để tránh bị ánh nắng chiếu thẳng vào đầu gây nhức đầu, sổ mũi, cảm nắng.

+ Đi dưới trời mưa phải mặc áo mưa, đội nón hoặc che ô (dù) để người không bị ướt, bị lạnh, tránh bị ho, sốt,...

+ ...

– HS làm câu 1, 2, 3 của Bài 21 (VBT).

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 5: Vẽ tranh mô tả thời tiết mà em thích nhất

*** Mục tiêu**

Vận dụng được kiến thức về các dấu hiệu của thời tiết để vẽ tranh về thời tiết.

*** Cách tiến hành**

– HS lựa chọn chủ đề (kiểu thời tiết) để vẽ.

– HS vẽ và tô màu vào tranh để thể hiện cảnh về thời tiết mà em đã chọn.

– HS giới thiệu với các bạn trong nhóm về bức tranh của mình, trong đó nêu lí do em thích vẽ tranh về thời tiết này.

– GV có thể cho một số HS giới thiệu tranh vẽ của mình trước lớp.

3. Sự cần thiết phải theo dõi dự báo thời tiết

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 6: Quan sát tình huống và thảo luận về sự cần thiết phải theo dõi dự báo thời tiết

*** Mục tiêu**

Nêu được lí do phải theo dõi dự báo thời tiết.

*** Cách tiến hành**

– HS làm việc nhóm, quan sát tình huống thể hiện qua các hình và trả lời các câu hỏi:

+ Thời tiết vào lúc bạn An tan học so với lúc đi học thay đổi như thế nào? Nếu An không nghe lời mẹ thì điều gì sẽ xảy ra?

+ Việc theo dõi dự báo thời tiết hằng ngày có lợi ích gì? Nêu ví dụ.

– Sau khi các nhóm thảo luận xong, GV yêu cầu đại diện của một số nhóm lên trình bày kết quả của nhóm mình, các nhóm khác góp ý, bổ sung.

Qua phần trình bày của HS, GV tổng hợp lại và có thể mở rộng thêm lí do phải theo dõi dự báo thời tiết theo các vấn đề sau: Sức khoẻ con người; Sinh hoạt hằng ngày; Hoạt động vui chơi, giải trí; Hoạt động lao động, sản xuất; Hoạt động học tập.

Ghi chú: Nếu HS gặp khó khăn, GV có thể gợi ý giúp các em có hiểu biết ban đầu về theo dõi dự báo thời tiết. Ví dụ như: Dựa vào đâu mà chúng ta biết thời tiết ngày mai như thế nào (chẳng hạn, ngày mai trời nắng hay mưa? nhiệt độ ngày mai thế nào?...). GV cũng có thể giới thiệu một thông tin về dự báo thời tiết ở địa phương trên truyền hình hay internet,... Từ đó giúp HS biết ta có thể theo dõi dự báo thời tiết, biết được những thông tin về thời tiết qua xem ti vi, nghe đài, xem internet,...

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 7: Thực hành xử lí tình huống

*** Mục tiêu**

Chọn được trang phục phù hợp thời tiết.

*** Cách tiến hành**

– HS làm việc theo cặp, đọc thông tin và trả lời câu hỏi trang 139 (SGK): “Dựa vào bảng dự báo thời tiết sau, nếu đến Hà Nội hoặc Đà Nẵng vào những ngày dưới đây thì em cần chuẩn bị gì?”

– GV yêu cầu một số HS báo cáo kết quả thảo luận. Lưu ý các em cần nêu được lí do lựa chọn các đồ vật cần chuẩn bị.

Hoạt động 8: Thảo luận về cách để biết được thông tin dự báo thời tiết

* Mục tiêu

Nêu được một số cách để biết được thông tin dự báo thời tiết.

* Cách tiến hành

– HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi: Chúng ta có thể biết thông tin dự báo thời tiết bằng cách nào?

Các em liên hệ thực tế: Ở nhà, gia đình các em có hay theo dõi dự báo thời tiết không? Bằng cách nào?

– Sau khi các nhóm thảo luận xong, GV yêu cầu đại diện của một số nhóm lên trình bày kết quả của nhóm mình, các nhóm khác góp ý, bổ sung.

– GV có thể giới thiệu cho các em một số bản tin dự báo (lấy từ báo, từ internet,...).

GV cho HS làm câu 4, 5, 6 của Bài 21 (VBT).

Hoạt động 9: Tự đánh giá việc sử dụng trang phục của em có phù hợp thời tiết hay chưa

* Mục tiêu

– Bước đầu biết tự đánh giá việc sử dụng trang phục phù hợp thời tiết của bản thân.

– Có ý thức sử dụng trang phục phù hợp thời tiết.

* Cách tiến hành

HS làm việc theo nhóm đôi, mỗi em trao đổi với bạn:

– Đã khi nào em sử dụng trang phục không phù hợp với thời tiết (ví dụ không mặc áo khi trời lạnh, đi ngoài trời nắng mà không mang mũ, nón,...) hay chưa?

– Vì sao cần sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết?

GV cho HS tự đọc phần nội dung chủ yếu ở trang 139 (SGK). Sau đó có thể cho một số em nhắc lại.

Hoạt động 10: Theo dõi thời tiết trong một tuần (thực hiện ngoài giờ học hoặc ở nhà)

* Mục tiêu

Nêu được nhận xét về thời tiết thay đổi hằng ngày.

*** Cách tiến hành**

– HS đọc yêu cầu trong SGK. GV hướng dẫn HS cách lập bảng theo dõi thời tiết trong một tuần theo mẫu ở trang 139 (SGK); HS quan sát và ghi lại kết quả, nêu nhận xét từ kết quả em quan sát được.

– Ngoài ra GV cũng có thể khuyến khích các em sưu tầm bài hát, câu tục ngữ nói về thời tiết và chia sẻ với các bạn.

PHỤ LỤC

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 3 (hoặc 2).

Tiết 2: Từ Hoạt động 4 (hoặc Hoạt động 3) đến hết Hoạt động 5.

Tiết 3: Từ Hoạt động 6 đến hết bài.

**ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ
CHỦ ĐỀ TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI
(2 tiết)**

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

Ôn lại nội dung đã học về chủ đề Trái Đất và bầu trời.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Thu thập thông tin và trình bày thông tin về bầu trời ban ngày và ban đêm, các hiện tượng thời tiết.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Vận dụng kiến thức về hiện tượng thời tiết để đưa ra cách ứng xử phù hợp.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Các hình trong SGK.

– Một số tranh ảnh hoặc video clip về bầu trời ban ngày và ban đêm, hiện tượng thời tiết (để trình bày chung cả lớp).

– Tranh ảnh về bầu trời ban ngày và ban đêm, hiện tượng thời tiết (do HS sưu tầm theo nhóm).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Em đã học được gì về bầu trời ban ngày, ban đêm và thời tiết?

Hoạt động 1: Thi đặt câu hỏi về bầu trời ban ngày và ban đêm, các hiện tượng thời tiết

* Mục tiêu

– củng cố các kiến thức về bầu trời ban ngày và ban đêm, các hiện tượng thời tiết.

– Rèn luyện kỹ năng đặt câu hỏi về các hiện tượng tự nhiên.

* Cách tiến hành

– GV tổ chức cho HS chơi theo nhóm.

Lưu ý: các em đặt câu hỏi tránh trùng lặp và đa dạng về loại câu hỏi, về nội dung.

Nhóm trưởng chỉ định các bạn trong nhóm luân phiên đặt câu hỏi về bầu trời ban ngày, ban đêm và các hiện tượng thời tiết.

– GV tổ chức hoạt động chung cả lớp:

GV nêu tình huống: Ví dụ một bạn mới đi du lịch ở nước ngoài hoặc ở một tỉnh, thành phố khác, HS sẽ cần đặt các câu hỏi cho bạn để tìm hiểu về thời tiết ở nơi đó.

Hai đội tham gia chơi sẽ có thời gian khoảng 2 phút để chuẩn bị các câu hỏi. Sau đó chơi dưới hình thức “chơi tiếp sức”, các câu hỏi không trùng lặp với các câu đã nêu.

Đội nào nêu được nhiều câu hỏi, các câu hỏi phong phú và phù hợp hơn với tình huống sẽ thắng.

Hoạt động 2: Sưu tầm và giới thiệu với các bạn hình ảnh về bầu trời ban ngày và ban đêm, các hiện tượng thời tiết

* Mục tiêu

– củng cố lại kiến thức về bầu trời ban ngày và ban đêm, các hiện tượng thời tiết.

– Rèn luyện kỹ năng thu thập thông tin và trình bày thông tin về bầu trời ban ngày và ban đêm, các hiện tượng thời tiết.

* Cách tiến hành

– GV tổ chức cho HS thực hành theo nhóm.

Các nhóm được giao nhiệm vụ sưu tầm tranh ảnh về bầu trời ban ngày và ban đêm, các hiện tượng thời tiết từ tiết học trước.

– Các nhóm sắp xếp, trưng bày tranh ảnh ở một vị trí được giao trong lớp học. Cách bố trí sản phẩm do từng nhóm tự lựa chọn sao cho đẹp, khoa học.

– Cả lớp tham quan khu vực của từng nhóm, nghe các thành viên trong nhóm trình bày và trao đổi, thảo luận.

2. Cần làm gì để giữ sức khỏe trong các trường hợp thời tiết khác nhau?

Hoạt động 3: Trao đổi với các bạn về việc nên làm và không nên làm để giữ sức khỏe khi trời nắng, mưa, nóng, lạnh

* Mục tiêu

Củng cố, vận dụng kiến thức về việc nên làm và không nên làm để giữ sức khỏe, đảm bảo an toàn khi trời nắng, mưa, nóng, lạnh.

* Cách tiến hành

– GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, yêu cầu các nhóm trao đổi về việc nên làm và không nên làm để giữ sức khỏe, đảm bảo an toàn khi trời nắng, mưa, nóng lạnh; ghi lại kết quả chung của nhóm để chia sẻ với cả lớp.

– Tùy vào thực tế, GV có thể để các nhóm tự đưa ra cách trình bày kết quả hoặc gợi ý cho các em một phương án trình bày. Ví dụ sử dụng bảng:

	Việc nên làm	Việc không nên làm
Trời nắng		
Trời mưa		
Trời nóng		
Trời lạnh		

Lưu ý: Các nhóm cũng có thể trình bày theo những cách khác.

– Các nhóm tiến hành thảo luận tìm mối quan hệ về việc nên làm và không nên làm để giữ sức khỏe, đảm bảo an toàn khi trời nắng, mưa, nóng, lạnh.

– Sau khi các nhóm thảo luận xong, GV mời đại diện của các nhóm lên trình bày kết quả của nhóm mình, các nhóm khác góp ý, bổ sung. GV nhận xét và tuyên dương các nhóm làm tốt.

Hoạt động 4: Đóng vai xử lý tình huống

*** Mục tiêu**

Thực hành vận dụng kiến thức về việc nên làm và không nên làm để giữ sức khỏe trong các trường hợp thời tiết khác nhau vào xử lý tình huống.

*** Cách tiến hành**

– GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm.

– Từng nhóm trao đổi, đưa ra ý kiến xử lý trong tình huống đã cho; đưa ra kịch bản trình bày tình huống; phân công các bạn đóng vai: một bạn đóng vai bố, một bạn đóng vai bạn nhỏ trong tình huống, ngoài ra có thể có các nhân vật khác (tùy vào sự sáng tạo của từng nhóm).

– Sau khi các nhóm chuẩn bị xong, GV tổ chức cho các nhóm lên đóng vai xử lý tình huống. Các nhóm khác quan sát, nhận xét về phần trình bày của nhóm bạn.

PHỤ LỤC

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Hoạt động 1 đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết bài.

Cánh Diều

MỤC LỤC

Trang

<i>Lời nói đầu</i>	3
--------------------------	---

Phần một

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI.....	4
II. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA, SÁCH GIÁO VIÊN VÀ VỞ BÀI TẬP MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 1	13

Phần hai

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

Chủ đề 1. GIA ĐÌNH	23
<i>Bài 1. Gia đình em</i>	25
<i>Bài 2. Ngôi nhà của em</i>	32
<i>Bài 3. An toàn khi ở nhà</i>	38
Ôn tập và đánh giá chủ đề <i>Gia đình</i>	43
Chủ đề 2. TRƯỜNG HỌC	47
<i>Bài 4. Lớp học của em</i>	49
<i>Bài 5. Trường học của em</i>	55
Ôn tập và đánh giá chủ đề <i>Trường học</i>	61
Chủ đề 3. CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	64
<i>Bài 6. Nơi em sống</i>	66
<i>Bài 7. Thực hành: Quan sát cuộc sống xung quanh trường</i>	75
<i>Bài 8. Tết Nguyên đán</i>	79
<i>Bài 9. An toàn trên đường</i>	85
Ôn tập và đánh giá chủ đề <i>Cộng đồng địa phương</i>	91

Chủ đề 4. THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	95
<i>Bài 10. Cây xanh quanh em.....</i>	<i>96</i>
<i>Bài 11. Các con vật quanh em</i>	<i>106</i>
<i>Bài 12. Chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi</i>	<i>114</i>
<i>Bài 13. Thực hành: Quan sát cây xanh và các con vật</i>	<i>121</i>
Ôn tập và đánh giá chủ đề <i>Thực vật và động vật.....</i>	<i>126</i>
Chủ đề 5. CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ	131
<i>Bài 14. Cơ thể em.....</i>	<i>132</i>
<i>Bài 15. Các giác quan.....</i>	<i>139</i>
<i>Bài 16. Ăn uống hằng ngày</i>	<i>148</i>
<i>Bài 17. Vận động và nghỉ ngơi.....</i>	<i>152</i>
<i>Bài 18. Thực hành: Rửa tay, chải răng, rửa mặt</i>	<i>157</i>
<i>Bài 19. Giữ an toàn cho cơ thể</i>	<i>163</i>
Ôn tập và đánh giá chủ đề <i>Con người và sức khoẻ</i>	<i>167</i>
Chủ đề 6. TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI.....	170
<i>Bài 20. Bầu trời ban ngày và ban đêm</i>	<i>171</i>
<i>Bài 21. Thời tiết.....</i>	<i>176</i>
Ôn tập và đánh giá chủ đề <i>Trái Đất và bầu trời</i>	<i>182</i>

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: Tầng 6, Toà nhà số 128 đường Xuân Thuỷ, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.37547735 | Fax: 024.37547911

Email: nxb@hnue.edu.vn | Website: www.nxbdhsp.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập: ĐỖ VIỆT HÙNG

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm bản quyền nội dung:

CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Biên tập:

ỨNG QUỐC CHÍNH

Sửa bản in:

NGUYỄN THỊ THAO

NGUYỄN THỊ THANH MAI

Thiết kế sách:

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG YÊN

Trình bày bìa:

TRẦN TIỂU LÂM

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 1 – SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số: VGTX0010020B

ISBN 978-604-54-5927-0

In cuốn, khổ 17 x 24cm, tại.....

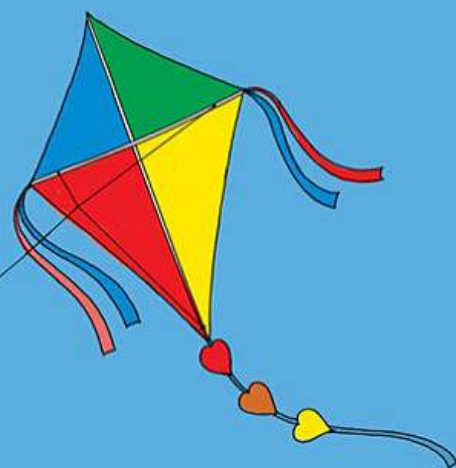
Địa chỉ:

Số xác nhận đăng ký xuất bản:

Quyết định xuất bản số:/QĐ-NXBDHSP ngày/...../2021

In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2021

Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1 Cánh Diều

1. Tiếng Việt 1 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 1
3. Đạo đức 1
4. Tự nhiên và Xã hội 1
5. Giáo dục thể chất 1
6. Âm nhạc 1
7. Mỹ thuật 1
8. Hoạt động trải nghiệm 1

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 1 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC



TEM CHÓNG GIẤ

Dùng điện thoại quét mã QR để truy cập
trang web: <https://canhdieu.monkey.edu.vn>

ISBN: 978-604-54-7599-7

